

Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



[home.liebherr.com/fridge-manuals](http://home.liebherr.com/fridge-manuals)



# LIEBHERR

# Nội dung

1	Tổng quan về thiết bị.....	3
1.1	Phạm vi cung cấp.....	3
1.2	Tổng quan về thiết bị và đồ dùng.....	3
1.3	Thiết bị thông minh.....	3
1.4	Phạm vi sử dụng của thiết bị.....	4
1.5	Sự phù hợp.....	4
1.6	Các chất SVHC theo quy định REACH.....	4
1.7	Cơ sở dữ liệu EPREL.....	4
1.8	Linh kiện thay thế.....	4
2	Hướng dẫn an toàn chung.....	4
3	Chức năng của màn hình cảm ứng.....	6
3.1	Điều hướng và giải thích ký hiệu.....	6
3.2	Thực đơn.....	6
3.3	Chế độ ngủ.....	7
4	Đưa vào hoạt động.....	7
4.1	Bật thiết bị (lần đầu sử dụng).....	7
4.2	Khởi động máy làm đá lần đầu tiên.....	7
5	Lưu trữ.....	7
5.1	Thông tin về lưu trữ.....	7
5.2	Ngăn đông.....	8
5.3	Thời gian lưu trữ.....	8
6	Tiết kiệm năng lượng.....	8
7	Kiểm soát.....	9
7.1	Điều khiển và hiển thị.....	9
7.1.1	Hiển thị trạng thái.....	9
7.1.2	Hiển thị ký hiệu.....	9
7.2	Chức năng của thiết bị.....	9
7.2.1	Ghi chú về chức năng của thiết bị.....	9
	Tắt và bật thiết bị.....	9
	Wi-Fi.....	9
	Nhiệt độ.....	10
	Đơn vị nhiệt độ.....	11
	Siêu băng giá.....	11
	Bắt đầu chu trình rã đông.....	11
	Thời trạng dự tiệc.....	12
	Chế độ ngày Sa-bát.....	12
	E-Saver.....	13
	Máy làm đá.....	13
	Nguồn cung cấp nước cho máy làm đá.....	14
	MaxIce.....	14
	Ống làm sạch.....	15
	Độ sáng màn hình.....	15
	Bảng báo động.....	15



	Khóa đầu vào.....	16
	Thông tin thiết bị.....	16
	Phần mềm.....	16
	Nhắc nhở.....	16
	Chế độ demo.....	17
	Khôi phục cài đặt gốc.....	17
7.3	Tin nhắn.....	18
7.3.1	Tổng quan về cảnh báo.....	18
7.3.2	Cảnh báo kết thúc.....	18
7.3.3	Tổng quan về lời nhắc nhở.....	19
7.3.4	Lời nhắc kết thúc.....	19
8	Tính năng.....	19
8.1	Ngăn kéo.....	19
8.2	Bảng kéo ra với IceTower.....	20
8.3	Kệ kính.....	22
8.4	Máy làm đá.....	22
8.5	Không gian Vario.....	23
9	Bảo trì.....	23
9.1	Tháo rời / lắp ráp hệ thống kéo ra.....	23
9.2	Rã đông thiết bị.....	24
9.3	Vệ sinh thiết bị.....	24
10	Trợ giúp khách hàng.....	25
10.1	Thông số kỹ thuật.....	25
10.2	Tiếng ồn khi vận hành.....	26
10.3	Lỗi kỹ thuật.....	26
10.4	Dịch vụ khách hàng.....	27
10.5	Tám mô hình.....	28
11	Đang tắt.....	28
12	Xử lý.....	28
12.1	Chuẩn bị thiết bị để xử lý.....	28
12.2	Vứt bỏ thiết bị theo cách thân thiện với môi trường cách cư xử thân thiện.....	28

Nhà sản xuất liên tục làm việc trên hơn nữa  
phát triển tất cả các loại và mô hình. Xin lưu ý rằng  
chúng tôi có quyền thay đổi hình dạng, trang bị  
trí tuệ và công nghệ.

Giải thích biểu tượng	
	<b>Đọc hướng dẫn</b> Vui lòng đọc thông tin trong hướng dẫn này cẩn thận để hiểu tất cả các lợi ích của thiết bị mới của bạn.

Giải thích biểu tượng	
	<p><b>Thông tin bổ sung trên Internet</b></p> <p>Bạn có thể tìm thấy hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số có thông tin bổ sung và bằng nhiều ngôn ngữ khác thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn sử dụng hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại <a href="http://home.liebherr.com/fridge-manuals">home.liebherr.com/fridge-manuals</a>.</p> <p>Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên thẻ sê-ri:</p> <p>Hình. Ví dụ minh họa</p>
	<p><b>Kiểm tra thiết bị</b></p> <p>Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ khách hàng của bạn.</p>
	<p><b>Sự khác biệt</b></p> <p>Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều kiểu máy, do đó có thể có sự khác biệt. Các phần chỉ áp dụng cho một số kiểu máy nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).</p>
	<p><b>Hướng dẫn và kết quả</b></p> <p>Hướng dẫn được đánh dấu bằng dấu ▶</p> <p>Kết quả được đánh dấu bằng dấu ◀</p>
	<p><b>Video</b></p> <p>Video về các thiết bị có sẵn trên kênh YouTube của Liebherr-Hausgeräte.</p>

#### Giấy phép nguồn mở: Thiết bị

bị chứa các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép nguồn mở. Thông tin về các giấy phép nguồn mở được sử dụng có thể tìm thấy tại đây: [home.liebherr.com/open-source-licences](http://home.liebherr.com/open-source-licences) Các hướng dẫn vận hành này áp dụng cho:

Số SFN..	52..
----------	------

#### Ghi chú

Nếu thiết bị của bạn có chữ N trong ký hiệu thiết bị thì đó là thiết bị NoFrost.

## 1 Tổng quan về thiết bị

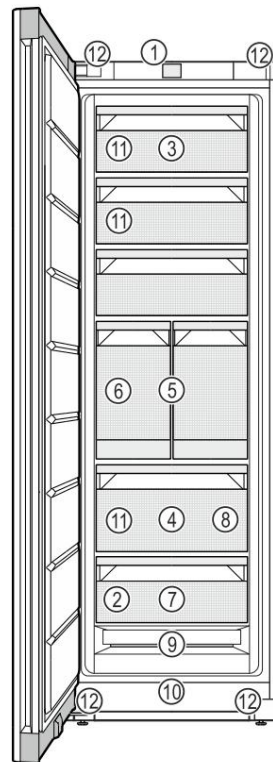
### 1.1 Phạm vi giao hàng

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Liên hệ với đại lý hoặc bộ phận dịch vụ khách hàng của bạn trong trường hợp có khiếu nại. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Thiết bị mới của bạn bao gồm các bộ phận sau:

- Thiết bị độc lập
- Tính năng (tùy theo từng model)
- Vật liệu lắp đặt (tùy theo model)
- "Hướng dẫn bắt đầu nhanh"
- "Hướng dẫn cài đặt"
- Tờ rơi dịch vụ

### 1.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ



Hình 1 Ví dụ minh họa (1) Điều khiển (2) Tầm chữ (3) Ngăn kéo nghiêng (4) SpaceBox (5) IceTower (6) IceMaker

- (7) Khay đông lạnh
- (8) Muỗng mức đá viên
- (9) Không có sường giá
- (10) Khe thông gió
- (11) Không gian đa dạng
- (12) Chân có thể điều chỉnh (phía trước), bánh xe vận chuyển (phía sau), tay cầm vận chuyển ở phía trên (phía sau) và ở phía dưới (phía trước)

#### Lưu ý

Các kệ, ngăn kéo và giỏ đựng được sắp xếp để đạt hiệu quả năng lượng tối ưu khi giao thiết bị.

Ví dụ, việc thay đổi cách lắp các kệ vào ngăn tủ lạnh không ảnh hưởng gì đến mức tiêu thụ năng lượng.

### 1.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp kết nối mạng cho tủ đông của bạn.

Nếu thiết bị của bạn được hỗ trợ SmartDevice hoặc tương thích, bạn có thể nhanh chóng và dễ dàng kết nối thiết bị của mình với WiFi. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể vận hành thiết bị của mình từ thiết bị di động. Các chức năng bổ sung và tùy chọn cài đặt có sẵn trong ứng dụng SmartDevice SmartDevice.

Thiết bị thông minh-  
ứng dụng tương thích  
an:

Thiết bị của bạn tương thích để sử dụng với SmartDeviceBox. Trước tiên, bạn phải mua và cài đặt Smart-DeviceBox. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.



## Hướng dẫn an toàn chung

Thông tin thêm về [smartdevice.liebherr.com](http://smartdevice.liebherr.com)  
SmartDe- vice:

Mua hàng [home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html)  
SmartDeviceBox  
trong Liebherr-

Cửa hàng đồ gia dụng:

Đang tải xuống  
Ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của mình với WiFi bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng thiết bị WiFi (xem WiFi).

### Lưu ý

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.

### 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng

Thiết bị chỉ phù hợp để làm mát thực phẩm trong môi trường gia đình hoặc giống như hộ gia đình. Điều này bao gồm, ví dụ, sử dụng: - trong bếp của nhân viên, cơ sở lưu trú, - cho khách ở nhà nghỉ, khách sạn, nhà nghỉ ven đường và các nơi lưu trú khác, - cho dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tương tự trong ngành bán buôn.

Thiết bị này không phù hợp để lắp âm tường.

Mọi hình thức sử dụng khác đều không được phép.

Sử dụng sai mục đích có thể

lượng trước Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm lạnh

thuốc, huyết tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các chất và sản phẩm tương tự dựa trên Chỉ thị về thiết bị y tế 2007/47/EC

- Sử dụng ở những khu vực có nguy cơ cháy nổ.

Sử dụng sai mục đích có thể làm hỏng hàng hóa được lưu trữ hoặc làm hỏng hàng hóa.

Phân loại khí hậu Tùy thuộc vào

phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động ở nhiệt độ môi trường hạn chế. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên bảng đánh giá.

Lưu ý:

Duy trì nhiệt độ môi trường được chỉ định để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

Phân loại khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

### 1.5 Sự phù hợp

Mạch làm lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Thiết bị tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tương ứng.

Toàn văn Tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn trên trang web sau: [www.Liebherr.com](http://www.Liebherr.com)

### 1.6 Các chất SVHC theo quy định REACH Bạn có thể kiểm tra

xem thiết bị của mình có chứa

các chất SVHC theo quy định REACH hay không tại liên kết sau: [home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nach-haltigkeit/umwelt/scip/scip.html](http://home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nach-haltigkeit/umwelt/scip/scip.html)

### 1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Chi tiết về yêu cầu dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái sẽ có trên cơ sở dữ liệu sản phẩm của Châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được yêu cầu nhập ID kiểu máy. Bạn có thể tìm thấy ID kiểu máy trên nhãn sản phẩm.

### 1.8 Phụ tùng thay thế

Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận có sẵn của thiết bị là 15 năm.

## 2 Hướng dẫn an toàn chung

Vui lòng cất giữ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo lại bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị, vui lòng trao lại hướng dẫn sử dụng này cho người dùng tiếp theo.

Đọc kỹ hướng dẫn vận hành này trước khi sử dụng để đảm bảo sử dụng thiết bị an toàn và đúng cách. Luôn tuân thủ các hướng dẫn, hướng dẫn an toàn và thông báo cảnh báo đi kèm. Chúng rất quan trọng để đảm bảo bạn có thể vận hành và lắp đặt thiết bị an toàn và không gặp bất kỳ sự cố nào.

## Nguy hiểm cho người sử

dụng: - Trẻ em và những người bị suy giảm khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức đều có thể sử dụng thiết bị này, miễn là họ được giám sát hoặc được hướng dẫn về cách sử dụng an toàn thiết bị này và về những mối nguy hiểm phát sinh.

Trẻ em không được chơi với thiết bị này.

Trẻ em không được thực hiện công việc vệ sinh và bảo trì khi không có sự giám sát của người lớn. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép lắp và tháo thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi có sự giám sát liên tục của người lớn.

- Ổ cắm phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Ổ cắm không được đặt ở khu vực phía sau thiết bị.

- Khi ngắt thiết bị khỏi nguồn điện, hãy luôn cầm vào phích cắm. Không kéo dây cáp.

- Trong trường hợp xảy ra lỗi, hãy rút phích cắm điện hoặc ngắt cầu chì.

- Không làm hỏng dây nguồn. Không vận hành thiết bị bằng dây nguồn bị lỗi.

- Chỉ có bộ phận dịch vụ khách hàng hoặc nhân viên được đào tạo đặc biệt mới được sửa chữa hoặc thực hiện các thao tác khác trên thiết bị.

- Chỉ lắp ráp, kết nối và thải bỏ thiết bị theo đúng hướng dẫn.

- Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về thiệt hại do kết nối nước cố định bị lỗi.

## Nguy cơ cháy

nổ: - Chất làm mát được sử dụng (thông tin trên biển số xe) thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy.

Bất kỳ chất làm mát rò rỉ nào cũng có

thể bắt lửa. • Không làm hỏng mạch làm lạnh ống.

• Không xử lý nguồn gây cháy bên trong thiết bị. • Không sử dụng các

thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy làm sạch bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm kem, v.v.). • Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: loại bỏ mọi ngọn

lửa trần hoặc nguồn gây cháy khỏi khu vực gần điểm rò rỉ.

Thông gió phòng đúng cách. Thông báo cho bộ phận dịch vụ khách hàng.

- Không cất giữ chất nổ hoặc bình xịt sử dụng chất đẩy dễ cháy như butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Để xác định các bình xịt này, hãy tìm danh sách nội dung được in trên bình hoặc ngọn lửa

Biểu tượng. Khí thoát ra có thể bắt lửa do các thành phần điện.

- Để nến, đèn và các vật dụng có ngọn lửa khác tránh xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.

- Hãy đảm bảo cất giữ đồ uống có cồn hoặc bao bì khác có chứa cồn trong các hộp đựng đậy kín. Bất kỳ loại cồn nào rò rỉ ra ngoài đều có thể bị bắt lửa bởi các thành phần điện.

Nguy cơ lật đổ và rơi: - Không sử dụng

bệ, ngăn kéo, cửa, v.v. làm bậc thang hoặc để hỗ trợ. Điều này đặc biệt áp dụng cho trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không

sử dụng thực phẩm đã bị ôi thiu.

Lưu trữ quá lâu.

Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau đớn: - Tránh tiếp xúc

da trong thời gian dài với bề mặt lạnh hoặc hàng hóa đông lạnh/làm lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như đeo găng tay.

Nguy cơ gây thương tích và hư hỏng: -

Hơi nước nóng có thể gây thương tích. Không sử dụng thiết bị làm nóng bằng điện hoặc thiết bị vệ sinh bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt đã đông để rã đông.

- Không sử dụng vật sắc nhọn để tháo đá.

Nguy cơ bị đè bẹp: -

Không giữ bản lề khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng này có thể nằm trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và đề cập đến rủi ro: Nuốt hoặc hít phải có thể gây tử vong. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không có nguy hiểm trong hoạt động bình thường.






Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của vật liệu dễ cháy. Không được tháo nhãn dán.



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tương tự có thể nằm ở mặt sau của thiết bị. Nhãn dán này cho biết có các tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm perlite trong cửa và/hoặc vỏ. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không tháo nhãn dán.

Xin lưu ý các thông điệp cảnh báo và lời khuyên cụ thể khác trong các chương khác:

# Chức năng của màn hình cảm ứng



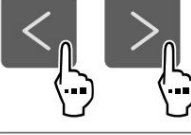



	SỰ NGUY HIỂM	báo hiệu ngay lập tức một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	CẢNH BÁO O biểu thị	tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	THẬN TRỌNG	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc trung bình nếu không tránh được.
	ĐỂ Ý	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể gây thiệt hại cho tài sản nếu không tránh được.
	Ghi chú	chỉ ra những hướng dẫn và mẹo hữu ích.

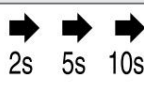


## 3 Chức năng của màn hình cảm ứng

Bạn vận hành thiết bị của mình bằng màn hình cảm ứng. Bạn chọn các chức năng của thiết bị trong màn hình cảm ứng (sau đây gọi là màn hình) bằng cách chạm vào chúng. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.

### 3.1 Điều hướng và giải thích ký hiệu

Trong hình minh họa, các ký hiệu khác nhau được sử dụng để điều hướng màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.


Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn nút Tiếp theo mũi tên: Điều hướng đến tùy chọn tiếp theo trong menu.
	Nhấn nút Quay lại mũi tên: Nhảy trở lại một tùy chọn trong thực đơn.
	Nhấn mũi tên điều hướng nhiều lần liên tiếp: Điều hướng trong menu đến chức năng mong muốn.
	Nhấn biểu tượng Xác nhận: Kích hoạt/ hủy kích hoạt chức năng. Mở menu phụ.
	Nhấn biểu tượng Xác nhận cùng với biểu tượng quay lại: Quay lại một cấp menu.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây thì thông báo sau mới xuất hiện trên màn hình.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Mũi tên chỉ thời gian: Phải mất khoảng thời gian quy định cho đến khi thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Biểu tượng "Mở menu Cài đặt": Điều hướng đến menu Cài đặt và mở menu cài đặt.  Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Cài đặt thực đơn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
	Biểu tượng "Mở menu Nâng cao": Điều hướng đến menu Nâng cao và mở menu nâng cao.  Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Nâng cao thực đơn. (xem 3.2.2 Mở menu Nâng cao)
Không có hành động nào trong 10 giây	Vì Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.
Mở cửa và đóng lại lần nữa	Nếu bạn mở cửa và đóng lại ngay lập tức, màn hình sẽ nhảy trực tiếp trở lại màn hình trạng thái.

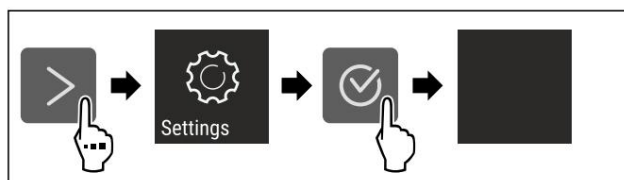
Lưu ý: Hình ảnh minh họa được hiển thị trong phiên bản tiếng Anh.

### 3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị có thể được tìm thấy trong nhiều menu khác nhau.

Thực đơn	Sự miêu tả
Menu chính Khi bạn bật thiết bị, bạn sẽ tự động vào menu chính.	
 Cài đặt thực đơn	Menu Cài đặt chứa các chức năng thiết bị bổ sung để thiết lập thiết bị của bạn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
Trình độ cao thực đơn	Menu nâng cao chứa các chức năng thiết bị đặc biệt để thiết lập thiết bị của bạn. Quyền truy cập vào menu Nâng cao được bảo vệ bằng mã số 1 5 1. (xem 3.2.2 Mở menu Nâng cao)

#### 3.2.1 Mở menu Cài đặt

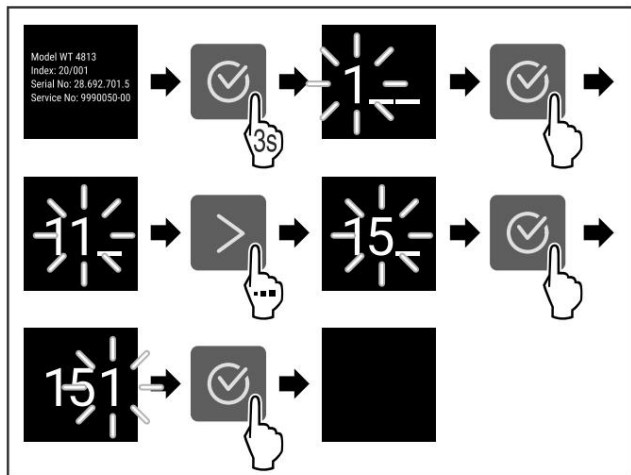


Hình 2 Ví dụ minh họa u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Menu Cài đặt đang mở. u Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

### 3.2.2 Mở menu Nâng cao



Hình 3



Hình 4 Ví dụ minh họa, truy cập bằng mã số 151

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Menu mở rộng sẽ mở ra. u Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

### 3.3 Chế độ ngủ

Nếu bạn không chạm vào màn hình trong 1 phút, màn hình sẽ chuyển sang chế độ ngủ. Ở chế độ ngủ, độ sáng màn hình sẽ mờ đi.

#### 3.3.1 Kết thúc chế độ ngủ u Nhấn bắt

ký phím điều hướng nào. w Chế độ ngủ đã kết thúc.

## 4 Đưa vào hoạt động

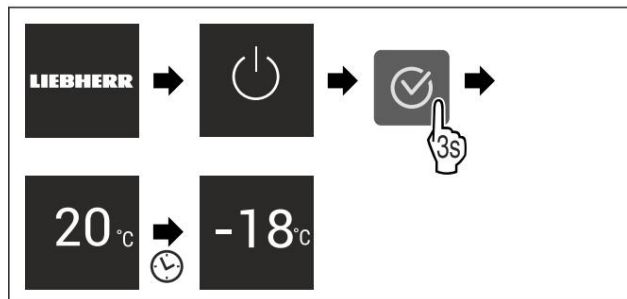
### 4.1 Bật thiết bị (lần đầu sử dụng)

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Thiết bị đã được lắp đặt và kết nối trong theo hướng dẫn cài đặt.

q Tất cả các dải keo dính, màng keo dính và màng bảo vệ và khóa vận chuyển được gỡ bỏ khỏi bên trong và trên ứng dụng. anne.

q Tất cả các tờ rơi tiếp thị đều được lấy ra khỏi ngăn kéo. q Bạn đã quen thuộc với chức năng của màn hình cảm ứng. (xem mục 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

Bật thiết bị bằng Màn hình cảm ứng: u Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ: Chạm nhẹ vào màn hình. u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.



Hình 5 Ví dụ minh họa

w Màn hình hiển thị trạng thái

xuất hiện. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ được cài đặt tại nhà máy. w Thiết bị bắt đầu ở chế độ demo (màn hình hiển thị trạng thái với DEMO xuất hiện): Nếu thiết bị bắt đầu ở chế độ demo, bạn có thể hủy kích hoạt chế độ demo trong vòng 5 phút tiếp theo. (xem Chế độ demo)

Thông tin thêm: - Khởi

động Máy làm đá lần đầu tiên. (xem 4.2 Khởi động Máy làm đá lần đầu tiên)

- Khởi động SmartDevice lần đầu tiên. (xem 1.3 Smart- Device) và (xem WiFi)

Lưu ý

Nhà sản xuất khuyến cáo: u Bảo quản thực

phẩm đông lạnh ở nhiệt độ -18 °C hoặc lạnh hơn. u Tuân

thủ các lưu ý về việc bảo quản thực phẩm. (xem 5.1 Thông tin về bảo quản)

Lưu ý:

Có thể mua phụ kiện tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html).

### 4.2 Khởi động máy làm đá lần đầu tiên

Nếu thiết bị của bạn được trang bị IceMaker, bạn phải vệ sinh IceMaker trước khi sử dụng lần đầu tiên.

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Nguồn cung cấp nước đã

được kết nối. Xem Cài đặt

Hướng dẫn hoặc hướng dẫn lắp đặt. q

Thiết bị được kết nối đúng cách. u Vệ sinh Máy

làm đá. (xem 9.3.5 Vệ sinh Máy làm đá)

## 5 Lưu trữ

### 5.1 Thông tin về lưu trữ



CẢNH BÁO Nguy

cơ hỏa hoạn u

Không sử dụng bất kỳ thiết bị điện nào trong khu vực thực phẩm của thiết bị trừ khi có khuyến cáo của nhà sản xuất.

Lưu

ý: Mức tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. u Luôn giữ cho các khe hở không khí thông thoáng.

Tuân thủ các thông số kỹ thuật sau đây khi bảo quản: -

Đóng gói thực phẩm đúng cách.

- Đóng gói thịt hoặc cá sống trong hộp đựng sạch, kín.

Điều này sẽ ngăn không cho thịt hoặc cá chạm vào hoặc nhỏ giọt vào thức ăn khác.

## Tiết kiệm năng lượng

- Chừa khoảng cách giữa các hàng hóa để đảm bảo không khí lưu thông tốt.  
sự kiện.
- Bảo quản thực phẩm theo hướng dẫn trên bao bì.  
lão hóa.
- Luôn tuân thủ ngày hết hạn sử dụng được ghi trên bao bì  
bao bì.

Lưu ý:

Không tuân thủ các hướng dẫn này có thể khiến thực phẩm bị hỏng.

## 5.2 Ngăn đông

Ở đây, khí hậu bảo quản khô và lạnh giá được tạo ra ở nhiệt độ -18 °C. Khí hậu bảo quản lạnh giá thích hợp để bảo quản thực phẩm đông lạnh trong nhiều tháng, để làm đá viên hoặc đông lạnh thực phẩm tươi.

### 5.2.1 Đông lạnh thực phẩm

Lượng đông lạnh Lượng

thực phẩm tươi sống tối đa mà bạn có thể đông lạnh trong vòng 24 giờ được ghi rõ trên nhãn loại thực phẩm (xem 10.5 Nhân mẫu) trong mục "Công suất đông lạnh ... kg/24h".

Để đảm bảo thực phẩm đông lạnh nhanh chóng, hãy tuân thủ số lượng sau cho mỗi gói: - Trái cây và rau quả tối đa 1

kg - Thịt tối đa 2,5 kg

Đông lạnh thực phẩm bằng SuperFrost Tùy

thuộc vào lượng thực phẩm cần đông lạnh, bạn có thể kích hoạt SuperFrost trước khi đông lạnh để đạt được nhiệt độ đông lạnh thấp hơn. (xem SuperFrost) u Kích hoạt SuperFrost nếu lượng thực phẩm bạn cần

đông lạnh hơn khoảng 2 kg.

Thời điểm kích hoạt SuperFrost phụ thuộc vào lượng thực phẩm bạn cần đông lạnh:

Số lượng đông lạnh	Thời điểm bạn nên kích hoạt Siêu băng giá
Một lượng nhỏ thực phẩm để đông lạnh	Kích hoạt SuperFrost khoảng 6 giờ trước khi đông lạnh. Bạn có thể cho thực phẩm vào tủ đông ngay khi thiết bị tự động tắt chức năng SuperFrost.
Lượng thực phẩm tối đa cần đông lạnh	Kích hoạt SuperFrost khoảng 24 giờ trước khi đông lạnh. Bạn có thể cho thực phẩm vào tủ đông ngay khi thiết bị tự động tắt chức năng SuperFrost.

Sắp xếp thức ăn của bạn đúng cách



**THẬN TRỌNG**

Có nguy cơ bị thương do kính vỡ!

Các chai, lon đựng đồ uống có thể bị vỡ trong quá trình đông lạnh.

Điều này đặc biệt áp dụng đối với đồ uống có ga. u Chỉ đông lạnh các chai và lon đựng đồ uống nếu bạn đã kích hoạt chức năng BottleTimer trong ứng dụng SmartDevice.

Đông lạnh quan-	Sắp xếp thức ăn của bạn đúng cách
Một lượng nhỏ thực phẩm để đông lạnh	Đặt thực phẩm đóng gói vào ngăn kéo trên cùng. Nếu có thể, hãy đặt đồ tạp hóa ở phía sau ngăn kéo gần bức tường phía sau.

Đông lạnh quan-	Sắp xếp thức ăn của bạn đúng cách
Lượng thực phẩm tối đa cần đông lạnh	Phân phối thực phẩm đóng gói vào tất cả các ngăn kéo, nhưng chỉ để thực phẩm đông lạnh ở ngăn kéo dưới cùng.  Nếu có thể, hãy đặt đồ tạp hóa ở phía sau ngăn kéo gần bức tường phía sau.

### 5.2.2 Rã đông thực phẩm



**CẢNH BÁO**

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm!

u Không đông lại thực phẩm đã rã đông. u

Sử dụng thực phẩm đã rã đông càng sớm càng tốt.

Bạn có thể rã đông thực phẩm theo nhiều cách: -

Trong tủ lạnh -

Trong lò vi sóng - Trong

lò nướng/lò nướng có quạt - Ở nhiệt độ

phòng u Chỉ lấy ra lượng thực

phẩm cần thiết.

### 5.2.3 Khay đông lạnh

Bạn có thể đông lạnh các loại quả mọng, thảo mộc, rau và các loại thực phẩm đông lạnh nhỏ khác trong khay đông lạnh mà không cần đông tất cả lại với nhau. Thực phẩm đông lạnh ít có khả năng bị dập nát và việc chia phần sau đó dễ dàng hơn. u Phân phối thực phẩm trên khay đông lạnh mà không cần đóng gói và cách xa nhau.

## 5.3 Thời gian lưu trữ

Tham khảo thời gian lưu trữ được chỉ định để biết hướng dẫn.

Đối với thực phẩm có thời hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao bì vẫn được áp dụng.

Thời gian bảo quản khuyến nghị cho các loại thực phẩm khác nhau		
Kem	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Xúc xích, giăm bông	ở -18 °C	2 đến 3 tháng
Bánh mì, đồ nướng ở nhiệt độ	-18 °C	2 đến 6 tháng
Trò chơi, thịt lợn	ở -18 °C	6 đến 9 tháng
Cá béo	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Cá nạc	ở -18 °C	6 đến 8 tháng
Phô mai	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Già cầm, thịt bò	ở -18 °C	6 đến 12 tháng
Rau, trái cây	ở -18 °C	6 đến 12 tháng

## 6 Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý thông gió tốt. Không che lỗ thông gió hoặc lưới thông gió.

- Luôn giữ cho khe gió của quạt thông thoáng.

- Không đặt thiết bị dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc gần bức xạ.  
lò sưởi hoặc các nguồn nhiệt tương tự.

- Nếu thiết bị được đặt trực tiếp cạnh lò nướng, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Điều này phụ thuộc vào tuổi thọ và cường độ sử dụng của lò nướng.

lò vi sóng.

- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt, ví dụ nhiệt độ môi trường xung quanh (xem 1.4 Thiết bị)



phạm vi sử dụng). Nhiệt độ môi trường ẩm hơn có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.

- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ cài đặt càng thấp thì mức tiêu thụ năng lượng càng cao.
- Đóng gói và đậy kín tất cả thực phẩm. Điều này ngăn ngừa sự hình thành sương giá.
- Cho thức ăn ẩm vào: để nguội đến nhiệt độ phòng.  
thiên nhiên đầu tiên.

## 7 Điều khiển

### 7.1 Điều khiển và hiển thị

#### 7.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình 6

(1) Màn hình hiển thị nhiệt

độ Màn hình trạng thái hiển thị nhiệt độ đã cài đặt và là màn hình chính. Từ đó, bạn có thể điều hướng đến các tùy chọn và cài đặt.

#### 7.1.2 Hiển thị ký hiệu

Biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái thiết bị hiện tại:

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Chế độ chờ Thiết bị hoặc vùng nhiệt độ đã tắt.
	Số nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Nhiệt độ nhấp nháy cho đến khi đạt đến giá trị cài đặt.
	Biểu tượng nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Đã thiết lập xong.
	Thanh tăng đều đặn Chức năng đã được kích hoạt.

### 7.2 Chức năng của thiết bị

#### 7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi bạn thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Bạn đã đọc và hiểu mô tả về cách thức hoạt động của màn hình. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

q Bạn đã làm quen với các bộ phận vận hành và hiển thị của thiết bị.



#### Tắt và bật thiết bị

Sử dụng chức năng này để tắt và bật toàn bộ thiết bị.

Tắt thiết bị Khi bạn tắt thiết bị,

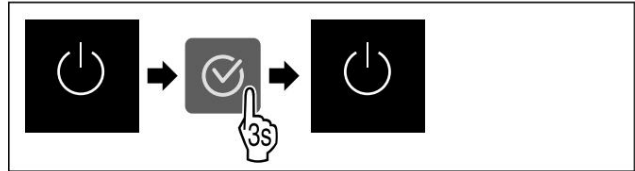
các cài đặt đã lưu trước đó sẽ được lưu lại.

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Hướng dẫn xử lý (xem 11

Tất máy) được thực hiện ngoài.



Hình 7



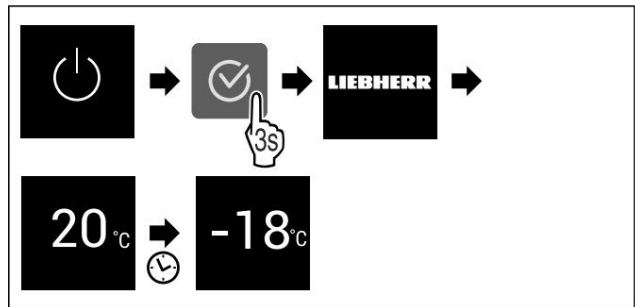
Hình 8

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Thiết bị đã tắt. w Biểu tượng chế độ chờ xuất hiện trên màn hình. w Màn hình chuyển sang màu đen.

Bật thiết bị

Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ:

u Nhấn bất kỳ phím điều hướng nào.



Hình 9. Ví dụ minh họa u Thực

hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Khi thiết bị bắt đầu ở chế độ demo: u Tắt chế độ demo. (xem Tắt chế độ demo) w Thiết bị được bật. w Các cài đặt trước đó được khôi phục. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ mục tiêu đã đặt.



Wi-Fi

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành thiết bị thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối WiFi.

Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần có SmartDevice- ceBox.

Thông tin thêm về SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

Ghi chú

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.

Thiết lập kết nối WiFi lần đầu tiên Hãy đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Bạn đã mua và lắp SmartDeviceBox.

(xem 1.3 Thiết bị thông minh)

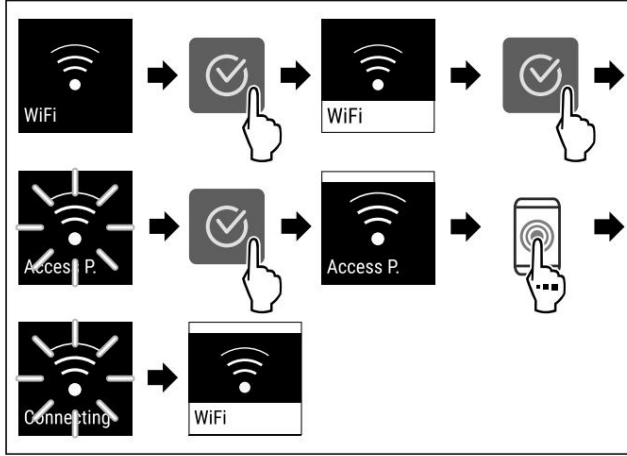
## Kiểm soát

q Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem [apps.home.liebherr.com](http://apps.home.liebherr.com)).

q Đã hoàn tất việc đăng ký trên ứng dụng SmartDevice.



Hình 10



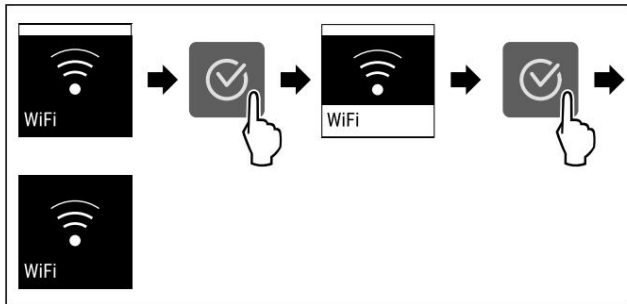
Hình 11

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Kết nối được thiết lập.

Ngắt kết nối khỏi WiFi



Hình 12



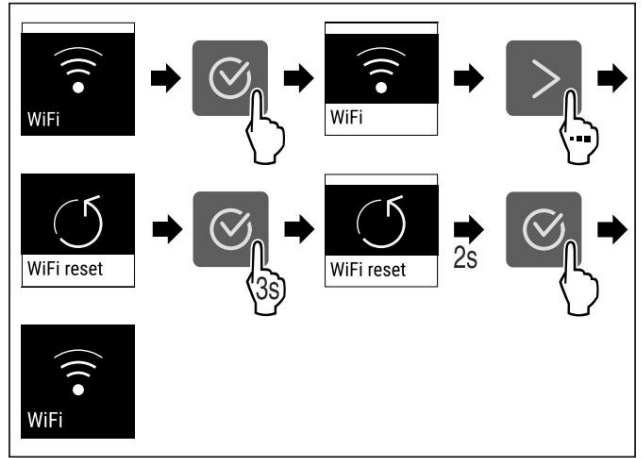
Hình 13

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Không có kết nối.

Đặt lại kết nối WiFi



Hình 14



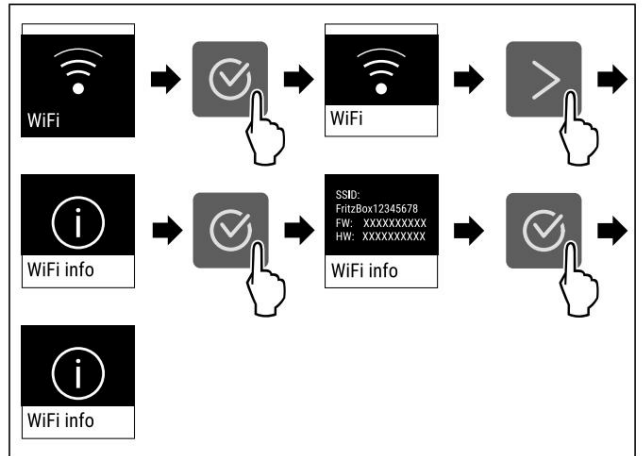
Hình 15

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Kết nối WiFi và các cài đặt WiFi khác được khôi phục về cài đặt gốc.

Hiển thị thông tin về kết nối WiFi



Hình 16



Hình 17

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

**-18°C**

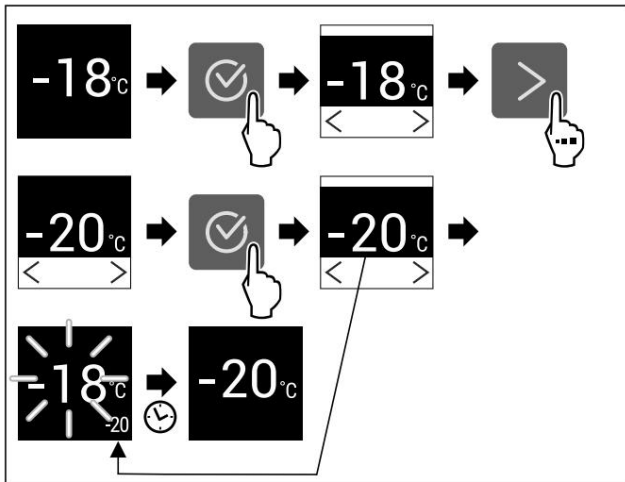
Nhiệt độ Sử dụng

chức năng này để cài đặt nhiệt độ.

Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau: - Tần suất mở cửa - Thời gian mở cửa - Nhiệt độ phòng nơi lắp đặt - Loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm

Ngăn đông Nhiệt độ cài đặt tại nhà máy	Cài đặt được đề xuất
<b>-18°C</b>	-18 °C

## Cài đặt nhiệt độ



Hình 18 Ví dụ minh họa

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Nhiệt độ đã được cài đặt.



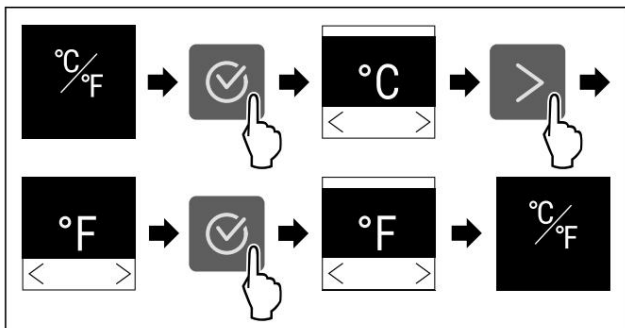
## Đơn vị nhiệt độ

Sử dụng chức năng này để thiết lập đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể thiết lập độ C hoặc độ F làm đơn vị nhiệt độ.

## Thiết lập đơn vị nhiệt độ



Hình 19



Hình 20 Ví dụ minh họa: Chuyển từ độ C sang độ F. u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.



## Siêu băng giá

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt SuperFrost. Nếu SuperFrost được kích hoạt, thiết bị sẽ tăng khả năng đóng băng. Nó cho phép bạn đạt được nhiệt độ đóng băng thấp hơn.

## Ứng dụng: -

Làm đông thực phẩm tươi sống nhanh chóng đến tận lõi.

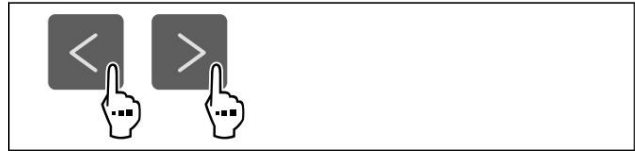
Điều này đảm bảo duy trì được chất dinh dưỡng, hình thức và hương vị của thực phẩm đông lạnh.

- Tăng lượng lạnh dự trữ trong thực phẩm đông lạnh trước khi rã đông thiết bị.

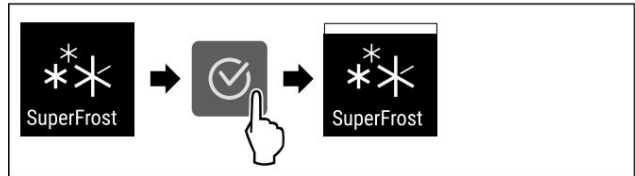
Nếu chức năng này đang hoạt động, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể lớn hơn tạm thời và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

## Kích hoạt SuperFrost

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Lưu ý đến số lượng và thời gian đông lạnh để kích hoạt SuperFrost. (xem mục Đông lạnh thực phẩm bằng SuperFrost)



Hình 21

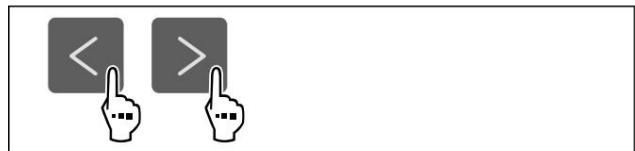


Hình 22

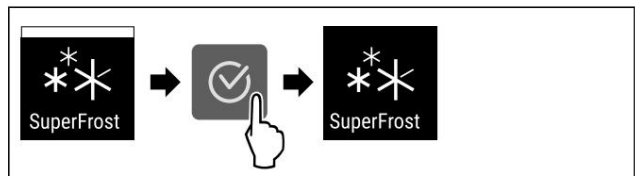
u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w SuperFrost được kích hoạt.

## Tắt SuperFrost SuperFrost

sẽ tự động tắt sau 56 đến 72 giờ tùy thuộc vào lượng thực phẩm được đưa vào. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SuperFrost theo cách thủ công bất kỳ lúc nào:



Hình 23



Hình 24

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w SuperFrost bị vô hiệu hóa.

Thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



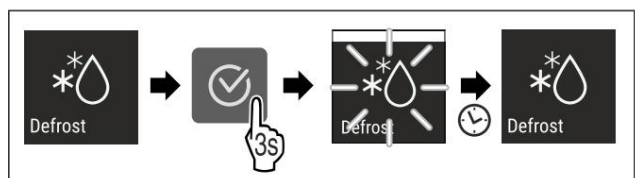
## Bắt đầu chu trình rã đông

Sử dụng chức năng này để bắt đầu chu trình rã đông tự động theo cách thủ công nếu chu trình này không tự động bắt đầu khi có lỗi.

## Bắt đầu chu trình rã đông



Hình 25



Hình 26

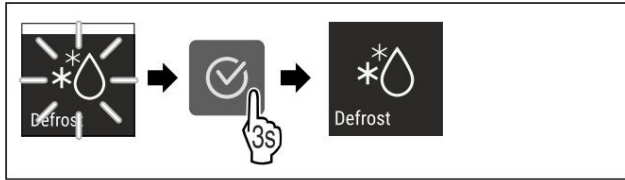
## Kiểm soát

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chu trình rã đông đã bắt đầu: Biểu tượng nhấp nháy cho đến khi rã đông chu kỳ được tự động hoàn tất.

w Khi chu trình rã đông kết thúc: Thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường.

Hủy chu kỳ rã đông Chu kỳ rã đông

sẽ tự động dừng lại. Tuy nhiên, bạn cũng có thể hủy chu kỳ rã đông bất kỳ lúc nào trong quá trình rã đông:



Hình 27

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chu trình rã đông bị hủy. w Thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường.



Thời trang tiệc tùng

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Party. PartyMode kích hoạt nhiều chức năng hữu ích cho một bữa tiệc.

PartyMode kích hoạt các chức năng sau:

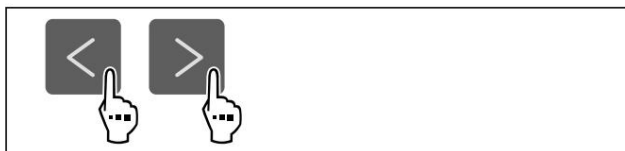
- SuperFrost (xem SuperFrost)
- IceMaker (xem IceMaker) và MaxIce (xem MaxIce)

Bạn có thể điều chỉnh tất cả các chức năng được liệt kê một cách riêng lẻ và linh hoạt. Khi bạn hủy kích hoạt PartyMode, mọi thay đổi sẽ bị hủy bỏ.

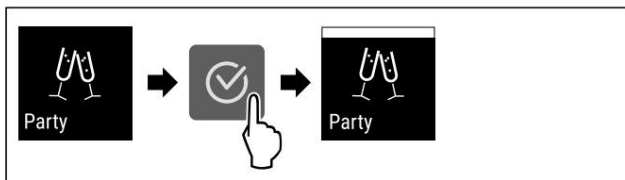
Nếu chức năng này đang hoạt động, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể lớn hơn tạm thời và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

Kích hoạt PartyMode Đảm

bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q IceMaker đã được khởi động. (xem 4.2 Khởi động IceMaker lần đầu tiên)



Hình 28

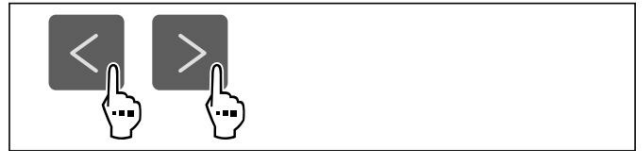


Hình 29

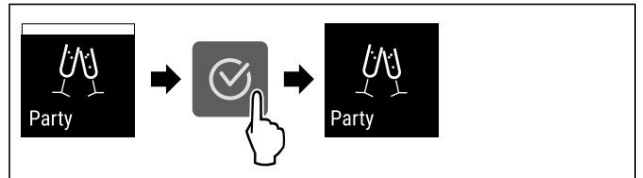
Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w PartyMode và các chức năng liên quan được kích hoạt. w Nhiệt độ hiện tại nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ mục tiêu.

Tắt PartyMode PartyMode sẽ

tự động tắt sau 24 giây. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt PartyMode theo cách thủ công bất kỳ lúc nào:



Hình 30



Hình 31

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w PartyMode bị vô hiệu hóa. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó: Nhiệt độ hiện tại nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ mục tiêu.



Chế độ ngày Sa-bát

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt SabbathMode. Nếu bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Do đó, thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo cho các ngày lễ của người Do Thái như Sabbath và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái luôn hiển thị SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình đều bị khóa ngoại trừ chức năng Deactivate SabbathMode.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Lời nhắc không được thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt dừng lại.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo.
Không có báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.
Máy làm đá đã tắt.
Chu trình rã đông chỉ hoạt động trong thời gian đã chỉ định mà không tính đến mức tiêu thụ điện của thiết bị.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ SabbathMode.

Trạng thái thiết bị

Ghi chú

Thiết bị này có chứng nhận từ "Viện Khoa học và Halacha". ([www.machonhalacha.co.il](http://www.machonhalacha.co.il))

Bạn có thể tìm danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại [www.star-k.org/appliances](http://www.star-k.org/appliances).

## Kích hoạt SabbathMode



## CẢNH BÁO

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm từ thực phẩm hư hỏng!

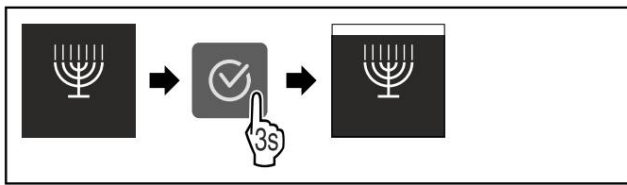
Nếu bạn đã kích hoạt SabbathMode và xảy ra mất điện, sẽ không có thông báo nào xuất hiện trên màn hình trạng thái về sự cố mất điện. Sau khi có điện trở lại, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở SabbathMode. Sự cố mất điện có thể khiến thực phẩm bị hỏng và việc tiêu thụ thực phẩm này có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện: u

Không sử dụng thực phẩm đã đông lạnh và đã rã đông ngoài.



Hình 32

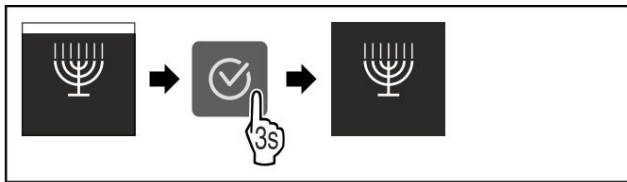


Hình 33

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w SabbathMode được kích hoạt. w Màn hình trạng thái hiển thị SabbathMode vĩnh viễn.

Tắt SabbathMode SabbathMode sẽ

tự động tắt sau 80 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SabbathMode theo cách thủ công bất kỳ lúc nào:



Hình 34

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ Sabbath đã bị vô hiệu hóa.



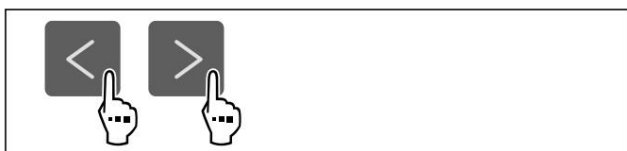
## Tiết kiệm điện tử

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ Tiết kiệm năng lượng. Nếu chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt, mức tiêu thụ năng lượng sẽ giảm và nhiệt độ trong thiết bị sẽ tăng. Thực phẩm vẫn tươi, nhưng thời hạn sử dụng sẽ ngắn lại.

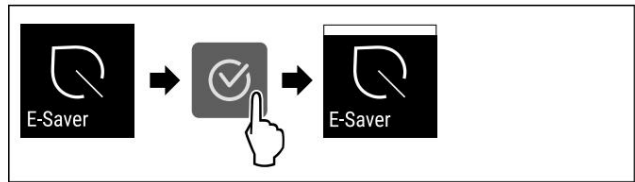
Nhiệt độ vùng	Khuyến khích (xem Cài đặt E-Saver hoạt động)	Nhiệt độ với cài đặt động nhiệt độ)
-18 °C	-18 °C	-16 °C

Nhiệt độ

## Kích hoạt E-Saver



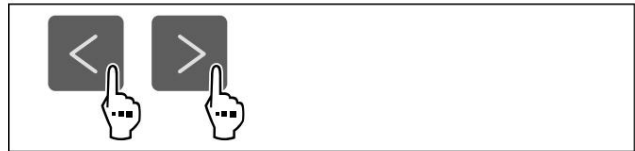
Hình 35



Hình 36

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt.

## Hủy kích hoạt E-Saver



Hình 37



Hình 38

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ tiết kiệm năng lượng đã bị vô hiệu hóa.



## Máy làm đá

Bạn có thể kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chức năng sản xuất đá viên bằng chức năng này.

Thông tin thêm về số lượng viên đá:	(xem 10.1 Thông số kỹ thuật)
Thông tin thêm về cách tăng số lượng viên đá:	(xem MaxIce)
Thông tin thêm về Nguồn cung cấp nước cho máy làm đá:	(xem nguồn cung cấp nước của IceMaker)
Thông tin thêm về cách vệ sinh đường ống của máy làm đá:	(xem TubeClean)

Nếu chức năng này đang hoạt động, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể lớn hơn tạm thời và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

## Kích hoạt IceMaker Đảm

bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Nguồn cung cấp nước

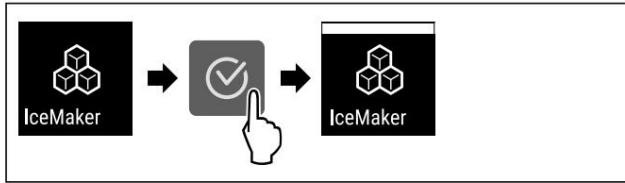
được thiết lập ở mức nước cố định kết nối. Xem hướng dẫn cài đặt. q IceMaker được

đưa vào hoạt động. (xem 8.4 IceMaker)



Hình 39

## Kiểm soát



Hình 40

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w IceMaker được kích hoạt. Có thể mất tới 24 giờ để Máy làm đá viên đầu tiên.

Tắt máy làm đá



Hình 41



Hình 42

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w IceMaker đã bị vô hiệu hóa. w Nếu đang làm đá viên, hệ thống sẽ hoàn tất quy trình. w IceMaker sẽ tự động tắt.

### 5

Nguồn cung cấp nước cho máy làm đá

Sử dụng chức năng này để thiết lập nguồn cung cấp nước. Nguồn cung cấp nước điều chỉnh lượng nước cung cấp. Nguồn cung cấp nước có thể thay đổi nếu không phù hợp với áp suất nước và kích thước viên đá được phân phối.

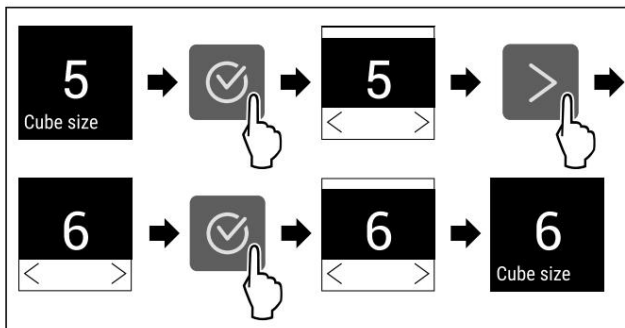
Nguồn cung cấp nước được đặt trước ở giá trị 4 khi cung cấp. Có thể chọn giá trị từ 1 (Lượng nước chảy vào nhỏ nhất) đến 8 (Lượng nước chảy vào lớn nhất).

Cài đặt nguồn cung cấp

nước Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Máy làm đá đã được khởi động. (xem 4.2 Khởi động máy làm đá lần đầu tiên) q Máy làm đá đã được kích hoạt. (xem Máy làm đá)



Hình 43



Hình 44 Ví dụ minh họa: Chuyển từ giá trị 5 sang giá trị 6.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Đã thiết lập nguồn cung cấp nước.



Tối đa băng

Sử dụng chức năng này để tăng lượng đá viên do IceMaker tạo ra. MaxIce sẽ tự động bị vô hiệu hóa sau 48 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể vô hiệu hóa MaxIce theo cách thủ công bất kỳ lúc nào: (xem Vô hiệu hóa MaxIce).

Thông tin thêm về số lượng viên đá:	(xem 10.1 Thông số kỹ thuật)
-------------------------------------	------------------------------

Kích hoạt MaxIce Nếu

bạn kích hoạt MaxIce và chưa kích hoạt chức năng IceMaker (xem IceMaker) trước đó, thì khi nhấn MaxIce, bạn cũng có thể tự động kích hoạt chức năng IceMaker.

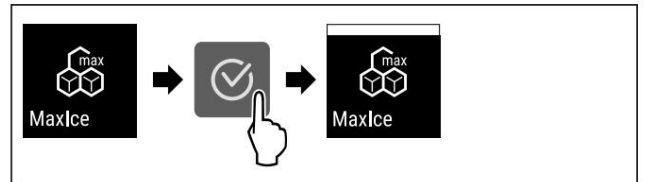
Nếu bạn chưa kích hoạt chức năng IceMaker, hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Nguồn cung cấp nước được thiết lập

ở mức nước cố định

kết nối. Xem hướng dẫn cài đặt. q IceMaker được đưa vào hoạt động. (xem 8.4 IceMaker)



Hình 45



Hình 46

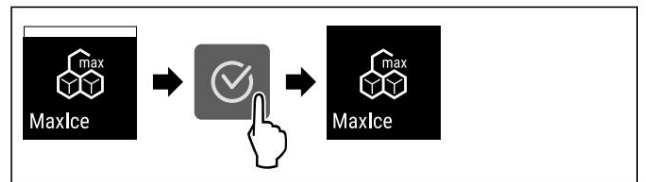
Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w MaxIce được kích hoạt. w Nếu bạn chưa kích hoạt chức năng IceMaker trước đây: IceMaker đã được kích hoạt.

Tắt MaxIce Nếu bạn tắt

MaxIce, thì chức năng IceMaker vẫn được kích hoạt.



Hình 47



Hình 48

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w MaxIce đã bị vô hiệu hóa.



### Ống sạch

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt TubeClean. Nếu TubeClean được kích hoạt, nó sẽ làm sạch các đường ống IceMaker.

Kích hoạt TubeClean Đảm

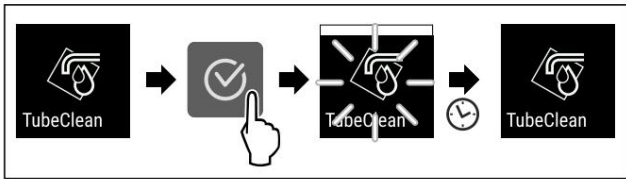
đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Chuẩn bị vệ sinh IceMaker. (xem 9.3.5 Vệ sinh Máy làm đá)

q Bình chứa rỗng có dung tích 1,5 lít và có Chiều cao tối đa 10 cm đã sẵn sàng. u

Đặt hộp đựng vào ngăn kéo bên dưới Máy làm đá.



Hình 49



Hình 50

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w TubeClean được kích hoạt. w Quá trình vệ sinh đã

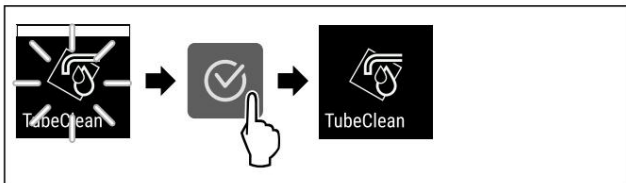
bắt đầu: Biểu tượng nhấp nháy cho đến khi quá trình vệ sinh tự động hoàn tất sau 60 phút. w Khi quá trình vệ sinh hoàn tất: Thiết bị

tiếp tục chạy ở chế độ bình thường.

Tắt TubeClean TubeClean sẽ

tự động kết thúc sau 60 phút.

Tuy nhiên, TubeClean cũng có thể bị vô hiệu hóa bất cứ lúc nào trong quá trình vệ sinh:



Hình 51

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w TubeClean bị vô hiệu hóa: Quá trình vệ sinh bị hủy bỏ. w Thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường.



### Độ sáng màn hình

Sử dụng chức năng này để cài đặt độ sáng màn hình theo từng giai đoạn.

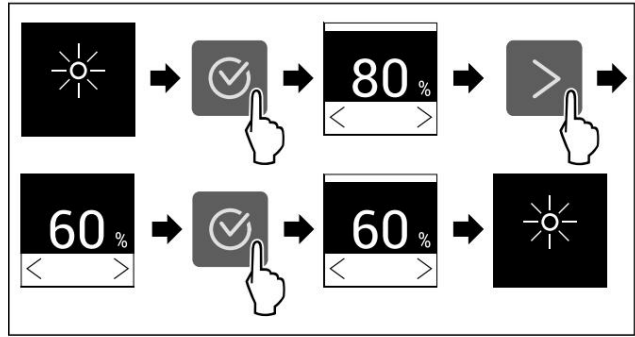
Bạn có thể chọn các mức độ sáng sau: - 40% - 60% - 80% - 100%

(cài đặt trước)

Thiết lập độ sáng



Hình 52



Hình 53 Ví dụ minh họa: Chuyển từ 80% sang 60%.

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Độ sáng đã được thiết lập.



### Bảng báo động

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa.

Chuông báo cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu.

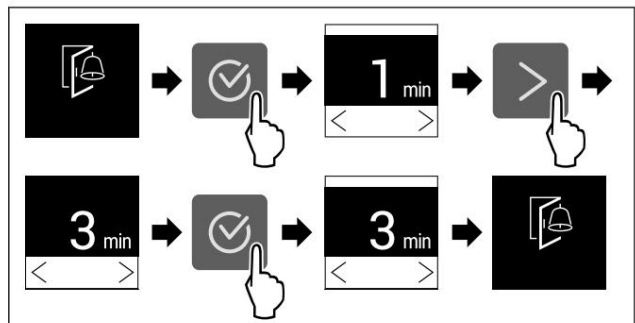
Có thể thiết lập các giá trị sau:

- 1 phút
- 2 phút
- 3 phút
- Tắt

Cài đặt báo động cửa



Hình 54



Hình 55 Ví dụ minh họa: Thay đổi báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút. u Thực hiện các bước

hành động theo hình minh họa. w Báo động cửa đã được cài đặt.

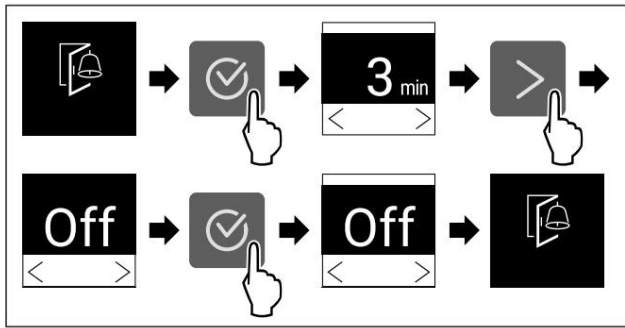
Tắt báo động cửa



Hình 57



## Kiểm soát



Hình 58

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Bảo động cửa đã bị vô hiệu hóa.



### Khóa đầu vào

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt khóa đầu vào. Khóa đầu vào ngăn không cho thiết bị được vận hành một cách vô tình, ví dụ như bởi trẻ em.

Ứng dụng: -

Tránh việc sửa đổi chức năng một cách vô ý.

- Tránh tắt thiết bị một cách vô ý.

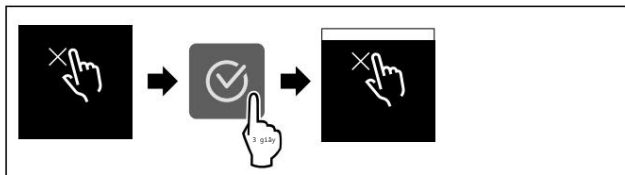
- Tránh cài đặt nhiệt độ không mong muốn.

Kích hoạt khóa đầu vào Nếu bạn

kích hoạt khóa đầu vào, bạn có thể tiếp tục điều hướng trong menu nhưng không thể chọn hoặc thay đổi các chức năng khác.



Hình 59



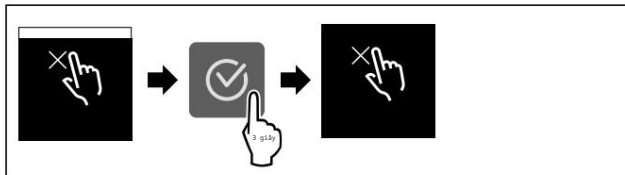
Hình 60

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Khóa đầu vào được kích hoạt.

Vô hiệu hóa khóa đầu vào



Hình 61



Hình 62

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Khóa đầu vào bị vô hiệu hóa.



### Thông tin thiết bị

Sử dụng chức năng này để chỉ ra tên model, chỉ mục, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị của bạn. Bạn sẽ cần thông tin về thiết bị khi liên hệ với dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Chức năng này cũng mở menu Nâng cao. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

Chỉ ra thông tin thiết bị



Hình 63



Hình 64

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



### Phần mềm

Sử dụng chức năng này để chỉ ra phiên bản phần mềm của thiết bị của bạn.

Chỉ ra phiên bản phần mềm



Hình 65



Hình 66

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Màn hình hiển thị phiên bản phần mềm.



### Lỗi nhắc nhở

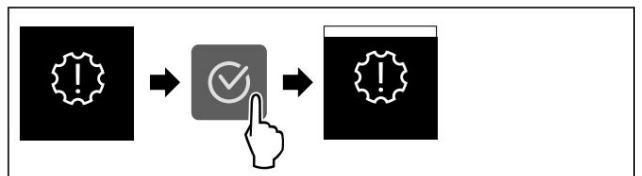
Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt lỗi nhắc.

Chức năng này được kích hoạt khi giao hàng.

Kích hoạt lỗi nhắc



Hình 67



Hình 68

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

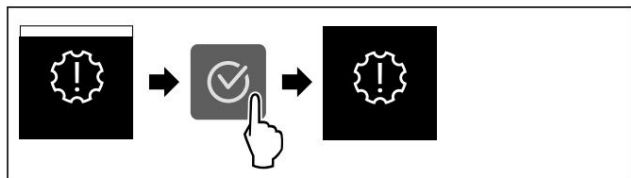


w Nhắc nhở được kích hoạt.

Vô hiệu hóa lời nhắc



Hình 69



Hình 70

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Tính năng nhắc nhở đã bị vô hiệu hóa.



Chế độ demo

Chế độ demo là tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các tính năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

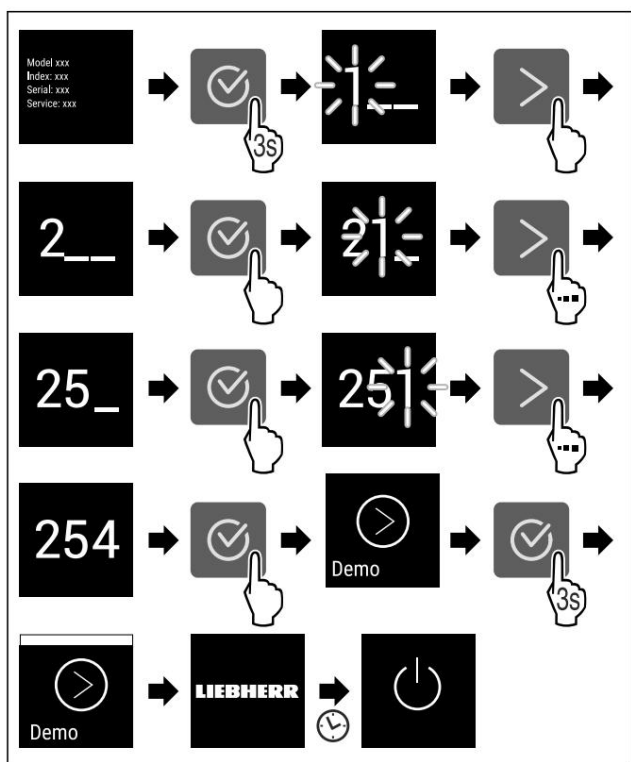
Nếu bạn bật thiết bị và chữ "Demo" xuất hiện trên màn hình trạng thái thì chế độ demo đã được kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt rồi hủy kích hoạt chế độ demo, thiết bị sẽ được khôi phục về cài đặt gốc. (xem mục Khôi phục về cài đặt gốc)

Kích hoạt chế độ demo



Hình 71



Hình 72

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ demo được kích hoạt. w Thiết bị đã tắt.

u Bật thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị

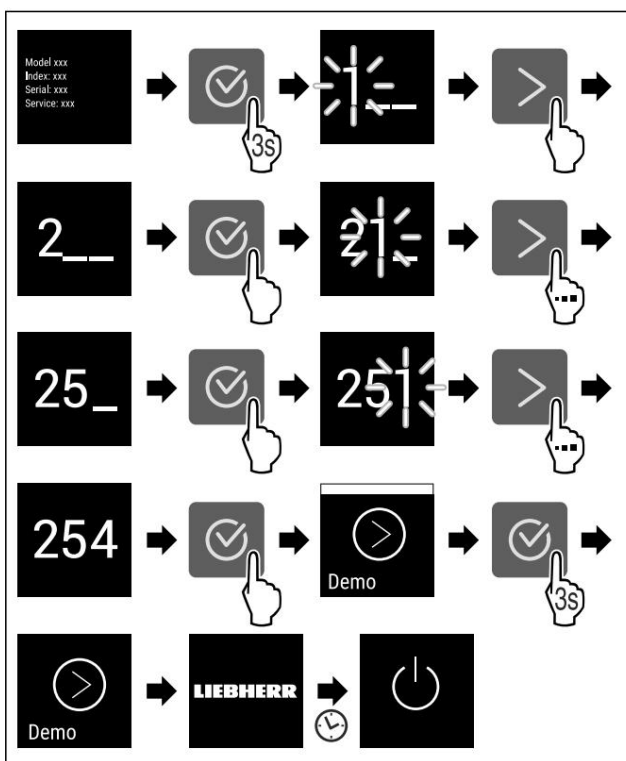
(lần sử dụng

đầu tiên)) w "DEMO" xuất hiện trên màn hình hiển thị trạng thái.

Tắt chế độ demo



Hình 73



Hình 74

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ demo bị vô hiệu hóa. w Thiết bị

đã tắt. u Bật thiết bị. (xem

4.1 Bật thiết bị

(lần sử dụng

đầu tiên)) Thiết bị được khôi phục về cài đặt gốc.



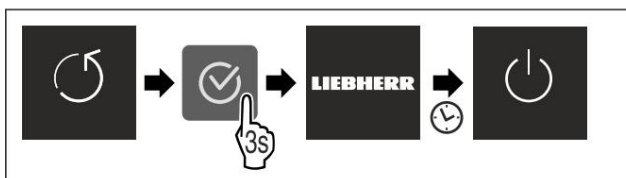
Đặt lại về cài đặt gốc

Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay đều được khôi phục về cài đặt gốc.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 75



Hình 76

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Thiết bị được đặt lại. w Thiết bị được tắt.

## Kiểm soát

u Khởi động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (đầu tiên sử dụng))

### 7.3 Tin nhắn

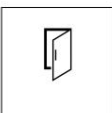


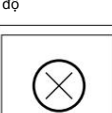
Có hai loại tin nhắn:

Tầm quan trọng	của danh mục
Cảnh báo Cảnh	<p>báo sẽ xuất hiện trong trường hợp báo động cửa hoặc cửa bị trục trặc.</p> <p>Bạn có thể tự hủy những cảnh báo đơn giản. Trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, bạn phải liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)</p>
Nhắc nhở Nhắc	<p>nhờ nhắc nhở bạn về các quy trình chung. Bạn có thể thực hiện các thao tác này để kết thúc tin nhắn.</p>

#### 7.3.1 Tổng quan về cảnh báo

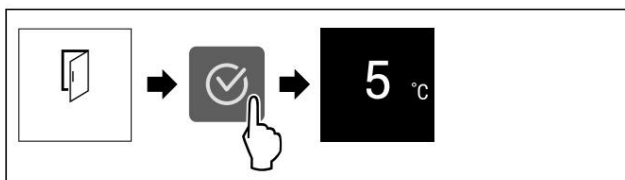
Hành vi của thiết bị khi có cảnh báo: - Cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình.

- Âm thanh báo thức vang lên với âm lượng ngày một lớn hơn.

Tin nhắn	Gây ra	Ra cái tin nhắn
 Bảng báo động	Thông báo sẽ xuất hiện nếu cửa mở quá lâu.	Thực hiện các bước hành động (xem Báo động cửa).
 Báo động mất điện	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu nhiệt độ đóng băng tăng lên do mất điện.	Thực hiện các bước hành động Quyền lực (xem cảnh báo mất điện).
 Báo động nhiệt độ	Thông báo Thực hiện hành động nếu các bước nhiệt độ đóng băng không tương ứng với nhiệt độ đã cài đặt. (xem mục Nhiệt độ phản ứng với báo động nhiệt độ).	Thực hiện các bước hành động nếu có lỗi
 Lỗi	Thông báo xuất hiện Thực hiện hành động nếu có lỗi các bước thiết bị. Một thành phần của (xem Lỗi). thiết bị có lỗi.	

#### 7.3.2 Kết thúc cảnh báo

Bảng báo động



Hình 77 Ví dụ minh họa

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-hoặc-

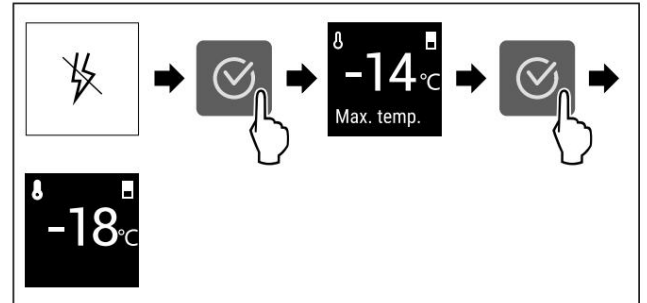
u Đóng cửa lại.

w Màn hình trở về trạng thái chỉ báo.

Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu. (xem Cài đặt chuông báo cửa)

Báo động mất điện Khi mất

điện, thiết bị sẽ nguội xuống nhiệt độ mục tiêu đã cài đặt trước đó.



Hình 78 Ví dụ minh họa u Nhấn biểu

tượng xác nhận. w Nhiệt độ đóng lạnh cao

nhất được hiển thị. w Nếu nhiệt độ đóng lạnh dưới -9 °C:

Thực phẩm vẫn có thể tiêu thụ được.

Nếu nhiệt độ đóng lạnh tăng trên -9 °C: u Kiểm tra thực phẩm.

u Nhấn biểu tượng xác

nhận. w Màn hình trở về chỉ báo trạng

thái: Nhiệt độ hiện tại và nhiệt độ mục tiêu được hiển thị.

Báo động nhiệt độ Sự

chênh lệch nhiệt độ có thể do: - Bạn cho thực phẩm

ấm, tươi vào.

- Quá nhiều không khí ẩm đã lọt vào trong khi bạn đang sắp xếp tủ đông hoặc lấy đồ ra.

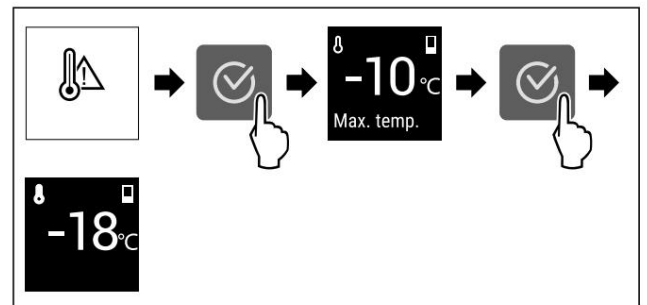
- Mất điện đã kéo dài hơn.

- Thiết bị bị lỗi. u Loại bỏ

nguyên nhân. w Thiết bị

nguội đến nhiệt độ mục tiêu đã cài đặt trước đó.

HOẶC CÁCH TỰ NHẬN.



Hình 79 Ví dụ minh họa u Nhấn biểu

tượng xác nhận. w Nhiệt độ đóng lạnh cao

nhất được hiển thị. w Nếu nhiệt độ đóng lạnh dưới -9 °C:

Thực phẩm vẫn có thể tiêu thụ được.

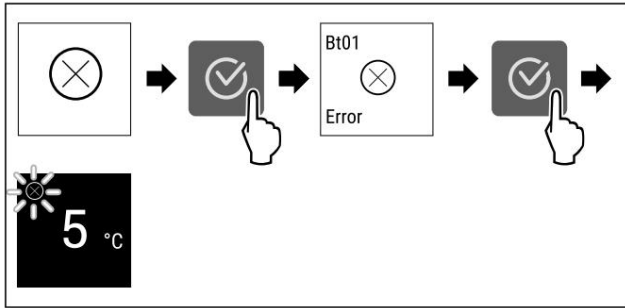
Nếu nhiệt độ đóng băng tăng trên -9 °C:

u Kiểm tra thực phẩm.

u Nhấn biểu tượng xác nhận. w Màn hình trở

về chỉ báo trạng thái: Nhiệt độ hiện tại và nhiệt độ mục tiêu được hiển thị.

Lỗi



Hình 80 Ví dụ minh họa u Nhấn biểu tượng xác nhận. w Mã lỗi được hiển thị. u Ghi lại mã lỗi. u Nhấn biểu tượng xác nhận. w Màn hình trở về chỉ báo trạng thái. u Liên hệ với Dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

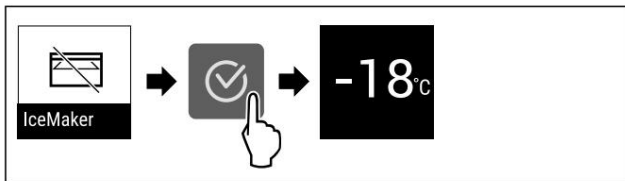
### 7.3.3 Tổng quan về lời nhắc

Hành vi của thiết bị khi có lời nhắc: - Lời nhắc xuất hiện trên màn hình.  
- Âm thanh báo thức vang lên.

Tín nhắn	Gây ra	Thoát khỏi tín nhắn
<p><b>IceMaker</b></p> <p>Chèn vào Ngăn kéo máy làm đá</p>	<p>Thông báo xuất hiện nếu IceMaker được kích hoạt nhưng Ngăn kéo IceMaker là mở.</p>	<p>Thực hiện các bước hành động (xem phần Lắp ngăn đựng máy làm đá).</p>

### 7.3.4 Kết thúc lời nhắc nhờ

Lắp ngăn kéo IceMaker



Hình 81 Ví dụ minh họa u Nhấn vào biểu tượng xác nhận. u Lắp ngăn đựng IceMaker vào.

-hoặc-  
u Vô hiệu hóa IceMaker. (xem IceMaker)

w Nếu ngăn đựng IceMaker được lắp vào và IceMaker được kích hoạt: IceMaker tạo ra đá viên.

## 8 Tính năng

### 8.1 Ngăn kéo

Bạn có thể tháo ngăn kéo để vệ sinh.

Bạn có thể tháo ngăn kéo để sử dụng VarioSpace.

Cách tháo/lắp ngăn kéo khác nhau tùy thuộc vào hệ thống kéo ra. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

Ghi chú

Tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. u Để ngăn kéo dưới cùng trong thiết bị!  
u Luôn để lỗ thông gió của quạt thông thoáng trên tường sau!

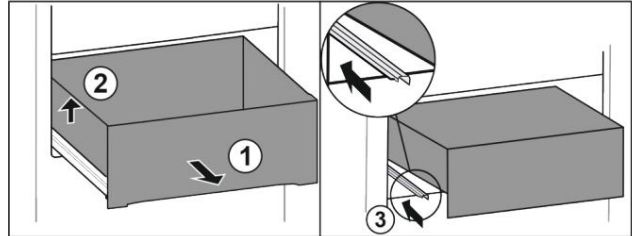
#### 8.1.1 Ngăn kéo trên thanh ray dạng ống lồng Ngăn

kéo chạy trên thanh ray có thể kéo dài (thanh ray dạng ống lồng). Có thanh ray dạng ống lồng có thể kéo dài hoàn toàn và thanh ray dạng ống lồng có thể kéo ra một phần. Các ngăn kéo có thể kéo dài hoàn toàn có thể được kéo ra hoàn toàn khỏi thiết bị. Các ngăn kéo có thể kéo ra một phần không thể được tháo ra hoàn toàn khỏi thiết bị. Hệ thống trong thiết bị của bạn phụ thuộc vào loại thiết bị.

Ngăn kéo trên kệ kính Ngăn

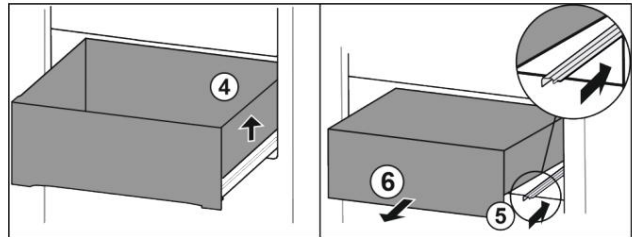
kéo được dẫn hướng trên kệ kính là ngăn kéo kéo ra một phần.

Tháo ngăn kéo



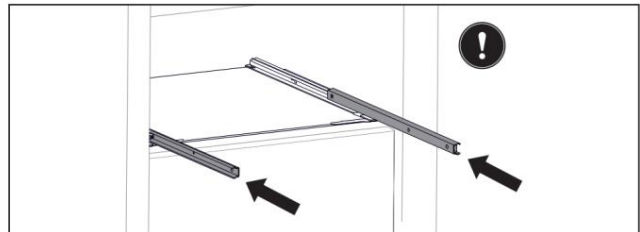
Hình 82

u Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể. Hình 82 (1) u Nâng ngăn kéo bên trái. Hình 82 (2) u Lắp thanh ray bên trái. Hình 82 (3)



Hình 83

u Nâng ngăn kéo bên phải. Hình 83 (4) u Lắp thanh ray bên phải. Hình 83 (5) u Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình 83 (6)

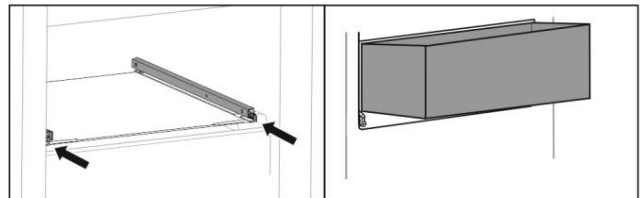


Hình 84

Nếu thanh ray chưa được lắp hoàn toàn sau khi tháo ngăn kéo: u Đẩy thanh ray vào

hoàn toàn.

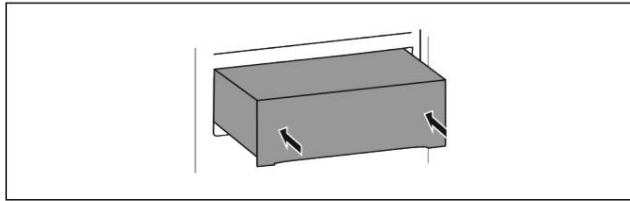
Chèn ngăn kéo



Hình 85

u Lắp thanh ray vào. u Đặt ngăn kéo trên thanh ray theo một góc.

## Đặc trưng



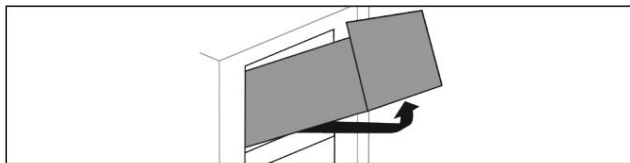
Hình 86

- u Ngăn kéo dưới.
- u Trượt ngăn kéo vào phía sau.

### 8.1.2 Ngăn kéo nghiêng trên cùng

Khi bạn kéo ngăn kéo trên cùng ra, nó sẽ nghiêng về phía trước. Điều này giúp bạn có thể nhìn rõ hơn vào ngăn kéo. Chức năng này phụ thuộc vào chiều cao của thiết bị.

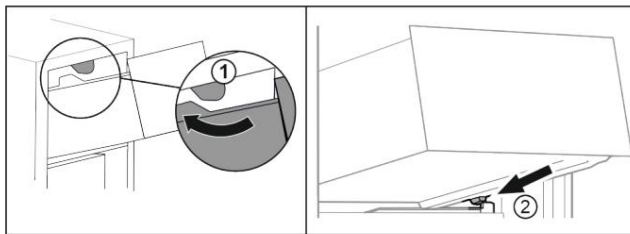
#### Tháo ngăn kéo



Hình 87

- u Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể.
- u Nâng ngăn kéo ở phía trước.
- u Nâng ngăn kéo từ bên dưới.
- u Tháo ngăn kéo ra phía trước.

#### Chèn ngăn kéo



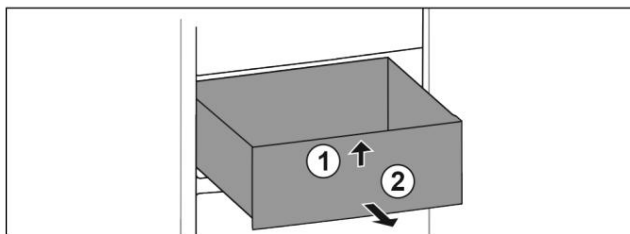
Hình 88

- u Dẫn hướng ngăn kéo xung quanh các nút chặn phía trên. Hình 88 (1)
- u Đặt ngăn kéo theo một góc phía sau các nút chặn phía dưới lên đỡ. Hình 88 (2)
- u Hạ ngăn kéo xuống.
- u Trượt về phía sau.

### 8.1.3 Ngăn kéo trên đỡ

Ngăn kéo chạy trực tiếp trên đỡ. Không có thanh ray.

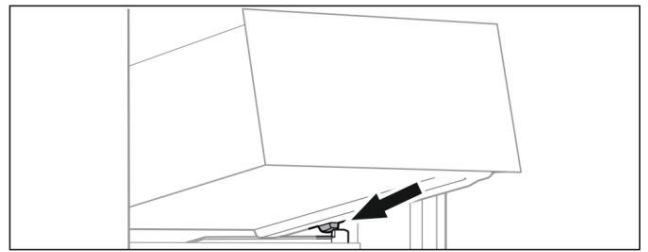
#### Tháo ngăn kéo



Hình 89

- u Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể.
- u Nâng ngăn kéo lên ở phía trước. Hình 89 (1)
- u Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình 89 (2)

#### Chèn ngăn kéo



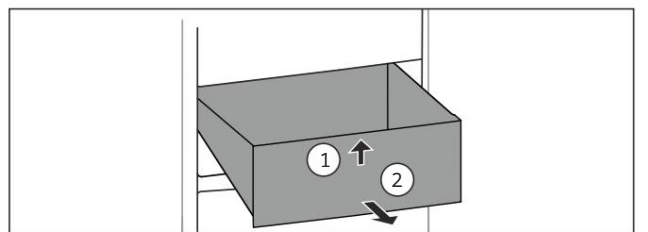
Hình 90

- u Đặt ngăn kéo theo một góc sau các nút chặn trên đỡ. (xem Hình 90)
- u Hạ ngăn kéo xuống.
- u Trượt ngăn kéo vào phía sau.

### 8.1.4 Ngăn kéo dưới cùng

Ngăn kéo là ngăn kéo thấp nhất trong thiết bị. Nó chạy trực tiếp trên đỡ. Không có thanh ray.

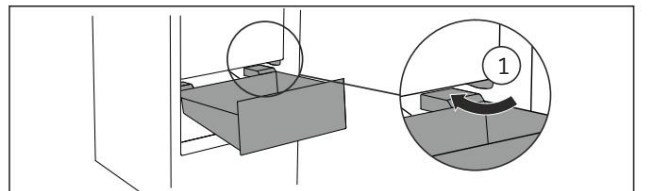
#### Tháo ngăn kéo



Hình 91

- u Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể.
- u Nâng ngăn kéo lên ở phía trước. Hình 91 (1)
- u Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình 91 (2).

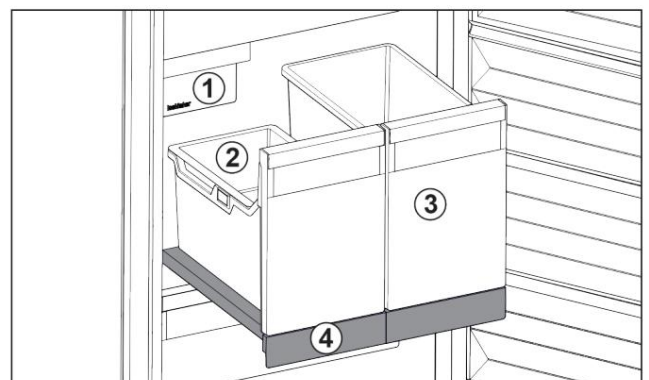
#### Chèn ngăn kéo



Hình 92

- u Hướng dẫn ngăn kéo vào theo một góc quanh các nút chặn. Hình 92 (1)
- u Hạ ngăn kéo.
- u Trượt ngăn kéo vào phía sau.

## 8.2 Bể kéo ra với IceTower



Hình 93 Bể kéo ra với IceTower (1)

IceMaker

(3) Hộp đựng pizza hoặc đồ uống có cồn, ví dụ

(2) Khay treo đá viên

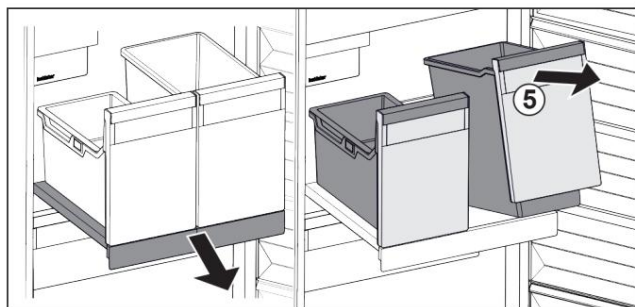
(4) Bảng kéo ra

Có hai hộp đựng cao (IceTower) trên bảng kéo ra. Các viên đá từ IceMaker được thu thập và lưu trữ trong hộp đựng Hình 93 (2). Hộp đựng Hình 93 (3) thích hợp để lưu trữ thực phẩm hoặc đồ uống cao như pizza hoặc đồ uống có cồn.

Bảng kéo ra với IceTower được gắn trên kệ kính có thanh kéo ra. Bạn có thể tháo rời bảng kéo ra để vệ sinh.

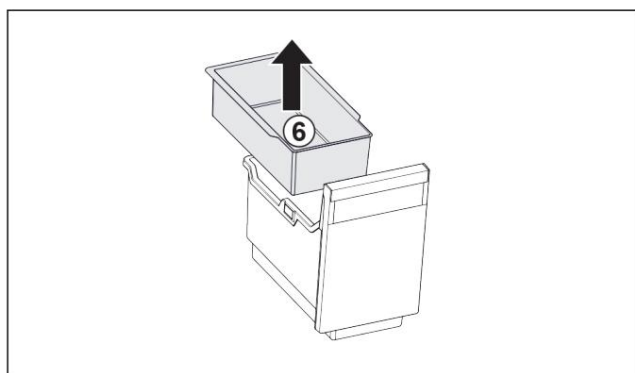
### 8.2.1 Tháo rời tấm ván kéo ra bằng IceTower

Tháo bỏ container



Hình 94

u Kéo tấm ván kéo ra. u Nâng hộp đựng Hình 94 (5) ở phía trước. u Tháo hộp đựng ra.



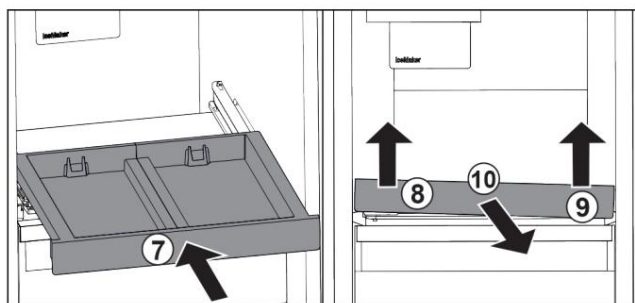
Hình 95

u Tháo khay treo Hình 95 (6). u Nếu có viên đá trong khay treo: Đổ hết đá ra khỏi khay treo. w Hộp đựng và khay treo đã được tháo ra và bạn có thể vệ sinh chúng. (xem 9.3.4 Vệ sinh các bộ phận)

Tháo bảng kéo ra Đảm bảo đáp ứng

các điều kiện sau: q Các thùng chứa đã được tháo

ra. (xem mục Tháo thùng chứa)



Hình 96

u Trượt vào tấm ván kéo ra. Hình 96 (7) u Nâng tấm ván kéo ra ở phía trước bên trái. Hình 96 (8)

u Nâng tấm ván kéo ra ở phía trước bên phải. Hình 96 (9) w Tấm ván kéo ra được tháo ra khỏi phần đính kèm tại

dằng trước.

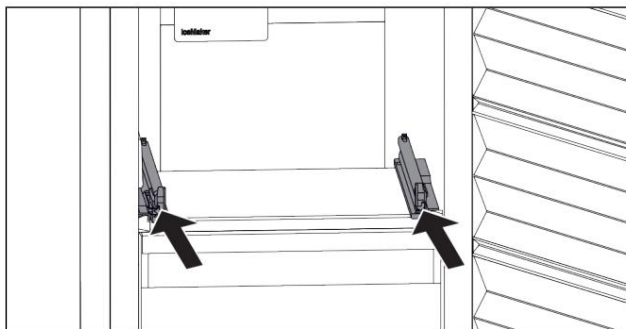
u Lấy bảng kéo ra phía trước. Hình 96 (10) w Bảng kéo ra đã được tháo ra và bạn có thể vệ sinh nó. (xem 9.3.4 Vệ sinh các thành phần)

Tháo kệ kính ra khỏi bảng kéo ra (xem 8.3 Kệ kính)

### 8.2.2 Lắp tấm ván kéo ra bằng IceTower

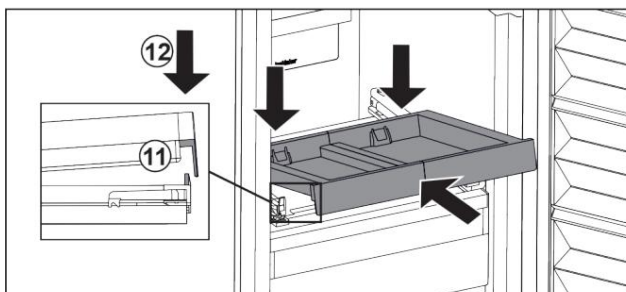
Lắp kệ kính từ bên dưới tấm ván kéo ra (xem 8.3 Kệ kính)

Chèn bảng kéo ra



Hình 97

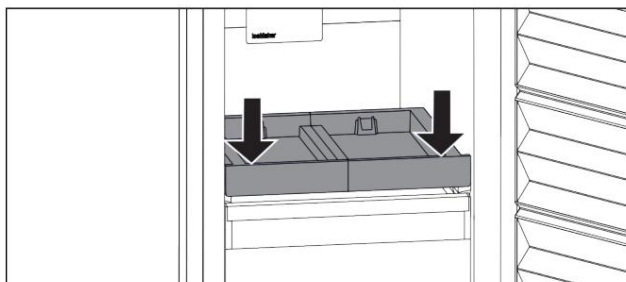
u Trượt thanh ray vào.



Hình 98

u Đặt tấm ván kéo ra ở một góc phía sau mặt trước tại.

u Trượt vào theo một góc. Đảm bảo rằng điểm dừng nằm sau vấu ở cả hai bên. Hình 98 (11) u Hạ thấp tấm kéo ra ở phía trước. Hình 98 (12)



Hình 99

u Đẩy tấm ván kéo ra xuống phía trước. w Tấm ván kéo ra khớp vào đúng vị trí.

Lắp hộp đựng Đảm bảo đáp

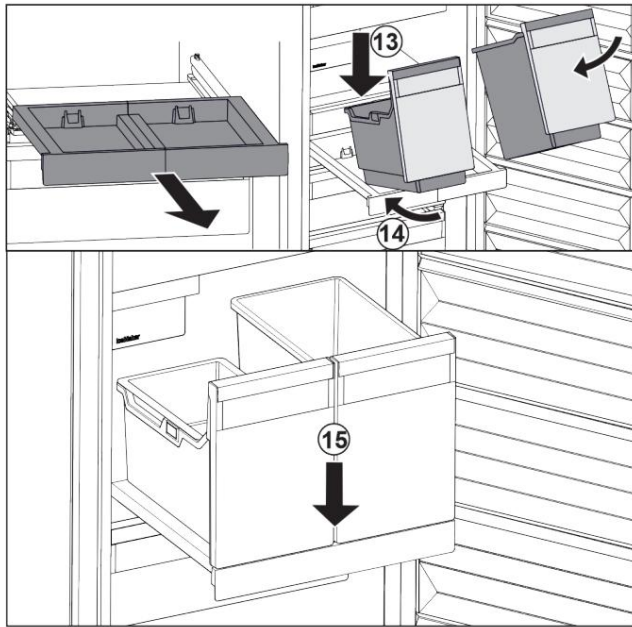
ứng các điều kiện sau: q Bảng kéo ra đã được lắp

vào. (xem phần Lắp hộp kéo ra

Cái bảng)



## Đặc trưng



Hình 100

u Kéo tấm ván kéo ra. u Giữ tấm ván kéo ra bằng một tay.

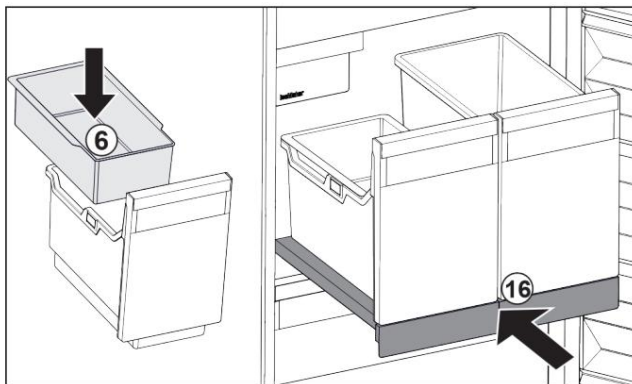
Ghi chú

Các thùng chứa được thiết kế theo cách không thể thay thế cho nhau.

u Đặt hộp đựng nghiêng trên bảng kéo ra.

Hình 100 (13)

u Trượt hộp đựng về phía sau theo một góc. Hình 100 (14) u Đặt hộp đựng ở phía trước. Hình 100 (15)



Hình 101

u Lắp khay treo Hình 101 (6) để đựng đá viên. u Trượt khay kéo ra có hộp đựng (IceTower) vào.

Hình 101 (16)

w Kệ kéo ra có IceTower được lắp hoàn toàn.

## 8.3 Kệ kính

THÔNG BÁO

Không được phép tháo dỡ tấm kính phía trên IceTower!

Hư hỏng ở máy làm đá. Máy làm đá được gắn vào tấm kính phía trên IceTower. u Không tháo tấm kính phía trên IceTower.

Bạn có thể tháo các ngăn kính bên dưới ngăn kéo để vệ sinh.

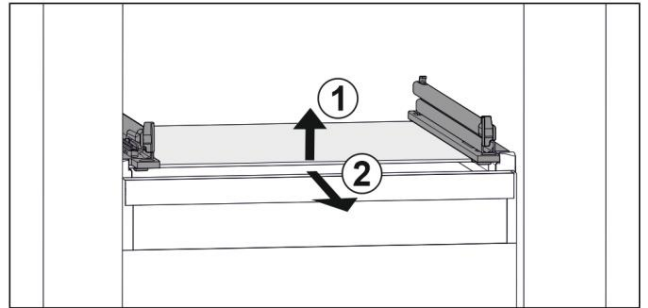
Bạn có thể tháo bỏ các ngăn kính bên dưới ngăn kéo để sử dụng VarioSpace.

### 8.3.1 Tháo/lắp kệ kính

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Kệ kính bên dưới ngăn kéo:

Ngăn kéo đã được tháo ra. (xem 8.1 Ngăn kéo) q Tấm ván kéo ra bên dưới IceTower: IceTower đã được tháo ra. (xem 8.2 Tấm ván kéo ra cùng với IceTower)

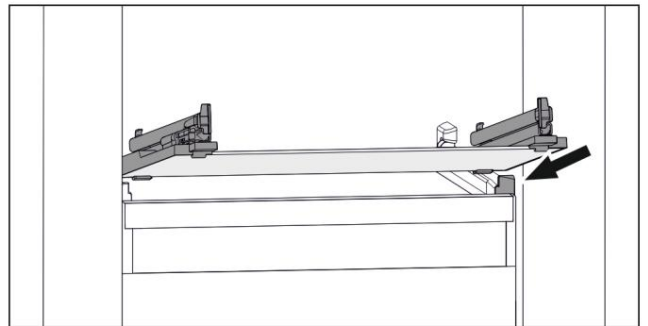
Tháo kệ kính



Hình 102 Ví dụ minh họa về kệ kính

u Nâng kệ kính ở phía trước. Hình 102 (1) u Tháo kệ kính ra phía trước. Hình 102 (2)

Lắp kệ kính



Hình 103 Ví dụ minh họa về kệ kính ở một góc phía sau các nút chặn. (xem Hình 103)

u Hạ thấp kệ kính. u Trượt kệ kính vào phía sau.

## 8.4 Máy làm đá

Máy làm đá IceMaker chỉ sản xuất đá viên để sử dụng trong gia đình.

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: - Máy làm đá sạch sẽ. (xem phần 9 Bảo trì)

- Ngăn đựng đá được vệ sinh sạch sẽ.

- Ngăn đựng đá IceMaker đã được lắp vào hoàn toàn.

### 8.4.1 Sản xuất viên đá Thể tích

phụ thuộc vào nhiệt độ đóng băng. Nhiệt độ càng lạnh, hệ thống có thể sản xuất càng nhiều viên đá trong một khoảng thời gian nhất định.

Sau khi bật IceMaker lần đầu tiên, có thể mất tới 24 giờ để tạo ra những viên đá đầu tiên. u Kích hoạt chức năng IceMaker.

u Tạo nhiều viên đá: Kích hoạt chức

năng MaxIce. u Phân bổ đều các viên đá trong ngăn kéo để tăng sức

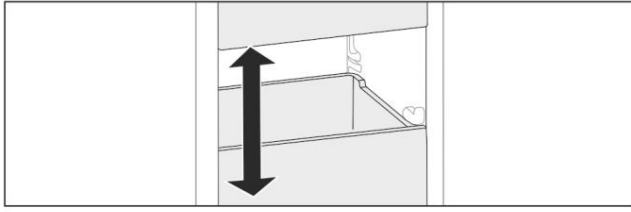
chứa. u Đóng ngăn kéo: IceMaker bắt đầu tạo ra những viên đá

một lần nữa tự động.

Lưu ý

Khi đạt đến một mức nhất định trong ngăn kéo IceMaker, nó sẽ ngừng sản xuất đá viên. IceMaker không lấp đầy ngăn kéo đến tận cùng.

### 8.5 Không gian đa dạng



Hình 104

Bạn có thể tháo ngăn kéo và tấm kính khỏi thiết bị của mình. Điều này cung cấp nhiều không gian hơn cho các loại thực phẩm lớn như gia cầm, thịt, thú săn lớn và các sản phẩm nướng cao.

Sau đó, bạn có thể đông lạnh toàn bộ những món này để chế biến sau. u Lưu ý giới hạn trọng lượng trên ngăn kéo và tấm kính (xem 10.1 Thông số kỹ thuật).

## 9 Bảo trì

### 9.1 Tháo rời / lắp ráp hệ thống kéo ra

#### 9.1.1 Lưu ý khi tháo lắp

Bạn có thể tháo rời một số hệ thống kéo ra để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

Các hệ thống kéo ra sau đây có thể tháo rời hoặc không thể tháo rời:

Hệ thống kéo ra	Có thể tháo rời / không thể tháo rời
Ngăn kéo hướng dẫn trên kệ kính	Có thể tháo rời (xem Ngăn kéo trên kệ kính)
Ngăn kéo nghiêng phía trên không thể tháo rời	
Ngăn kéo được dẫn hướng trên sườn thùng chứa	Có thể là tháo rời (xem 9.1.3 Ngăn kéo trên gờ đúc)
Ngăn kéo dưới cùng	không thể tháo rời
Tháp băng	Có thể là tháo rời (xem 9.1.4 IceTower)

#### 9.1.2 Ngăn kéo trên thanh ray dạng ống lồng

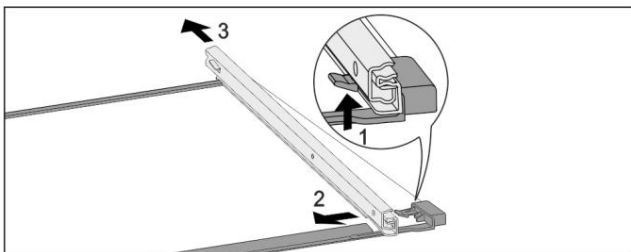
Ngăn kéo trên kệ kính

Tháo rời hệ thống kéo ra Đảm bảo đáp

ứng các điều kiện tiên quyết sau: q Ngăn kéo đã được

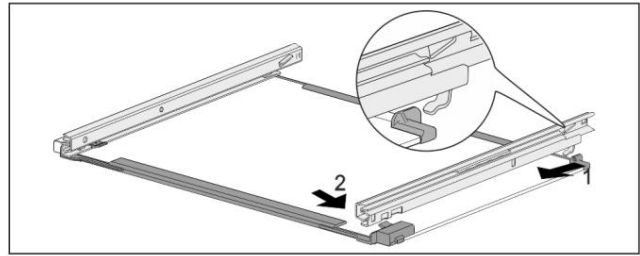
tháo ra. q Kệ kính đã được tháo

ra. (xem 8.3 Kệ kính)



Hình 105 Kệ kính có thanh ray u Đẩy móc cài phía trước lên. (1) u Di chuyển thanh ray kéo ra sang một bên (2) và về phía sau (3).

Lắp đặt hệ thống kéo ra



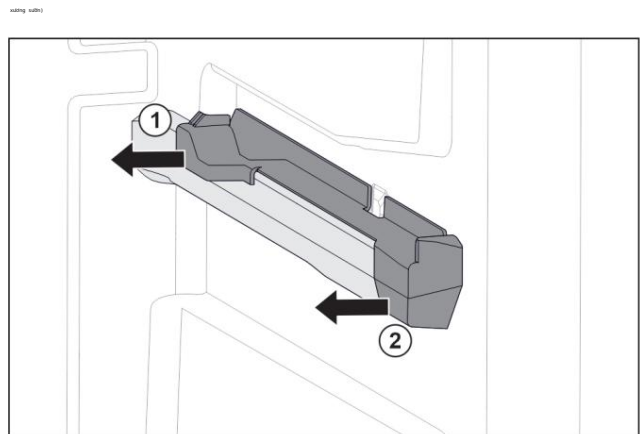
Hình 106 Kệ kính có thanh ray u Móc vào thanh ray ở phía sau. (1) u Móc vào thanh ray ở phía trước. (2)

#### 9.1.3 Ngăn kéo trên gờ đúc

Tháo rời hệ thống kéo ra Đảm bảo đáp

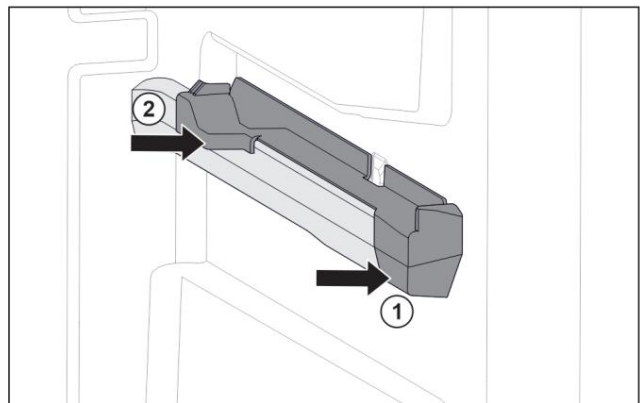
ứng các điều kiện tiên quyết sau: q Ngăn kéo đã được

tháo ra. (xem 8.1.3 Ngăn kéo trên khuôn



Hình 107 Đinh kèm trên xương sườn đúc bên phải u Nắm phần đinh kèm ở phía sau từ bên dưới. u Kéo phần đinh kèm ở phía sau sang một bên. Hình 107 (1) u Kéo phần đinh kèm ở phía trước sang một bên. Hình 107 (2)

Lắp đặt hệ thống kéo ra



Hình 108 Gắn vào gờ đúc bên phải u Đặt gắn vào gờ đúc ở phía trước.

Hình 108 (1) u Nhấn vào phần đinh kèm ở phía sau. Hình 108 (2)

#### 9.1.4 Tháp băng

Tháo rời hệ thống kéo ra Đảm bảo đáp

ứng các điều kiện tiên quyết sau: q IceTower đã được

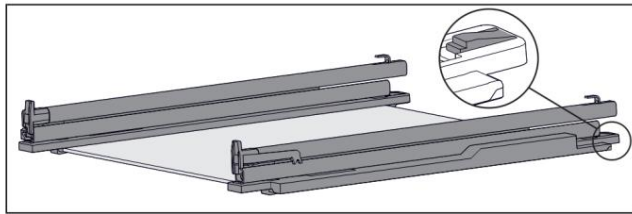
tháo ra. (xem 8.2 Băng kéo ra có

Tháp băng)

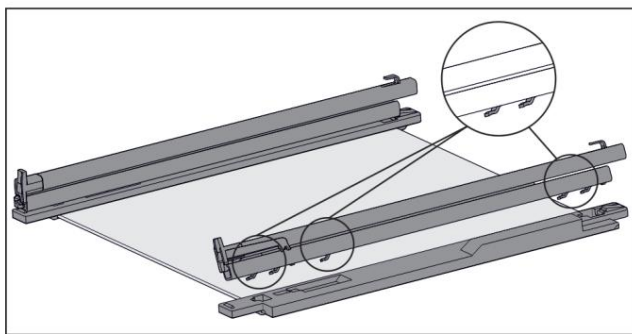
q Kệ kính đã được tháo ra. (xem 8.3 Kệ kính) u Đặt băng kéo ra trên bàn.

## BẢO TRÌ

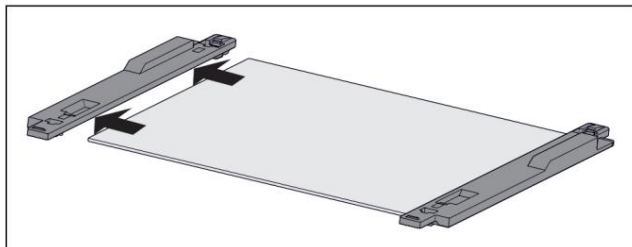
w Bạn có thể tháo thanh ray ra khỏi kệ kính dễ dàng hơn.



Hình 109 Kệ kính có thanh ray và các bộ phận giữ u Nhấn xuống bộ phận giữ ở phía sau (xem Hình 109) và tại đồng thời đẩy thanh ray về phía sau.

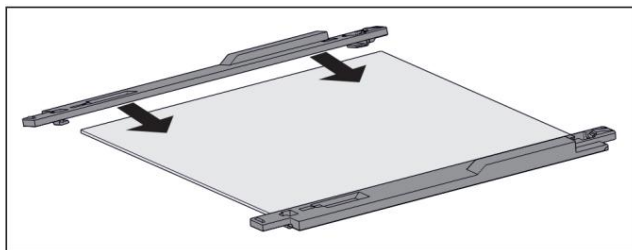


Hình 110 Kệ kính có thanh ray và bộ phận giữ w Móc thanh ray được tháo ra khỏi bộ phận giữ. u Tháo thanh ray khỏi bộ phận giữ.

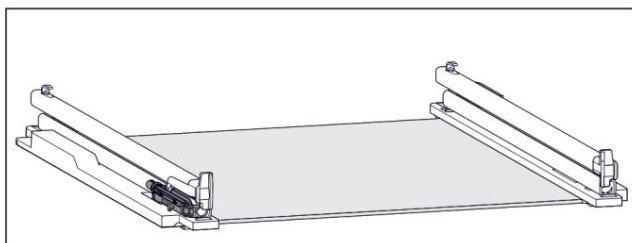


Hình 111 Kệ kính có bộ phận giữ u Tháo bộ phận giữ ra khỏi kệ kính theo chiều ngang.

Lắp đặt hệ thống kéo ra

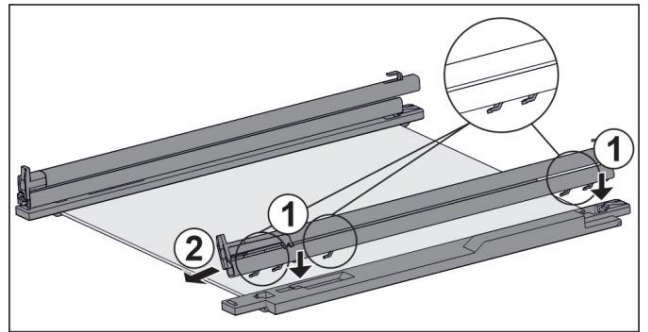


Hình 112 Kệ kính có bộ phận giữ u Lắp bộ phận giữ vào kệ kính. u Đẩy bộ phận giữ vào kệ kính xa nhất có thể.



Hình 113 Cơ cấu giảm chấn Cơ cấu

giảm chấn được gắn vào thanh ray bên trái. (xem Hình 113) Không có cơ cấu giảm chấn được gắn vào thanh ray bên phải.



Hình 114 Kệ kính có thanh ray và bộ phận giữ Lắp thanh ray có cơ cấu giảm chấn: u Đặt móc thanh ray vào các lỗ mở của bộ phận giữ bên trái. Hình 114 (1)

u Đẩy thanh ray về phía trước. Hình 114 (2) w Thanh ray chốt vào một cách rõ ràng.

Lắp đặt ray không có cơ cấu giảm chấn: u Đặt móc ray vào các lỗ mở của phần giữ bên phải. Hình 114 (1)

u Đẩy thanh ray về phía trước. Hình 114 (2) w Thanh ray chốt vào một cách rõ ràng.

## 9.2 Rã đông thiết bị

9.2.1 Rã đông bằng NoFrost Rã đông được thực

hiện tự động bằng hệ thống NoFrost. Độ ẩm được lắng đọng trên bộ phận bay hơi, được rã đông định kỳ và bốc hơi.

Thiết bị không cần phải rã đông.

Lưu ý:

Các giọt nước có thể đọng lại ở đáy thiết bị.

Khi bạn ngừng sử dụng thiết bị: u Đặt một chiếc khăn trước thiết bị để hứng bất kỳ giọt nước nào thoát ra. (xem mục 11 Tắt máy)

## 9.3 Vệ sinh thiết bị

9.3.1 Sẵn sàng



CẢNH BÁO Nguy

cơ điện giật! u Tháo đầu nối tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện cung cấp.



CẢNH BÁO Nguy

cơ hỏa hoạn u Không làm hỏng mạch làm lạnh.

u Làm rỗng thiết bị. u Tháo đầu nối nguồn điện.

9.3.2 Vệ sinh vỏ máy

LƯU Ý vệ

sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. u Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng trung tính pH người dọn dẹp.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước. u Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clohua hoặc axit.



**CẢNH BÁO**

nguy cơ bị thương và hư hỏng do hơi nước nóng!

Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt. Không sử dụng bất kỳ máy làm sạch bằng hơi nước nào!

u Lau sạch vỏ máy bằng vải mềm, sạch. Nếu rất bẩn, hãy sử dụng nước ấm với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được vệ sinh bằng chất tẩy rửa kính.

**9.3.3 Vệ sinh bên trong****LƯU Ý**

sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. u Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng trung tính pH người dọn dẹp.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước. u Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clozua hoặc axit.

u Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. u Bề mặt kim loại: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa.

**9.3.4 Vệ sinh các thành phần****LƯU Ý**

sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. u Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng trung tính pH người dọn dẹp.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước. u Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clozua hoặc axit.

Vệ sinh bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa: - Tắt kéo IceTower - Ngăn kéo Xin

Lưu ý: Không tháo nam châm trên ngăn kéo.

Nam châm đảm bảo chức năng của máy làm đá.

- Khay đông lạnh

Lau sạch bằng khăn ẩm:

- Thanh ray có thể thu vào

Xin lưu ý: Mở trong rãnh được dùng để bôi trơn và không được loại bỏ!

Rửa bằng máy rửa chén ở nhiệt độ tối đa 60 °C:

- Muỗng đựng đá u Để

tháo rời các bộ phận: xem phần có liên quan. u Vệ sinh các bộ phận.

**9.3.5 Vệ sinh máy làm đá Có nhiều lựa chọn**

khác nhau để vệ sinh máy làm đá.

Cần vệ sinh trong các trường hợp sau: q Vận hành ban

đầu q Có kết nối với

nguồn điện: Nếu không sử dụng trong hơn 5 ngày.

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: q Ngăn đựng IceMaker

đã được làm rỗng. q Ngăn đựng IceMaker

đã được đặt đúng vị trí. q IceMaker đã

được kích hoạt.

Lần đầu sử dụng hoặc sau thời gian dài không sử dụng,

hãy vệ sinh Máy làm đá bằng chức năng TubeClean.

u Đặt một bình rỗng 1,5 l (chiều cao tối đa 10 cm) vào ngăn kéo bên dưới Máy làm đá. u Kích hoạt chức năng

TubeClean. w Quá trình rửa đã sẵn sàng (tối

đa 60 phút): Biểu tượng

nhấp nháy.

w Đường ống nước được rửa sạch: Biểu tượng nhấp nháy.

w Quá trình rửa sạch hoàn tất: Chức năng tự động tắt

chất đáng yêu.

u Tháo ngăn đựng IceMaker và tháo hộp đựng. u Vệ sinh ngăn đựng IceMaker bằng nước ấm và một ít

chất tẩy rửa.

u Đặt ngăn IceMaker vào. w Hệ thống bắt

đầu tạo đá viên tự động. u Vứt bỏ bất kỳ viên đá nào được tạo ra sau

24 giờ

những viên đá đầu tiên.

Nếu cần vệ sinh, hãy vệ sinh

Máy làm đá bằng tay. u Tháo ngăn

đựng Máy làm đá và vệ sinh bằng nước ấm

và một ít chất tẩy rửa. u

Đặt ngăn đựng IceMaker vào. w Hệ thống

bắt đầu tự động làm đá viên.

**9.3.6 Sau khi vệ sinh u Lau khô**

thiết bị và các bộ phận. u Kết nối và bật thiết bị. u Kích hoạt SuperFrost (xem 7.2 Chức năng của thiết bị).

Nhiệt độ đủ lạnh: u Đặt thực phẩm vào bên trong. u Lập lại việc vệ sinh

thường xuyên.

**10 Trợ giúp khách hàng****10.1 Thông số kỹ thuật**

Phạm vi nhiệt độ	
Đông cứng	-28 °C đến -15 °C

Lượng đá viên tối đa / 24 giờ	
Ngăn đông lạnh	xem loại tấm dưới "Khả năng đóng băng . / 24 giờ"

Công suất thành phần tối đa			
Đặc trưng	Chiều rộng thiết bị 550 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị)	Chiều rộng thiết bị 600 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị)	Chiều rộng thiết bị 700 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, ứng dụng)
Ngăn kéo trên xương sườn đúc (xem 8.1.3 Ngăn kéo trên gờ đúc)	14kg	19kg	19kg
Ngăn kéo trên kệ kính 12 kg (xem 8.1.1 Ngăn kéo trên thanh ray dạng ống lồng)		15kg	22kg
Ngăn kéo dưới cùng (xem 8.1.4 Ngăn kéo dưới cùng)	--	11kg	19kg

Công suất thành phần tối đa			
Đặc trưng	Chiều rộng thiết bị 550 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị)	Chiều rộng thiết bị 600 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị)	Chiều rộng thiết bị 700 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, ứng dụng kích thước an toàn)
Ngăn kéo nghiêng trên cùng (xem 8.1.2 Ngăn kéo nghiêng trên cùng)	--	19kg	19kg

Sản xuất đá viên bằng IceMaker	
Sản xuất đá viên / 24 giờ	Ở nhiệt độ -18 °C: 0,8 kg đá viên
sản lượng đá viên tối đa / 24 giờ	Với chức năng MaxIce bật: 1,2 kg đá viên

## 10.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị phát ra nhiều tiếng động khác nhau khi bật.

- Ở nhiệt độ cao hơn, thiết bị sử dụng ít năng lượng hơn nhưng hoạt động lâu hơn. Nó yên tĩnh hơn.
- Ở nhiệt độ thấp hơn, thực phẩm được làm mát nhanh hơn to hơn.

Ví dụ: •

Chức năng bật (xem 7.2 Chức năng của thiết bị) • Quạt đang chạy • Thực phẩm mới thêm vào • Nhiệt độ môi trường cao • Cửa mở trong một thời gian

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Sủi bọt bắn tung tóe	Và Chất làm mát chảy vào mạch	làm mát hoạt động bình thường.
Tiếng rít	Chất làm mát phun vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Tiếng vo ve	Thiết bị Hoạt động bình thường là làm mát. Âm lượng tiếng ồn phụ thuộc vào công suất làm mát.	
Tiếng rì rào rì rào	Và Quạt đang chạy. Hoạt động bình thường tiếng ồn	
Nhấp chuột	Các thành phần bao gồm công tắc bình thường bật và tiếng ồn tắt.	
Tiếng vo ve lạch cạch	hoặc Van hoặc nắp hoạt động bình thường. Tiếng ồn Tiếng gõ nhẹ, Van đang hoạt động.	
vo ve hoạt động bình thường*	hoặc	tiếng ồn

Tiếng ồn	Khả thi gây ra	Loại tiếng ồn	Năng
Rung động	Thiết lập không đúng	Tiếng ồn bị lỗi	Cân bằng thiết bị bằng chân có thể điều chỉnh.
Tiếng lạch cạch	Linh kiện, vật dụng bên trong thiết bị	Tiếng ồn bị lỗi	Các thành phần an toàn. Rời khỏi đủ khoảng cách giữa các mục.

## 10.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn được thiết kế và chế tạo để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ cao. Trong trường hợp không may xảy ra lỗi trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem lỗi có phải do lỗi vận hành không. Nếu có, bạn sẽ phải trả phí gọi điện và chi phí sửa chữa ngay cả khi vẫn còn trong thời hạn bảo hành.

Bạn có thể tự mình sửa những lỗi sau.

### 10.3.1 Chức năng của thiết bị

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không được cắm đúng cách vào ổ cắm.	u Kiểm tra phích cắm điện.
	Có điều gì đó không ổn với cầu chì ổ cắm điện.	u Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	u Giữ thiết bị đóng kín. u Bảo vệ thực phẩm: Đặt túi lạnh lên trên thực phẩm hoặc sử dụng túi đông khác nếu mất điện lâu hơn. u Không đóng lại thực phẩm đã rã đông,
	Ổ cắm IEC không được cắm đúng cách vào thiết bị.	u Kiểm tra ổ cắm IEC.

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Cửa thiết bị không được đóng đúng cách.	khắc phục u Đóng cửa thiết bị.
	Nhiệt độ môi trường quá cao.	u Giải pháp cho vấn đề: (xem 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị)
	Thiết bị được mở quá nhiều lần hoặc quá lâu.	u Đợi xem nhiệt độ cần thiết có tự điều chỉnh hay không. Nếu không, hãy liên hệ với Dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
	Có quá nhiều thực phẩm tươi sống được để bên trong tủ mà không có chức năng SuperFrost.	u Giải pháp: (xem SuperFrost)
	Nhiệt độ được cài đặt không đúng. u Giảm nhiệt độ	xuống và kiểm tra sau 24 giờ.
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (lò nướng, lò tản nhiệt, v.v.).	u Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Có thể thay thế gioăng cửa. Có thể thay thế mà không cần dụng cụ chuyên dụng.	u Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc hơi nước ngưng tụ.	Gioăng cửa có thể đã trượt ra khỏi rãnh.	u Kiểm tra xem gioăng cửa đã được lắp chặt vào rãnh chưa.
Thiết bị nóng khi chạm vào bên ngoài*.	Nhiệt của mạch làm lạnh được sử dụng để tránh ngưng tụ.	u Đây là điều bình thường.

### 10.3.2 Tính năng

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Bạn không thể kích hoạt IceMaker.	Thiết bị và máy làm đá không được kết nối.	u Kết nối thiết bị (xem Hướng dẫn cài đặt).
Máy làm đá không tạo ra được viên đá.	Máy làm đá không bật.	u Kích hoạt IceMaker.
	Ngăn kéo của máy làm đá không kết nối đúng cách. Kết	u Đẩy ngăn kéo vào đúng cách.
	nối nước không mở. u Mở kết nối nước.	

## 10.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục lỗi hay không (xem mục 10 Trợ giúp khách hàng). Nếu bạn không thể khắc phục sự cố, hãy liên hệ với Dịch vụ khách hàng.

Bạn có thể tìm địa chỉ trong tờ rơi kèm theo "Liebherr-Service" hoặc tại [home.liebherr.com/service](http://home.liebherr.com/service).



CẢNH BÁO Sửa

chữa không chuyên nghiệp!

Thương

tích. u Bất kỳ sửa chữa và hành động nào - không được chỉ định rõ ràng - trên thiết bị và cáp nguồn chỉ được thực hiện bởi nhân viên bảo dưỡng. (xem phần 9 Bảo trì) u Cáp nguồn bị hỏng chỉ có thể được

thay thế bởi nhà sản xuất, Dịch vụ khách hàng của nhà sản xuất hoặc một người có trình độ tương đương. u Trong trường hợp thiết bị có đầu nối IEC, khách hàng có thể thực hiện thay đổi.

### 10.4.1 Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng

Đảm bảo rằng thông tin thiết bị sau đây có sẵn:

q Tên thiết bị (mẫu và chỉ mục) q Số dịch vụ (Dịch vụ) q Số sê-

ri (Số S) u Gọi thông tin thiết bị thông

qua màn hình hiển thị. (xem

Thông tin thiết bị) -hoặc-

u Tham khảo bảng loại để biết thông tin về thiết bị. (xem 10.5 Bảng kiểu máy)

u Ghi lại thông tin về thiết bị. u Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Báo cáo lỗi và thông tin về thiết bị. u Điều này sẽ giúp chúng tôi

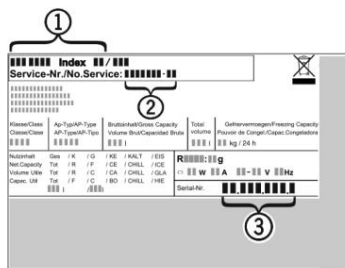
cung cấp cho bạn dịch vụ nhanh hơn và chính xác hơn.

u Thực hiện theo hướng dẫn tiếp theo từ Bộ phận Dịch vụ Khách hàng.

## Đang tắt máy

### 10.5 Tắt mô hình

Tắt mô hình nằm ở phía sau các ngăn kéo bên trong thiết bị.



Hình 115

(1) Mô tả thiết bị (2) Số dịch vụ (3) Số sê-ri.  
vụ u Lưu ý dữ liệu trên tấm mô hình.

## 11 Tắt máy

u Làm trống thiết bị. u Tắt máy làm đá. (xem Tắt máy làm đá) u Tắt thiết bị. (xem Tắt thiết bị

và trên)

u Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm. u Tháo ổ cắm IEC nếu cần: Rút ổ cắm IEC ra khỏi phích cắm của thiết bị và đồng thời di chuyển sang trái và phải.

u Đặt một chiếc khăn trước thiết bị để hứng bất kỳ giọt nước nào có thể chảy ra.

u Vệ sinh thiết bị. (xem mục 9.3 Vệ sinh thiết bị) u Để cửa mở để không có mùi khó chịu phát sinh.

## 12 Xử lý

### 12.1 Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ



Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị của mình. Tại EU, vì lý do môi trường, luật pháp yêu cầu người dùng cuối phải tháo pin này trước khi vứt bỏ các thiết bị cũ. Nếu thiết bị của bạn có pin, sẽ có thông báo tương ứng kèm theo.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không làm hỏng chúng, hãy tháo chúng trước khi vứt bỏ.

u Ngừng sử dụng thiết bị. u Nếu có thể: tháo đèn mà không làm hỏng chúng.

### 12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



Thiết bị này vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải được xử lý riêng với rác thải đô thị chưa phân loại.



Vứt bỏ pin riêng với thiết bị cũ. Để làm như vậy, bạn có thể trả lại pin miễn phí cho các nhà bán lẻ cũng như các trung tâm tái chế và trung tâm thu gom vật liệu tái chế.

Đèn

Xử lý đèn đã tháo bỏ thông qua hệ thống thu gom tương ứng.

Đối với Đức:

Bạn có thể vứt bỏ thiết bị miễn phí thông qua các thùng thu gom loại 1 tại các trung tâm thu gom vật liệu tái chế và tái chế tại địa phương. Khi mua tủ lạnh/tủ đông mới, nếu diện tích bán hàng > 400 m<sup>2</sup>, các nhà bán lẻ cũng sẽ lấy lại thiết bị cũ miễn phí.



CẢNH BÁO RÒ

Chất làm mát và dầu!

Cháy. Chất làm mát chứa trong thiết bị thân thiện với môi trường, nhưng cũng dễ cháy. Dầu chứa trong thiết bị dễ cháy. Chất làm mát và dầu thoát ra có thể bắt lửa nếu nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. u Không làm hỏng đường ống của mạch làm mát và máy nén.

u Tuân thủ các lưu ý khi vận chuyển thiết bị. u Vận chuyển thiết bị mà không làm hỏng thiết bị. u Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị theo đúng thông số kỹ thuật nêu trên.



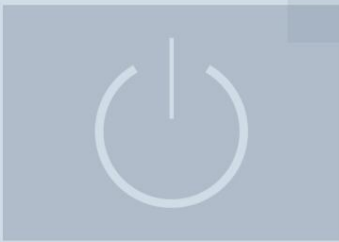
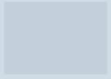


[home.liebherr.com/fridge-manuals](https://home.liebherr.com/fridge-manuals)

**EN** tủ đông

Ngày phát hành: 20250131

Mã số sản phẩm: 7088536-00



Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



[home.liebherr.com/fridge-manuals](http://home.liebherr.com/fridge-manuals)



# LIEBHERR

# Nội dung

1	Tổng quan về thiết bị.....	3
1.1	Phạm vi cung cấp.....	3
1.2	Tổng quan về thiết bị và các tính năng.....	3
1.3	Thiết bị thông minh.....	3
1.4	Phạm vi sử dụng của thiết bị.....	4
1.5	Sự phù hợp.....	4
1.6	Các chất SVHC theo quy định REACH.....	4
1.7	Cơ sở dữ liệu EPREL.....	4
1.8	Linh kiện thay thế.....	4
2	Hướng dẫn an toàn chung.....	4
3	Chức năng của màn hình cảm ứng.....	6
3.1	Điều hướng và giải thích ký hiệu.....	6
3.2	Thực đơn.....	6
3.3	Chế độ ngủ.....	7
4	Đưa vào hoạt động.....	7
4.1	Bật thiết bị (lần đầu sử dụng).....	7
5	Lưu trữ.....	7
5.1	Thông tin về lưu trữ.....	7
5.2	Ngăn lạnh.....	8
5.3	BioFresh.....	8
5.4	****-ngăn đông*.....	8
5.5	Thời gian lưu trữ.....	8
6	Tiết kiệm năng lượng.....	9
7	Kiểm soát.....	10
7.1	Điều khiển và hiển thị.....	10
7.1.1	Hiển thị trạng thái.....	10
7.1.2	Hiển thị ký hiệu.....	10
7.2	Chức năng của thiết bị.....	10
7.2.1	Ghĩa chú về chức năng của thiết bị.....	10
	Tắt và bật thiết bị.....	10
	Wi-Fi.....	10
	Nhiệt độ.....	11
	Đơn vị nhiệt độ.....	12
	Giá trị B của BioFresh.....	12
	Giá trị C*.....	12
	Giá trị D.....	12
	Siêu Mát.....	12
	Chế độ nghỉ lễ.....	13
	Chế độ ngày Sa-bát.....	13
	E-Saver.....	14
	Chế độ vệ sinh.....	14
	Độ sáng màn hình.....	15
	Bảng báo động.....	15
	Khóa đầu vào.....	15


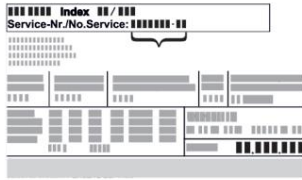






7.3	Tin nhắn.....	17
7.3.1	Tổng quan về cảnh báo.....	18
7.3.2	Cảnh báo kết thúc.....	18
7.3.3	Tổng quan về lời nhắc.....	18
7.3.4	Lời nhắc kết thúc.....	18
8	Tính năng.....	19
8.1	Ngăn đông 4 sao*.....	19
8.2	Giá để đồ ở cửa.....	19
8.3	Kệ.....	20
8.4	Kệ chia ngăn.....	20
8.5	VarioSafe *.....	20
8.6	Kệ đựng chai có thể điều chỉnh.....	23
8.7	Ngăn kéo.....	23
8.8	Nắp ngăn đựng trái cây và rau củ an toàn.....	24
8.9	Giá đựng chai.....	25
8.10	FlexCube.....	25
9	Bảo trì.....	25
9.1	Bộ lọc than hoạt tính FreshAir.....	25
9.2	Tháo rời / lắp ráp hệ thống kéo ra.....	26
9.3	Tháo/lắp giá đựng chai thay đổi.....	26
9.4	Nắp ngăn đựng trái cây và rau củ an toàn.....	26
9.5	Rã đông thiết bị.....	27
9.6	Rã đông ngăn đông thủ công*.....	27
9.7	Vệ sinh thiết bị.....	27
10	Trợ giúp khách hàng.....	28
10.1	Thông số kỹ thuật.....	28
10.2	Tiếng ồn khi vận hành.....	28
10.3	Lỗi kỹ thuật.....	29
10.4	Dịch vụ khách hàng.....	30
10.5	Tấm mô hình.....	30
11	Tắt máy.....	30
12	Xử lý.....	30
12.1	Chuẩn bị thiết bị để xử lý.....	30
12.2	Vứt bỏ thiết bị theo cách thân thiện với môi trường cách cư xử thân thiện.....	30

Nhà sản xuất liên tục làm việc trên hơn nữa  
phát triển tất cả các loại và mô hình. Xin lưu ý rằng  
chúng tôi có quyền thay đổi hình dạng, trang bị  
trí tuệ và công nghệ.

Giải thích biểu tượng	
	<p>Đọc hướng dẫn</p> <p>Vui lòng đọc thông tin trong hướng dẫn này cẩn thận để hiểu tất cả các lợi ích của thiết bị mới của bạn.</p>



Giải thích biểu tượng	
	<p>Thông tin bổ sung trên Internet</p> <p>Bạn có thể tìm thấy hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số có thông tin bổ sung và bằng nhiều ngôn ngữ khác thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn sử dụng hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại <a href="http://home.liebherr.com/fridge-manuals">home.liebherr.com/fridge-manuals</a>.</p> <p>Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên thẻ sê-ri:</p>  <p>Hình. Ví dụ minh họa</p>
	<p>Kiểm tra thiết bị</p> <p>Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ khách hàng của bạn.</p>
	<p>Sự khác biệt</p> <p>Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều kiểu máy, do đó có thể có sự khác biệt. Các phần chỉ áp dụng cho một số kiểu máy nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).</p>
	<p>Hướng dẫn và kết quả</p> <p>Hướng dẫn được đánh dấu bằng dấu . ▶</p> <p>Kết quả được đánh dấu bằng dấu . ▷</p>
	<p>Video</p> <p>Video về các thiết bị có sẵn trên kênh YouTube của Liebherr-Hausgeräte.</p>

## Giấy phép nguồn mở: Thiết

bị chứa các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép nguồn mở. Thông tin về các giấy phép nguồn mở được sử dụng có thể tìm thấy tại đây: [home.liebherr.com/open-source-licences](http://home.liebherr.com/open-source-licences) Các hướng dẫn vận hành này áp dụng cho:

(S)RB..	52..
KB52Vc20	

## 1 Tổng quan về thiết bị

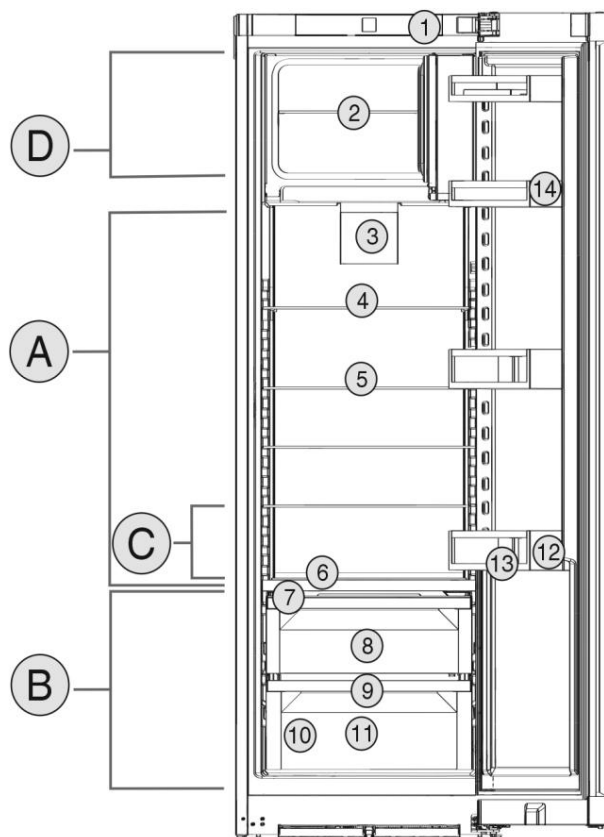
## 1.1 Phạm vi giao hàng

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Liên hệ với đại lý hoặc bộ phận dịch vụ khách hàng của bạn trong trường hợp có khiếu nại. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Thiết bị mới của bạn bao gồm các bộ phận sau:

- Thiết bị độc lập
- Tính năng (tùy theo từng model)
- Vật liệu lắp đặt (tùy theo model)
- "Hướng dẫn bắt đầu nhanh"
- "Hướng dẫn cài đặt"
- Tờ rơi dịch vụ

## 1.2 Tổng quan về thiết bị và các tính năng



Hình 1 Ví dụ minh họa Phạm vi

hiệt độ (A) Ngăn lạnh

(B) BioFresh (C) Vùng lạnh nhất (D) Ngăn đông 4 sao\*

## Đặc trưng

- |   |                                |
|---|--------------------------------|
| (1) Kiểm soát                               | (8) Trái cây & Rau quả an toàn |
| (2) Tấm kính cho ngăn đông 4 sao*           | (9) Cửa ra                     |
| (3) Quạt có bộ lọc than hoạt tính FreshAir  | (10) Thẻ nổi tiếp              |
| (4) Kệ lưu trữ có thể tách rời              | (11) Thịt & Sữa-An toàn        |
| (5) Kệ lưu trữ                              | (12) Giá để chai               |
| (6) Kệ đựng chai tích hợp                   | (13) Giá để chai               |
| (7) Nắp đậy cho trái cây và rau quả-An toàn | (14) Có thể để                 |

## Ghi chú

u Các kệ, ngăn kéo và giỏ được sắp xếp để đạt hiệu quả năng lượng tối ưu khi thiết bị được giao đến.  
Ví dụ, việc thay đổi cách lắp các kệ vào ngăn tủ lạnh không ảnh hưởng gì đến mức tiêu thụ năng lượng.

## 1.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp mạng cho tủ lạnh của bạn.

Nếu thiết bị của bạn được hỗ trợ SmartDevice hoặc tương thích, bạn có thể nhanh chóng và dễ dàng kết nối thiết bị của mình với WiFi. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể vận hành thiết bị của mình từ thiết bị di động. Các chức năng bổ sung và tùy chọn cài đặt có sẵn trong ứng dụng SmartDevice SmartDevice.

## Hướng dẫn an toàn chung

Ứng dụng tương thích với SmartDevice an: Thiết bị của bạn tương thích để sử dụng với SmartDeviceBox. Trước tiên, bạn phải mua và cài đặt Smart-DeviceBox. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.



Thông tin thêm về SmartDevice:

[smartdevice.liebherr.com](http://smartdevice.liebherr.com)

Mua hàng SmartDeviceBox trong Liebherr- Cửa hàng đồ gia dụng:

[home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html)

Đang tải xuống Ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của mình với WiFi bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng thiết bị WiFi (xem WiFi).

Ghi chú

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.

### 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng

Thiết bị chỉ phù hợp để làm mát các sản phẩm thực phẩm trong môi trường gia đình hoặc giống như hộ gia đình. Điều này bao gồm, ví dụ, sử dụng: - trong bếp của nhân viên, cơ sở lưu trú, - bởi khách ở nhà nghỉ, khách sạn, nhà nghỉ ven đường và các nơi lưu trú khác, - cho dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tương tự trong

thương mại bán buôn.

Thiết bị này không phù hợp để đông lạnh thực phẩm;\* Thiết bị này

không phù hợp để làm thiết bị âm tủ.

Mọi hình thức sử dụng khác đều không được phép.

Sử dụng sai mục đích có thể

lương trước Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm lạnh

thuốc, huyết tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các chất và sản phẩm tương tự dựa trên Chỉ thị về thiết bị y tế 2007/47/EC

- Sử dụng ở những nơi có nguy cơ nổ

Sử dụng thiết bị không đúng cách có thể làm hỏng hàng hóa được lưu trữ hoặc có thể bị hỏng.

Phân loại khí hậu Tùy thuộc vào

phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động ở nhiệt độ môi trường hạn chế. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên bảng đánh giá.

Lưu ý:

Duy trì nhiệt độ môi trường được chỉ định để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

Phân loại khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

### 1.5 Sự phù hợp

Mạch làm lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Thiết bị tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tương ứng.

Toàn văn Tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn trên trang web sau: [www.Liebherr.com](http://www.Liebherr.com) Ngăn BioFresh đáp ứng các yêu cầu của ngăn bảo quản lạnh theo quy định tại DIN EN 62552:2020.

### 1.6 Các chất SVHC theo quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của bạn có chứa chất SVHC theo quy định của REACH hay không tại liên kết sau: [home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nach-haltigkeit/umwelt/scip/scip.html](http://home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nach-haltigkeit/umwelt/scip/scip.html)

### 1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Chi tiết về yêu cầu dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái sẽ có trên cơ sở dữ liệu sản phẩm của Châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được yêu cầu nhập ID kiểu máy. Bạn có thể tìm thấy ID kiểu máy trên nhãn sản phẩm.

### 1.8 Phụ tùng thay thế

Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận có sẵn của thiết bị là 15 năm.

## 2 Hướng dẫn an toàn chung

Vui lòng cất giữ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo lại bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị, vui lòng trao lại hướng dẫn sử dụng này cho người dùng tiếp theo.

Đọc kỹ hướng dẫn vận hành này trước khi sử dụng để đảm bảo sử dụng thiết bị an toàn và đúng cách. Luôn tuân thủ các hướng dẫn, hướng dẫn an toàn và thông báo cảnh báo đi kèm. Chúng rất quan trọng để đảm bảo bạn có thể vận hành và lắp đặt thiết bị an toàn và không gặp bất kỳ sự cố nào.

Nguy hiểm cho người sử

dụng: - Trẻ em và những người bị suy giảm khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức đều có thể sử dụng thiết bị này, miễn là họ được giám sát hoặc được hướng dẫn về cách sử dụng an toàn thiết bị này và về những mối nguy hiểm phát sinh.

Trẻ em không được chơi với thiết bị này.

Trẻ em không được thực hiện công việc vệ sinh và bảo trì khi không có sự giám sát của người lớn. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép lắp và tháo thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi có sự giám sát liên tục của người lớn.

- Ổ cắm phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Ổ cắm không được đặt ở khu vực phía sau thiết bị.

- Khi ngắt thiết bị khỏi nguồn điện, hãy luôn cầm vào phích cắm. Không kéo dây cáp.

- Trong trường hợp xảy ra lỗi, hãy rút phích cắm điện hoặc ngắt cầu chì.

- Không làm hỏng dây nguồn. Không vận hành thiết bị bằng dây nguồn bị lỗi.

- Chỉ có bộ phận dịch vụ khách hàng hoặc nhân viên được đào tạo đặc biệt mới được sửa chữa hoặc thực hiện các thao tác khác trên thiết bị.

- Chỉ lắp ráp, kết nối và thải bỏ thiết bị theo đúng hướng dẫn.

Nguy cơ cháy

nổ: - Chất làm mát được sử dụng (thông tin trên biển số xe) thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy.

Bất kỳ chất làm mát rò rỉ nào cũng có

thể bắt lửa. • Không làm hỏng mạch làm lạnh ống.

• Không xử lý nguồn gây cháy bên trong thiết bị.

• Không sử dụng các thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ máy làm sạch bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm kem, v.v.). • Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: loại bỏ mọi ngọn lửa trần hoặc nguồn đánh lửa khỏi khu vực gần điểm rò rỉ. Thông gió phòng đúng cách. Thông báo cho bộ phận dịch vụ khách hàng.

- Không cất giữ chất nổ hoặc bình xịt sử dụng chất đẩy dễ cháy như butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Để nhận dạng các bình xịt này, hãy tìm danh sách thành phần được in trên bình hoặc biểu tượng ngọn lửa. Khi có thể thoát ra có thể bắt lửa do các thành phần điện.

- Để nệm, đèn và các vật dụng có ngọn lửa khác tránh xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.

- Hãy đảm bảo cất giữ đồ uống có cồn hoặc bao bì khác có chứa cồn trong các hộp đựng đậy kín. Bất kỳ loại cồn nào rò rỉ ra ngoài đều có thể bị bắt lửa bởi các thành phần điện.

Nguy cơ lật đổ và rơi: - Không sử dụng

bệ, ngăn kéo, cửa, v.v. làm bậc thang hoặc để hỗ trợ. Điều này đặc biệt áp dụng cho trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không

sử dụng thực phẩm đã bị ôi thiu.

Lưu trữ quá lâu.

Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau đớn: - Tránh tiếp xúc

da trong thời gian dài với bề mặt lạnh hoặc hàng hóa đông lạnh/làm lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như đeo găng tay.

Nguy cơ gây thương tích và hư hỏng: -

Hơi nước nóng có thể gây thương tích. Không sử dụng thiết bị làm nóng bằng điện hoặc thiết bị vệ sinh bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt đã đông để rã đông.

- Không sử dụng vật sắc nhọn để tháo đá.

Nguy cơ bị đè bẹp: -

Không giữ bản lề khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng này có thể nằm trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và đề cập đến rủi ro: Nuốt hoặc hít phải có thể gây tử vong. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không có nguy hiểm trong hoạt động bình thường.

# Chức năng của màn hình cảm ứng



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của vật liệu dễ cháy. Không được tháo nhãn dán.



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tương tự có thể nằm ở mặt sau của thiết bị. Nhãn dán này cho biết có các tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm perlite trong cửa và/hoặc vỏ. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không tháo nhãn dán.

Xin lưu ý các thông điệp cảnh báo và lời khuyên cụ thể khác trong các chương khác:

	SỰ NGUY HIỂM	báo hiệu ngay lập tức một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	CẢNH BÁO 0 biểu thị	tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	THẬN TRỌNG	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc trung bình nếu không tránh được.
	ĐỂ Ý	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể gây thiệt hại cho tài sản nếu không tránh được.
	Ghi chú	chỉ ra những hướng dẫn và mẹo hữu ích.

## 3 Chức năng của màn hình cảm ứng

Bạn vận hành thiết bị của mình bằng màn hình cảm ứng. Bạn chọn các chức năng của thiết bị trong màn hình cảm ứng (sau đây gọi là màn hình) bằng cách chạm vào chúng. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.

### 3.1 Điều hướng và giải thích ký hiệu

Trong hình minh họa, các ký hiệu khác nhau được sử dụng để điều hướng màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn nút Tiếp theo mũi tên: Điều hướng đến tùy chọn tiếp theo trong menu.
	Nhấn nút Quay lại mũi tên: Nhảy trở lại một tùy chọn trong thực đơn.
	Nhấn mũi tên điều hướng nhiều lần liên tiếp: Điều hướng trong menu đến chức năng mong muốn.


Biểu tượng	Mô tả Nhấn vào
	biểu tượng Xác nhận: Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Mở menu phụ.
	Nhấn biểu tượng Xác nhận cùng với biểu tượng quay lại: Quay lại một cấp menu.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây thì thông báo sau mới xuất hiện trên màn hình.
	Mũi tên chỉ thời gian: Phải mất khoảng thời gian quy định cho đến khi thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Biểu tượng "Mở menu Cài đặt": Điều hướng đến menu Cài đặt và mở menu cài đặt.  Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Cài đặt thực đơn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
	Biểu tượng "Mở menu Nâng cao": Điều hướng đến menu Nâng cao và mở menu nâng cao.  Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Nâng cao thực đơn. (xem 3.2.2 Mở menu Nâng cao)
hoạt động vì Không có 10 giây	Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.
Mở cửa và	Nếu bạn mở cửa rồi đóng lại ngay lập tức hoặc đóng lại, màn hình sẽ nhảy trực tiếp trở lại màn hình trạng thái.

Lưu ý: Hình ảnh minh họa được hiển thị trong phiên bản tiếng Anh.

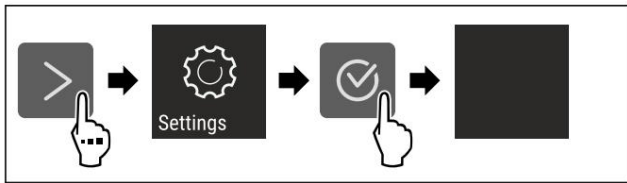
### 3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị có thể được tìm thấy trong nhiều menu khác nhau.

Thực đơn	Sự miêu tả
Menu chính Khi bạn	bật thiết bị, bạn sẽ tự động vào menu chính.  Từ đây, bạn có thể điều hướng đến các chức năng quan trọng nhất của thiết bị, đến menu Cài đặt và menu Nâng cao.

Thực đơn	Mô tả Menu
 Cài đặt thực đơn	Cài đặt chứa các chức năng thiết bị bổ sung để thiết lập thiết bị của bạn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
Trình độ cao thực đơn	Menu nâng cao chứa các chức năng thiết bị đặc biệt để thiết lập thiết bị của bạn. Quyền truy cập vào menu Nâng cao được bảo vệ bằng mã số 1 5 1. (xem 3.2.2 Mở menu Nâng cao)

### 3.2.1 Mở menu Cài đặt



Hình 2 Ví dụ minh họa u Thực

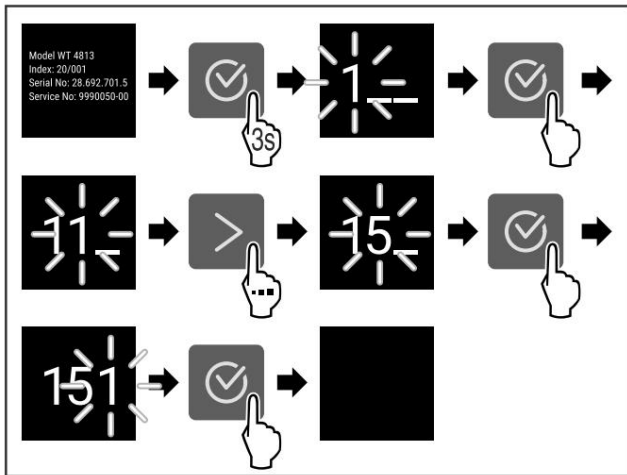
hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Menu Cài đặt đang mở.

u Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

### 3.2.2 Mở menu Nâng cao



Hình 3



Hình 4 Ví dụ minh họa, truy cập bằng mã số 151

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Menu mở rộng

sẽ mở ra. u Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

## 3.3 Chế độ ngủ

Nếu bạn không chạm vào màn hình trong 1 phút, màn hình sẽ chuyển sang chế độ ngủ. Ở chế độ ngủ, độ sáng màn hình sẽ mờ đi.

### 3.3.1 Kết thúc chế độ ngủ u Nhấn bất

kỳ phím điều hướng nào. w Chế độ ngủ đã kết thúc.

## 4 Đưa vào hoạt động

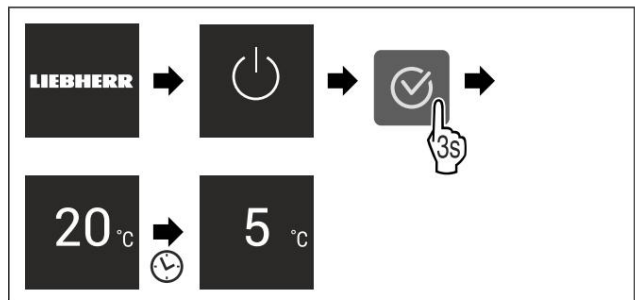
### 4.1 Bật thiết bị (lần đầu sử dụng)

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Thiết bị đã được lắp đặt và kết nối theo đúng hướng dẫn lắp đặt.

q Tất cả các dải keo dính, màng keo dính và màng bảo vệ và khóa vận chuyển được gỡ bỏ khỏi bên trong và trên ứng dụng.

q Tất cả các tờ rơi tiếp thị đều được lấy ra khỏi ngăn kéo. q Bạn đã quen thuộc với chức năng của màn hình cảm ứng. (xem mục 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

Bật thiết bị bằng Màn hình cảm ứng: u Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ: Chạm nhẹ vào màn hình. u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.



Hình 5 Ví dụ minh họa

w Màn hình hiển thị trạng thái

xuất hiện. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ được cài đặt tại nhà máy. w Thiết bị bắt đầu ở chế độ demo (màn hình hiển thị trạng thái với DEMO xuất hiện):

Nếu thiết bị bắt đầu ở chế độ demo, bạn có thể hủy kích hoạt chế độ demo trong vòng 5 phút tiếp theo. (xem Chế độ demo)

Thông tin thêm: - Khởi

động SmartDevice lần đầu tiên. (xem 1.3 Smart- Device) và (xem WiFi)

Lưu ý

Nhà sản xuất khuyến cáo: u Dự trữ thực phẩm:

Đợi khoảng 6 giờ cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt. u Bảo quản thực phẩm đông

lạnh ở nhiệt độ -18 °C hoặc lạnh

hơn.\* u Tuân thủ các Lưu ý về việc bảo quản thực phẩm.

(xem 5.1 Thông tin về bảo quản)

Lưu ý:

Có thể mua phụ kiện tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html).

## 5 Lưu trữ

### 5.1 Thông tin về lưu trữ



CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

u Không sử dụng bất kỳ thiết bị điện nào trong khu vực thực phẩm của thiết bị trừ khi có khuyến cáo của nhà sản xuất.

Lưu

ý: Mức tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. u Luôn giữ cho các khe hở không khí thông thoáng.

# Kho

Tuân thủ các thông số kỹ thuật sau khi lưu trữ: - Giữ cho

lỗ thông gió trên quạt luôn thông thoáng.

- Trong ngăn đông: Đóng gói thực phẩm đúng cách.\* - Đóng gói hoặc đậy kín những thực phẩm dễ bắt mùi hoặc tỏa ra mùi vị trong hộp kín.

- Đóng gói thịt hoặc cá sống trong hộp đựng sạch, kín. Điều này sẽ ngăn không cho thịt hoặc cá chạm vào hoặc nhỏ giọt vào thức ăn khác.
- Đựng chất lỏng trong bình kín.
- Chừa khoảng cách giữa các hàng hóa để đảm bảo không khí lưu thông tốt. sự kiện.
- Bảo quản thực phẩm theo hướng dẫn trên bao bì. lão hóa.
- Luôn tuân thủ ngày hết hạn sử dụng được ghi trên bao bì bao bì.

Lưu ý:

Không tuân thủ các hướng dẫn này có thể khiến thực phẩm bị hỏng.

## 5.2 Ngăn lạnh

Sự lưu thông không khí trong thiết bị tạo ra các vùng nhiệt độ khác nhau. Bạn sẽ tìm thấy các vùng nhiệt độ khác nhau trong phần tổng quan về thiết bị và thiết bị. (xem 1.2 Tổng quan về thiết bị và các tính năng)

5.2.1 Sắp xếp thực phẩm đúng cách u Khu vực phía

trên và cửa: Bảo quản bơ, phô mai, thực phẩm đóng hộp và ống.

u Vùng nhiệt độ lạnh nhất: Bảo quản thực phẩm dễ hỏng như nếu các bữa ăn được nấu chín trước.

## 5.3 Sinh học tươi

BioFresh sẽ kéo dài thời gian bảo quản một số loại thực phẩm tươi sống so với phương pháp làm lạnh truyền thống.

Ghi chú

Nếu nhiệt độ xuống dưới 0 °C, thực phẩm có thể bị đóng cứng. u Bảo quản các sản phẩm nhạy cảm với lạnh như dưa chuột, cà tím, bí xanh và trái cây nhiệt đới trong ngăn tủ lạnh.

### 5.3.1 An toàn cho trái cây và rau quả

Tủ an toàn này tạo ra môi trường lưu trữ gần 0 °C. Nắp ngăn đảm bảo độ ẩm ở mức ổn định. Môi trường lưu trữ này phù hợp để lưu trữ thực phẩm không đóng gói có độ ẩm cao (ví dụ như rau diếp, rau, trái cây).

Độ ẩm trong ngăn phụ thuộc vào độ ẩm của hàng hóa được làm lạnh được đặt trong đó và cũng phụ thuộc vào tần suất mở ngăn. Bạn có thể điều chỉnh mức độ ẩm.

Sắp xếp thực phẩm đúng cách u Bảo

quản trái cây và rau quả không đóng gói.

Nếu độ ẩm quá cao:

u Điều chỉnh độ ẩm.

### 5.3.2 Thịt và sữa an toàn

Tủ an toàn này tạo ra môi trường lưu trữ gần 0 °C. Môi trường lưu trữ này phù hợp với những thực phẩm nhạy cảm hơn (ví dụ như các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, xúc xích).

Sắp xếp thực phẩm đúng cách u Bảo

quản thực phẩm khô hoặc thực phẩm đóng gói.

## 5.4 \*\*\*-ngăn đông\*

Ở đây, khí hậu bảo quản khô và lạnh giá được tạo ra ở nhiệt độ -18 °C. Khí hậu bảo quản lạnh giá thích hợp để bảo quản thực phẩm đông lạnh trong nhiều tháng, để làm đá viên hoặc đông lạnh thực phẩm tươi.

Nhiệt độ không khí trong ngăn đông, được đo bằng nhiệt kế hoặc thiết bị đo khác, có thể dao động. Biến động nhiệt độ lớn hơn trong ngăn đông nửa đầy hoặc rỗng và có thể đạt được nhiệt độ âm hơn -18 °C.

### 5.4.1 Đông lạnh thực phẩm

Lượng thực phẩm tươi sống tối đa mà bạn có thể đông lạnh trong vòng 24 giờ được ghi rõ trên nhãn loại thực phẩm (xem 10.5 Nhãn mẫu) trong mục "Công suất đông lạnh ... kg/24h".

Để đảm bảo thực phẩm đông lạnh nhanh chóng, hãy tuân thủ số lượng sau cho mỗi gói: - Trái cây và rau quả tối

đa 1 kg - Thịt tối đa 2,5 kg

Sắp xếp thức ăn của bạn đúng cách



THẬN TRỌNG

Có nguy cơ bị thương do kính vỡ!

Chai và lon đựng đồ uống có thể bị vỡ khi đông lạnh. Điều này đặc biệt đúng với đồ uống có ga. u Không đông lạnh chai và lon đựng đồ uống!

u Để có hiệu suất đông lạnh tối đa: Tháo tấm kính ra trước khi đông lạnh.\* u Đặt thực phẩm đóng gói vào ngăn đông.

Rã đông thực phẩm



CẢNH BÁO

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm!

u Không đông lại thực phẩm đã rã đông.

u Sử dụng thực phẩm đã rã đông càng sớm càng tốt.

Bạn có thể rã đông thực phẩm theo nhiều cách: -

Trong ngăn mát - Trong lò vi sóng -

Trong lò nướng/lò nướng

có quạt - ở nhiệt độ phòng u Chỉ lấy ra

lượng thực phẩm cần thiết.

## 5.5 Thời gian lưu trữ

Tham khảo thời gian lưu trữ được chỉ định để biết hướng dẫn.

Đối với thực phẩm có thời hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao bì vẫn được áp dụng.

### 5.5.1 Phần tủ lạnh

Luôn tuân thủ ngày hết hạn sử dụng được ghi trên bao bì.

### 5.5.2 Sinh học tươi

Thời gian lưu trữ được khuyến nghị trong Thịt & Sữa-An toàn		
Bơ	ở 1 °C	lên đến 90 ngày
Phô mai cứng	ở 1 °C	lên đến 110 ngày
Sữa	ở 1 °C	lên đến 12 ngày
Xúc xích, thịt nguội ở 1 °C		lên đến 8 ngày
Gia cầm	ở 1 °C	lên đến 6 ngày

Thời gian lưu trữ được khuyến nghị trong Thịt & Sữa-An toàn		
Thịt lợn	ở 1 °C	lên đến 6 ngày
Thịt bò	ở 1 °C	lên đến 6 ngày
Trò chơi	ở 1 °C	lên đến 6 ngày

Ghi chú

u Hãy nhớ rằng thực phẩm giàu protein sẽ nhanh hỏng hơn; vỏ cá và động vật giáp xác không tồn tại lâu bằng cá, và cá không để được lâu bằng thịt.

Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong Trái cây & Rau quả-An toàn		
Rau, salad		
Atiso	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
cần tây	ở 1 °C	lên đến 28 ngày
Súp lơ	ở 1 °C	lên đến 21 ngày
Súp lơ xanh	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Rau diếp xoăn	ở 1 °C	lên đến 27 ngày
Rau xà lách	ở 1 °C	lên đến 19 ngày
Đậu Hà Lan	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Khác	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Cà rốt	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
Tỏi	ở 1 °C	lên đến 160 ngày
củ cải	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Rau xà lách	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Thảo mộc	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Tỏi tây	ở 1 °C	lên đến 29 ngày
Nấm	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
Củ cải	ở 1 °C	lên đến 10 ngày
Cải Brussels	ở 1 °C	lên đến 20 ngày
Măng tây	ở 1 °C	lên đến 18 ngày
Rau chân vịt	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Savoy	ở 1 °C	lên đến 20 ngày
Hoa quả		
Quả mơ	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Táo	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
Quả lê	ở 1 °C	lên đến 55 ngày
Quả mâm xôi	ở 1 °C	lên đến 3 ngày
Ngày tháng	ở 1 °C	lên đến 180 ngày
dâu tây	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
Quả sung	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
Quả việt quất	ở 1 °C	lên đến 9 ngày
Quả mâm xôi	ở 1 °C	lên đến 3 ngày
nho đen	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
Anh đào ngọt	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Kiwi	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
Quả đào	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Mận	ở 1 °C	lên đến 20 ngày

Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong Trái cây & Rau quả-An toàn		
Quả nam việt quất	ở 1 °C	lên đến 60 ngày
Đại hoàng	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Quả lý gai	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Quả nho	ở 1 °C	lên đến 29 ngày

### 5.5.3 Ngăn đông\*

Thời hạn sử dụng khuyến nghị cho các loại thực phẩm khác nhau		
Kem	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Thịt nguội, giăm bông	ở -18 °C	2 đến 3 tháng
Bánh mì, đồ nướng ở nhiệt độ -18 °C	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Trò chơi, thịt lợn	ở -18 °C	6 đến 9 tháng
Cá béo	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Cá nạc	ở -18 °C	6 đến 8 tháng
Phô mai	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Gia cầm, thịt bò	ở -18 °C	6 đến 12 tháng
Rau, trái cây	ở -18 °C	6 đến 12 tháng

## 6 Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý thông gió tốt. Không che lỗ thông gió lỗ hoặc lưới.
- Luôn giữ cho khe gió của quạt thông thoáng.
- Không đặt thiết bị dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc gần bức xạ lò sưởi hoặc các nguồn nhiệt tương tự.
- Nếu thiết bị được đặt trực tiếp cạnh lò nướng, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Đây là phụ thuộc vào tuổi thọ và cường độ sử dụng của lò vi sóng.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt các yếu tố, ví dụ nhiệt độ môi trường xung quanh (xem 1.4 Thiết bị phạm vi sử dụng). Nhiệt độ môi trường ấm hơn có thể tăng mức tiêu thụ năng lượng.
- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ càng thấp thì năng lượng càng cao sự tiêu thụ.
- Phân loại thực phẩm: [home.liebherr.com/food](http://home.liebherr.com/food).
- Giữ tất cả thực phẩm được đóng gói và đậy kín đúng cách. Điều này ngăn ngừa sương giá hình thành.
- Chỉ lấy thức ăn ra trong thời gian cần thiết để nó không ấm lên quá nhiều.
- Cho thức ăn ấm vào: để nguội đến nhiệt độ phòng. thiên nhiên đầu tiên.
- Rã đông thực phẩm đông lạnh trong tủ lạnh.\*
- Nếu có lớp sương dày trong thiết bị: hãy rã đông thiết bị.\*
- Đối với thời gian vắng mặt dài hơn, hãy sử dụng HolidayMode (xem HolidayMode).

## Kiểm soát

### 7 Điều khiển

#### 7.1 Điều khiển và hiển thị

##### 7.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình 6

- (1) Hiển thị nhiệt độ của phần tủ lạnh

Màn hình Trạng thái hiển thị nhiệt độ đã cài đặt và là màn hình chính. Từ đó, bạn có thể điều hướng đến các tùy chọn và cài đặt.

##### 7.1.2 Biểu tượng hiển thị Biểu tượng

hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái thiết bị hiện tại:

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Chế độ chờ Thiết bị hoặc vùng nhiệt độ đã tắt.
	Số nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Nhiệt độ nhấp nháy cho đến khi đạt đến giá trị cài đặt.
	Biểu tượng nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Đã thiết lập xong.
	Thanh tăng đều đặn Chức năng đã được kích hoạt.

### 7.2 Chức năng của thiết bị

#### 7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi bạn thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Bạn đã đọc và hiểu mô tả về cách thức hoạt động của màn hình. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

q Bạn đã làm quen với các bộ phận vận hành và hiển thị của thiết bị.



#### Tắt và bật thiết bị

Sử dụng chức năng này để tắt và bật toàn bộ thiết bị.

Tắt thiết bị Khi bạn tắt thiết bị,

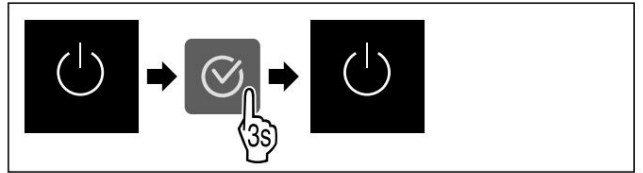
các cài đặt đã lưu trước đó sẽ được lưu lại.

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Hướng dẫn xử lý (xem 11

Tắt máy) được thực hiện ngoài.



Hình 7



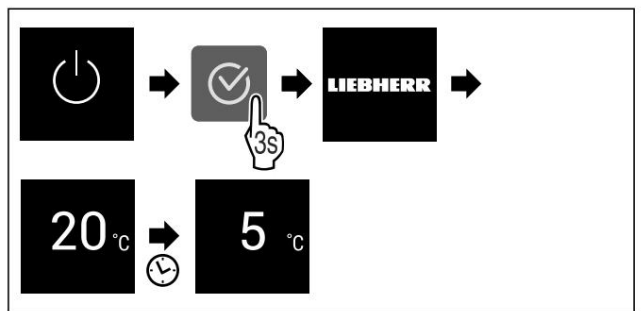
Hình 8

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Thiết bị đã tắt. w Biểu tượng chế độ chờ xuất hiện trên màn hình. w Màn hình chuyển sang màu đen.

#### Bật thiết bị

Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ:

u Nhấn bất kỳ phím điều hướng nào.



Hình 9. Ví dụ minh họa u Thực

hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Khi thiết bị bắt đầu ở chế độ demo: u Tắt chế độ demo. (xem Tắt chế độ demo) w Thiết bị được bật. w Các cài đặt trước đó được khôi phục. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ mục tiêu đã đặt.



#### Wi-Fi

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành thiết bị thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối WiFi.

Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần có SmartDevice- ceBox.

Thông tin thêm về SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

#### Lưu ý

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.

Thiết lập kết nối WiFi lần đầu tiên Hãy đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: q Bạn đã mua và lắp SmartDeviceBox.

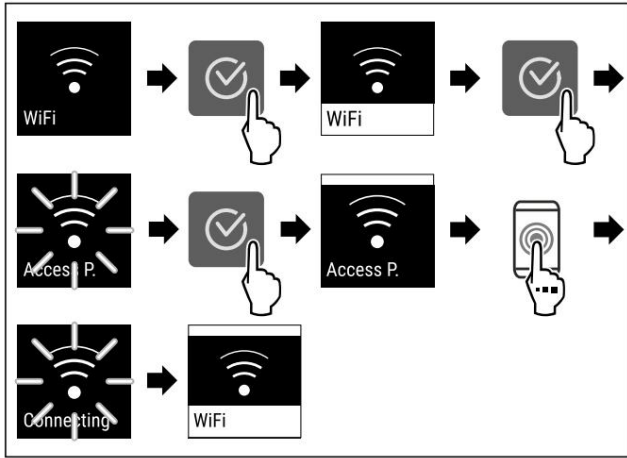
(xem 1.3 Thiết bị thông minh)

q Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem [apps.home.liebherr.com](https://apps.home.liebherr.com)). q Đã hoàn tất việc đăng ký trên ứng dụng SmartDevice.



Hình 10





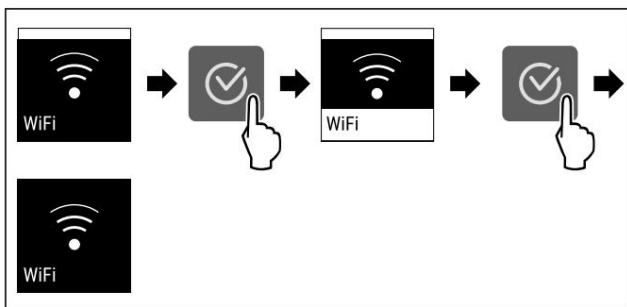
Hình 11

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Kết nối được thiết lập.

Ngắt kết nối khỏi WiFi



Hình 12



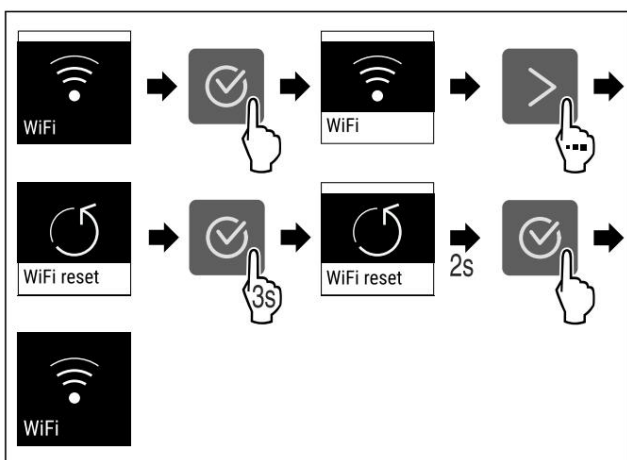
Hình 13

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Không có kết nối.

Đặt lại kết nối WiFi



Hình 14



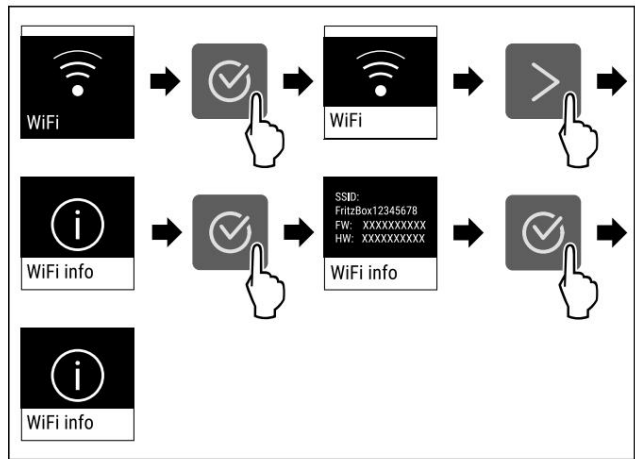
Hình 15

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Kết nối WiFi và các cài đặt WiFi khác được khôi phục về cài đặt gốc.

Hiển thị thông tin về kết nối WiFi



Hình 16



Hình 17

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

## 5 °C Nhiệt độ

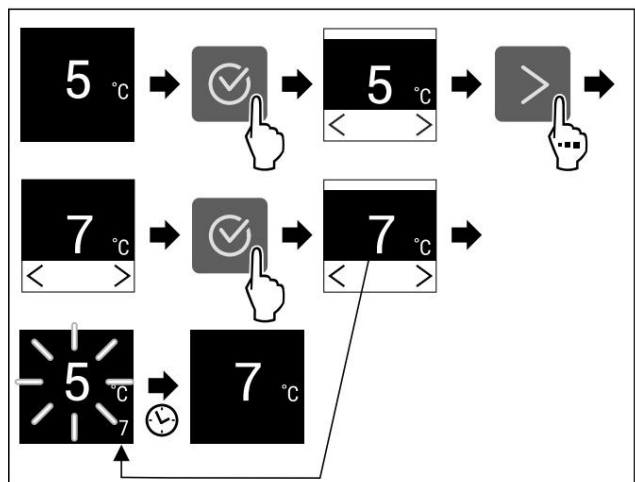
Sử dụng chức năng này để cài đặt nhiệt độ.

Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Tần suất mở cửa
- Thời gian mở cửa
- Nhiệt độ phòng nơi lắp đặt
- Loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm

Vùng nhiệt độ	Nhiệt độ cài đặt tại nhà máy	Cài đặt được đề xuất
5 °C Phần tử lạnh	5 °C	4 °C
0 °C Sinh học tươi	0 °C	Giá trị B (xem BioFresh B- Giá trị )

Cài đặt nhiệt độ trong ngăn tủ lạnh



Hình 18 Ví dụ minh họa

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Nhiệt độ đã được cài đặt.

## Kiểm soát

Cài đặt nhiệt độ trong BioFresh Cài đặt

nhiệt độ bằng cách sử dụng BioFresh B-Value. (xem BioFresh B-Value)



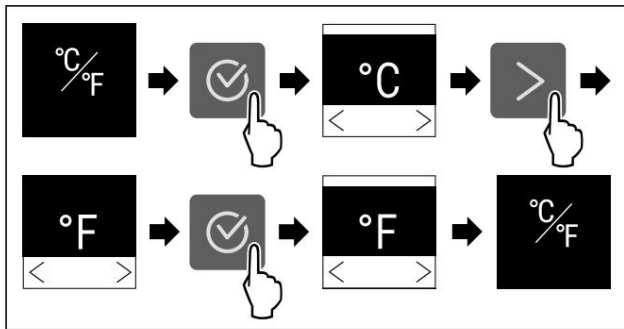
Đơn vị nhiệt độ

Sử dụng chức năng này để thiết lập đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể thiết lập độ C hoặc độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Thiết lập đơn vị nhiệt độ



Hình 19



Hình 20 Ví dụ minh họa: Chuyển từ độ C sang độ F. u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.

## B5

Giá trị B của BioFresh

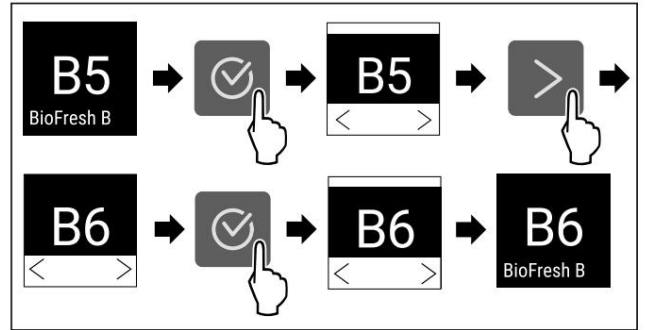
Sử dụng chức năng này để thiết lập BioFresh B-Value. Với BioFresh B-Value, bạn có thể thiết lập BioFresh ấm hơn hoặc lạnh hơn một chút nếu cần do nhiệt độ môi trường cao hơn hoặc thấp hơn. BioFresh B-Value được thiết lập trước thành giá trị B5 khi được cung cấp. Nếu bạn thay đổi B-Value, hãy tham khảo bảng sau:

Mô tả giá trị	
B1	Nhiệt độ thấp nhất
B1-B4	Nhiệt độ có thể xuống dưới 0 °C, điều này có nghĩa là thực phẩm có thể dễ bị đông lạnh.
B5	Nhiệt độ cài đặt trước
B9	Nhiệt độ cao nhất

Thiết lập giá trị B của BioFresh



Hình 21



Hình 22 Ví dụ minh họa: Chuyển từ B5 sang B6. u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Giá trị B của BioFresh đã được thiết lập.

## C5

Giá trị C\*

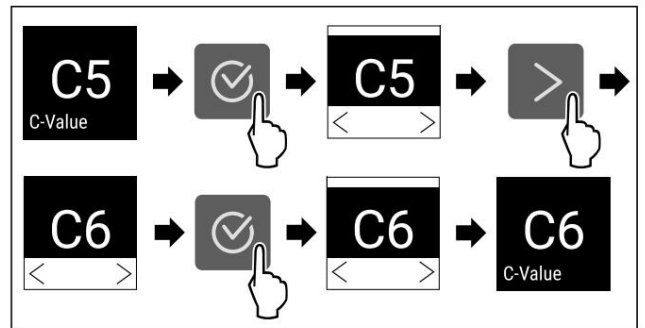
Sử dụng chức năng này để đặt Giá trị C. Bạn có thể sử dụng Giá trị C để làm cho ngăn đông \*\*\*\* ấm hơn hoặc lạnh hơn một chút. Giá trị C được đặt trước thành giá trị C5 khi giao hàng.

Giá trị	Sự miêu tả
Ngăn đông	từ C1 đến C4 **** trở nên lạnh hơn.
C5	Giá trị cài đặt trước
Ngăn đông	từ C6 đến C9 **** ấm hơn.

Thiết lập giá trị C



Hình 23



Hình 24. Ví dụ minh họa: Chuyển từ C5 sang C6. u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Giá trị C được thiết lập.

## D1

Giá trị D

Giá trị D được cài đặt sẵn cho thiết bị của bạn và không được phép thay đổi.



Siêu mát mẽ

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt SuperCool. Nếu SuperCool được kích hoạt, thiết bị sẽ tăng khả năng làm mát. Nó cho phép bạn đạt được nhiệt độ làm mát thấp hơn. Bạn có thể kích hoạt SuperCool khi bạn muốn làm mát một lượng lớn thực phẩm một cách nhanh chóng.

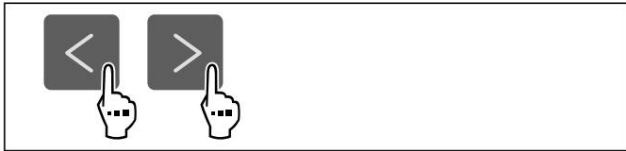
Nếu SuperCool được kích hoạt, thì nhiệt độ sẽ thấp hơn trong ngăn đông \*\*\*\*. Bạn có thể kích hoạt SuperCool khi bạn muốn đông lạnh thực phẩm trong ngăn đông \*\*\*\*.\*

Nếu chức năng này đang hoạt động, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể lớn hơn tạm thời và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

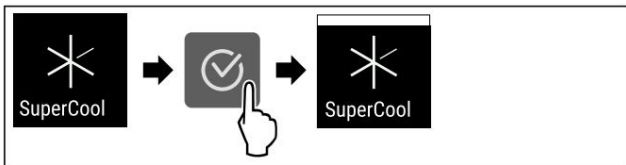
#### Kích hoạt SuperCool

Thời gian kích hoạt chức năng:

- Khi bạn muốn bảo quản thực phẩm tươi sống trong ngăn mát: Kích hoạt chức năng này khi cho thực phẩm vào.
- Khi bạn muốn bảo quản thực phẩm tươi sống trong ngăn đông \*\*\*\*: Kích hoạt chức năng này 3 giờ trước khi cho thực phẩm vào.\*



Hình 25



Hình 26

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w SuperCool được kích hoạt.

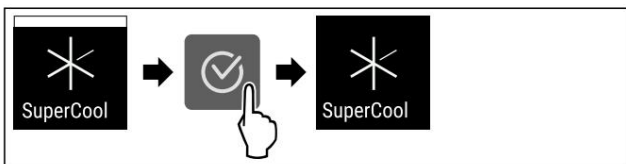
Tắt SuperCool SuperCool sẽ

tự động tắt sau 18 giờ.

Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SuperCool theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 27



Hình 28

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w SuperCool bị vô hiệu hóa. w Thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



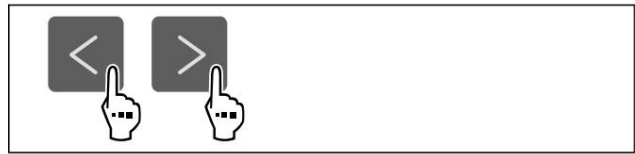
#### Chế độ nghỉ lễ

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ Holiday. Nếu bạn kích hoạt chế độ Holiday, ngăn lạnh sẽ được đặt ở mức 15 °C. Điều này giúp bạn tiết kiệm năng lượng trong thời gian vắng nhà dài hơn và ngăn ngừa mùi hôi và nấm mốc phát triển.

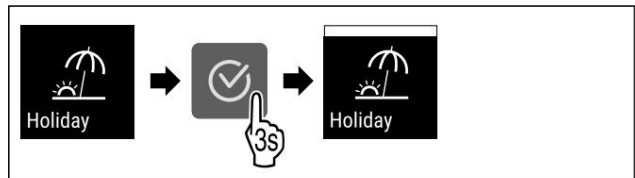
Trạng thái thiết bị khi HolidayMode đang hoạt động
Ngăn lạnh có thể làm mát đến 15 °C.
BioFresh làm mát đến 15 °C.
Nhiệt độ cài đặt được duy trì trong ngăn đông ****.*
SuperCool đã bị vô hiệu hóa.

Kích hoạt HolidayMode u Làm

trống hoàn toàn ngăn tủ lạnh. u Làm trống hoàn toàn ngăn BioFresh.



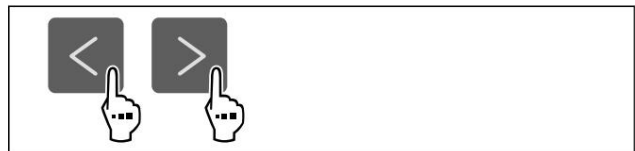
Hình 29



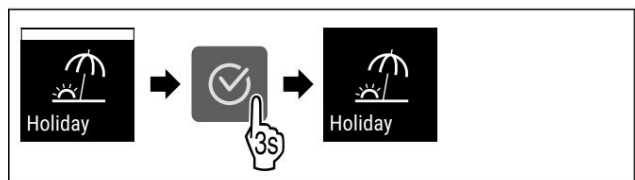
Hình 30

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w HolidayMode được kích hoạt. w Màn hình nhiệt độ hiển thị biểu tượng HolidayMode.

Tắt chế độ HolidayMode



Hình 31



Hình 32

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w HolidayMode đã bị vô hiệu hóa. w Thiết bị sẽ nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



#### Chế độ ngày Sa-bát

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt SabbathMode.

Nếu bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Do đó, thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo cho các ngày lễ của người Do Thái như Sabbath và tuần thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái luôn hiển thị SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình đều bị khóa ngoại trừ chức năng Deactivate SabbathMode.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Hệ thống chiếu sáng bên trong đã bị vô hiệu hóa.
Lời nhắc không được thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt dừng lại.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo.
Không có báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.

## Kiểm soát

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Chu trình rửa đông chỉ hoạt động trong thời gian đã chỉ định mà không tính đến mức tiêu thụ điện của thiết bị.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ SabbathMode.

Trạng thái thiết bị

Lưu ý

Thiết bị này có chứng nhận từ "Viện Khoa học và Halacha". ([www.machonhalacha.co.il](http://www.machonhalacha.co.il))

Bạn có thể tìm danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại [www.star-k.org/appliances](http://www.star-k.org/appliances).

Kích hoạt SabbathMode



CẢNH BÁO

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm từ thực phẩm hư hỏng!

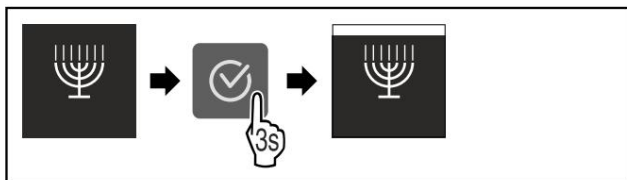
Nếu bạn đã kích hoạt SabbathMode và xảy ra mất điện, sẽ không có thông báo nào xuất hiện trên màn hình trạng thái về sự cố mất điện. Sau khi có điện trở lại, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở SabbathMode. Sự cố mất điện có thể khiến thực phẩm bị hỏng và việc tiêu thụ thực phẩm này có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện: u

Không sử dụng thực phẩm đã đông lạnh và đã rã đông ngoài.



Hình 33

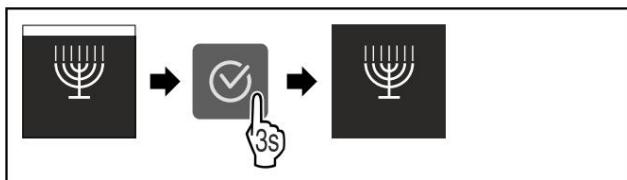


Hình 34

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w SabbathMode được kích hoạt. w Màn hình trạng thái hiển thị SabbathMode vĩnh viễn.

Tắt SabbathMode SabbathMode sẽ

tự động tắt sau 80 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SabbathMode theo cách thủ công bất kỳ lúc nào:



Hình 35

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ Sabbath đã bị vô hiệu hóa.



Tiết kiệm điện tử

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ Tiết kiệm năng lượng. Nếu chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt, mức tiêu thụ năng lượng sẽ giảm và nhiệt độ trong thiết bị sẽ tăng. Thực phẩm vẫn tươi, nhưng thời hạn sử dụng sẽ ngắn lại.

Vùng nhiệt độ Cài đặt	được khuyến nghị (xem phần Cài đặt nhiệt độ trong tủ lạnh)	Nhiệt độ với E hoạt động Tiết kiệm
5 °C phần	Tủ lạnh 4 °C	7 °C

Nhiệt độ

Kích hoạt E-Saver



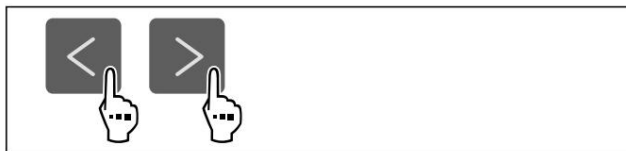
Hình 36



Hình 37

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt.

Hủy kích hoạt E-Saver



Hình 38



Hình 39

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ tiết kiệm năng lượng đã bị vô hiệu hóa.



Chế độ làm sạch

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ vệ sinh. Chế độ vệ sinh cho phép vệ sinh thiết bị một cách thuận tiện.

Cài đặt này áp dụng cho phần tủ lạnh.

Ứng dụng: -

Vệ sinh phần tủ lạnh. (xem 9.7 Vệ sinh thiết bị)

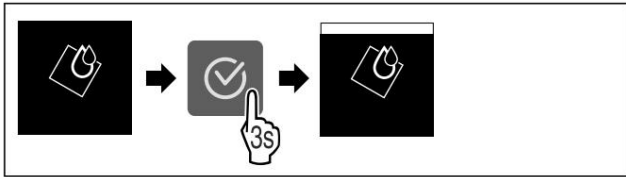
Trạng thái thiết bị khi CleaningMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái luôn hiển thị CleaningMode.
Tủ lạnh đã tắt.
Đèn chiếu sáng bên trong được kích hoạt.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo. Không có âm thanh tín hiệu.

Trạng thái thiết bị

## Kích hoạt CleaningMode



Hình 40

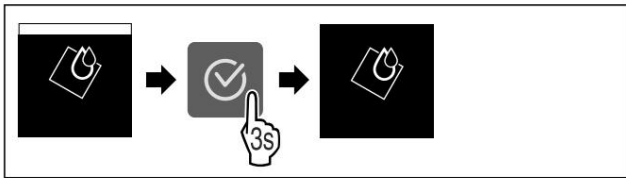


Hình 41

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w CleaningMode được kích hoạt. w Màn hình trạng thái hiển thị CleaningMode liên tục.

## Tắt chế độ CleaningMode

CleaningMode sẽ tự động tắt sau 60 phút. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt chế độ Cleaning-Mode theo cách thủ công bất kỳ lúc nào:



Hình 42

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w CleaningMode bị vô hiệu hóa. w Thiết bị nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



## Độ sáng màn hình

Sử dụng chức năng này để cài đặt độ sáng màn hình theo từng giai đoạn.

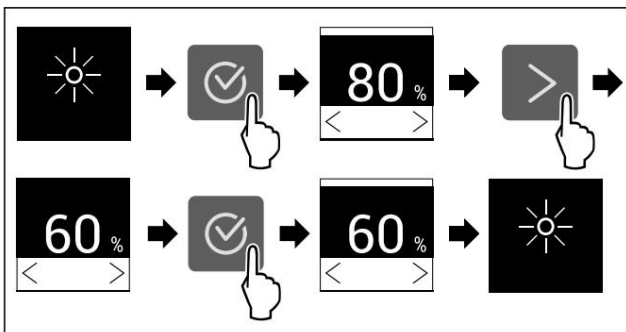
Bạn có thể chọn các mức độ sáng sau:

- 40%
- 60%
- 80%
- 100% (cài đặt trước)

## Thiết lập độ sáng



Hình 43



Hình 44 Ví dụ minh họa: Chuyển từ 80% sang 60%.

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Độ sáng đã được thiết lập.



## Bảng báo động

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa.

Chuông báo cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu.

Có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút

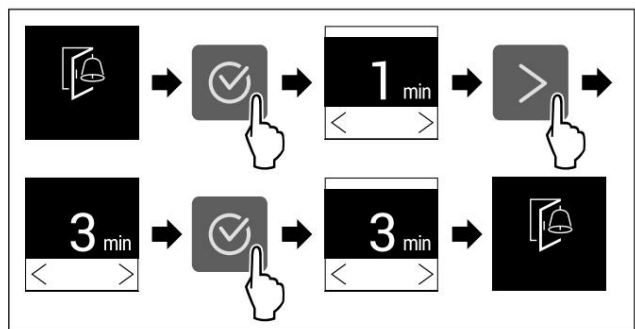
- 2 phút - 3

phút - Tắt

## Cài đặt báo động cửa



Hình 45



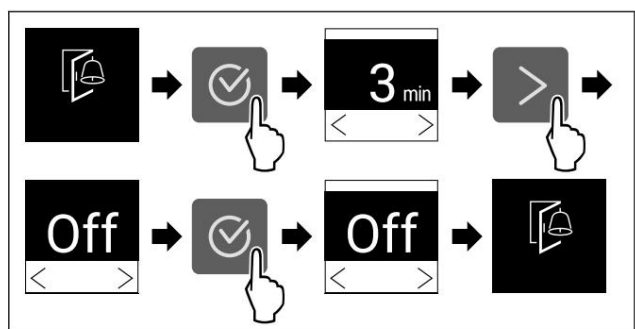
Hình 46 Ví dụ minh họa: Thay đổi báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút. u Thực hiện các bước

hành động theo hình minh họa. w Báo động cửa đã được cài đặt.

## Tắt báo động cửa



Hình 48



Hình 49

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Báo động cửa đã bị vô hiệu hóa.



## Khóa đầu vào

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt khóa đầu vào. Khóa đầu vào ngăn không cho thiết bị được vận hành một cách vô tình, ví dụ như bởi trẻ em.

Ứng dụng: -

Tránh việc sửa đổi chức năng một cách vô ý.

## Kiểm soát

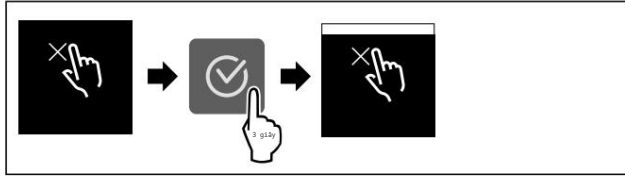
- Tránh tắt thiết bị một cách vô ý.
- Tránh cài đặt nhiệt độ không mong muốn.

Kích hoạt khóa đầu vào Nếu bạn

kích hoạt khóa đầu vào, bạn có thể tiếp tục điều hướng trong menu nhưng không thể chọn hoặc thay đổi các chức năng khác.



Hình 50



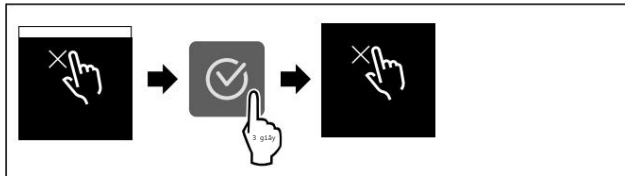
Hình 51

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Khóa đầu vào được kích hoạt.

Vô hiệu hóa khóa đầu vào



Hình 52



Hình 53

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Khóa đầu vào bị vô hiệu hóa.



### Thông tin thiết bị

Sử dụng chức năng này để chỉ ra tên model, chỉ mục, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị của bạn. Bạn sẽ cần thông tin về thiết bị khi liên hệ với dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Chức năng này cũng mở menu Nâng cao. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

Chỉ ra thông tin thiết bị



Hình 54



Hình 55

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



### Phần mềm

Sử dụng chức năng này để chỉ ra phiên bản phần mềm của thiết bị của bạn.

Chỉ ra phiên bản phần mềm



Hình 56



Hình 57

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Màn hình hiển thị phiên bản phần mềm.



### Lỗi nhắc nhở

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt lỗi nhắc. Chức năng này được kích hoạt khi giao hàng.

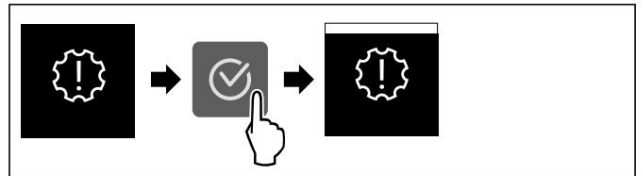
Nếu chức năng này được kích hoạt, những lời nhắc sau sẽ xuất hiện:

- Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir (xem mục Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir)

Kích hoạt lỗi nhắc



Hình 58



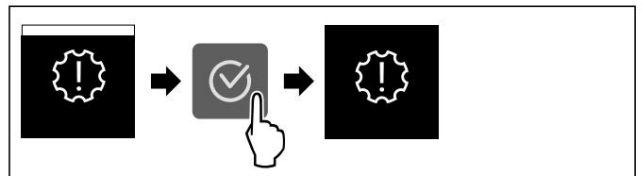
Hình 59

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Nhắc nhở được kích hoạt.

Vô hiệu hóa lỗi nhắc



Hình 60



Hình 61

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Tính năng nhắc nhở đã bị vô hiệu hóa.

## Chế độ demo

Chế độ demo là tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các tính năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

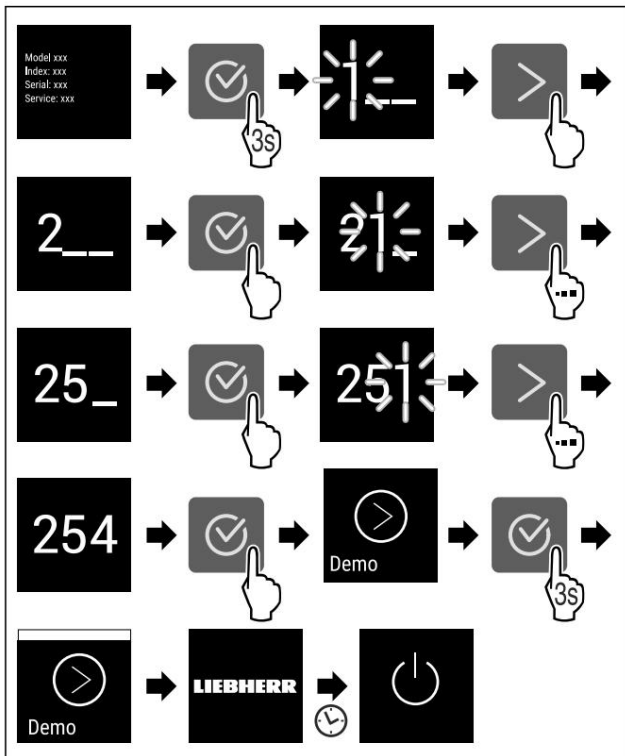
Nếu bạn bật thiết bị và chữ "Demo" xuất hiện trên màn hình trạng thái thì chế độ demo đã được kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt rồi hủy kích hoạt chế độ demo, thiết bị sẽ được khôi phục về cài đặt gốc. (xem mục Khôi phục về cài đặt gốc)

### Kích hoạt chế độ demo



Hình 62



Hình 63

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ demo được kích hoạt. w Thiết bị đã tắt. u Bật thiết bị. (xem

4.1 Bật thiết bị

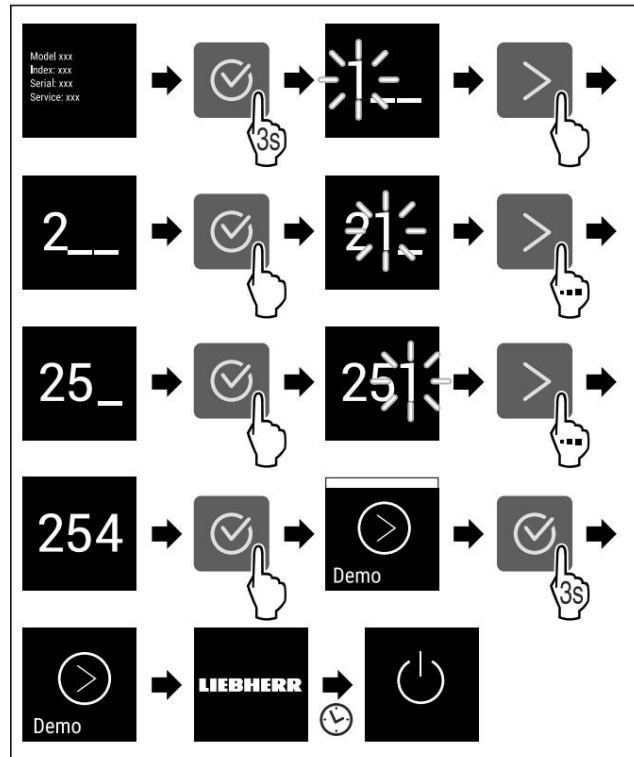
(lần sử dụng

đầu tiên)) w "DEMO" xuất hiện trên màn hình hiển thị trạng thái.

### Tắt chế độ demo



Hình 64



Hình 65

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Chế độ demo bị vô hiệu hóa. w Thiết bị

đã tắt. u Bật thiết bị. (xem

4.1 Bật thiết bị

(lần sử dụng

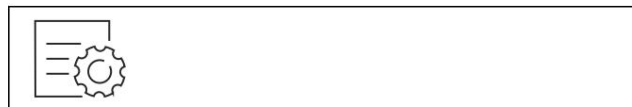
đầu tiên)) Thiết bị được khôi phục về cài đặt gốc.



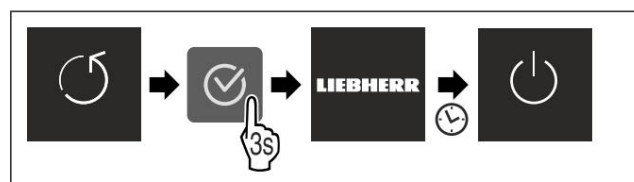
### Đặt lại về cài đặt gốc

Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay đều được khôi phục về cài đặt gốc.

### Thực hiện thiết lập lại



Hình 66



Hình 67

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. w Thiết bị được đặt lại. w

Thiết bị được tắt. u Khởi

động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (đầu tiên

sử dụng))

## 7.3 Tin nhắn

Có hai loại tin nhắn:

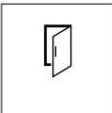
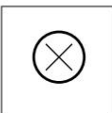
## Kiểm soát

Tầm quan trọng của danh mục	
Cảnh báo Cảnh	báo sẽ xuất hiện trong trường hợp báo động cửa hoặc cửa bị trục trặc. Bạn có thể tự hủy những cảnh báo đơn giản. Trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, bạn phải liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
Nhắc nhở Nhắc	nhờ nhắc nhở bạn về các quy trình chung. Bạn có thể thực hiện các thao tác này để kết thúc tin nhắn.

## 7.3.1 Tổng quan về cảnh báo Hành vi của

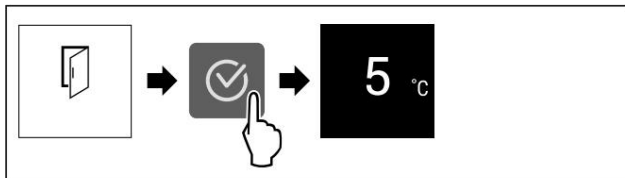
thiết bị trong trường hợp có cảnh báo: - Cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình.

- Âm thanh báo thức vang lên với âm lượng ngày một lớn hơn.
- Đèn chiếu sáng bên trong nhấp nháy để cảnh báo.

Nguyên nhân tin	nhắn	Thoát khỏi tin nhắn
	Thông báo sẽ xuất hiện nếu cửa mở quá lâu.	Thực hiện các bước hành động (xem Báo động cửa).
	Thông báo sẽ xuất hiện nếu có lỗi ở thiết bị. Một bộ phận của thiết bị bị lỗi.	Thực hiện các bước hành động (xem Lỗi).

## 7.3.2 Kết thúc cảnh báo

Bảng báo động



Hình 68 Ví dụ minh họa

u Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

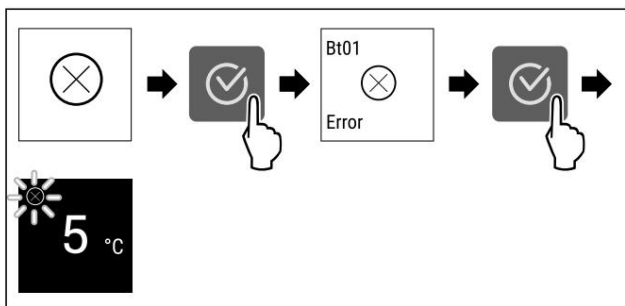
-hoặc-

u Đóng cửa lại.

w Màn hình trở về trạng thái chỉ báo.

Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu. (xem Cài đặt chuông báo cửa)

Lỗi



Hình 69 Ví dụ minh họa u Nhấn

biểu tượng xác nhận. w Mã lỗi được hiển thị. u Ghi lại mã lỗi. u Nhấn biểu tượng xác nhận.


w Màn hình trở về chỉ báo trạng thái. u Liên hệ với Dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

## 7.3.3 Tổng quan về lời nhắc

Hành vi của thiết bị khi có lời nhắc: - Lời nhắc xuất hiện trên màn hình.

- Âm thanh báo thức vang lên.

- Đèn chiếu sáng bên trong nhấp nháy để nhắc nhở một số điều.

Tin nhắn	Gây ra	Thoát khỏi tin nhắn
 Thay thế bộ lọc than hoạt tính Fres- hAir	Thông báo sẽ xuất hiện khi bộ lọc than hoạt tính cần được thay thế.	Thực hiện các bước hành động (xem mục Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir).

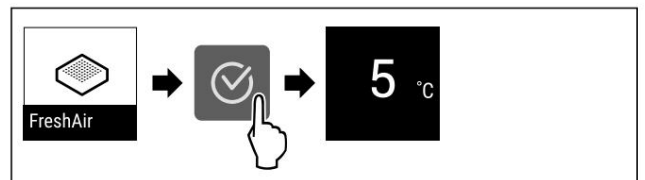
## 7.3.4 Kết thúc lời nhắc nhở

Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir Liebherr khuyến nghị:

Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir 6 tháng một lần.

Lưu ý

Bộ lọc than hoạt tính FreshAir có thể được mua tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html).



Hình 70 Ví dụ minh họa u Nhấn

biểu tượng xác nhận. u Thay bộ lọc than

hoạt tính. (xem 9.1 Bộ lọc than FreshAir) w Bộ lọc than hoạt tính đảm bảo chất lượng không

khí tối ưu trong bộ phận làm mát. w Nhắc nhở xuất hiện lại sau 6 tháng.

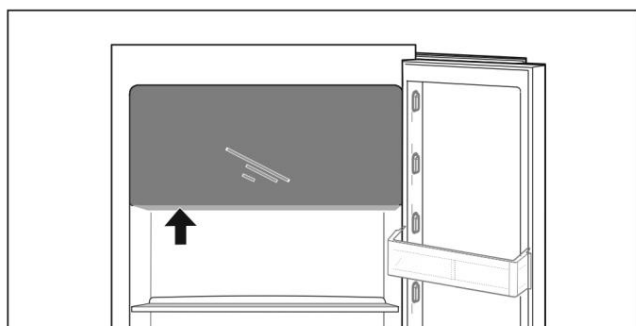
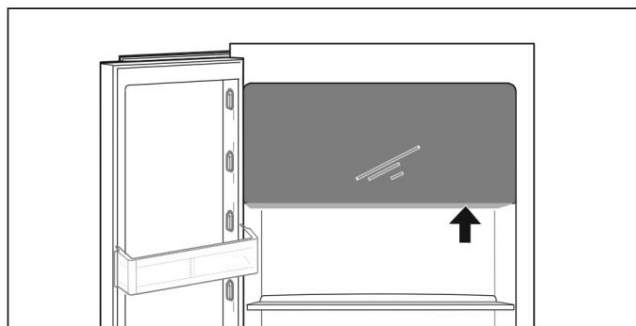
Nếu bạn không muốn nhận lời nhắc này nữa, bạn có thể hủy kích hoạt nó. (xem phần Hủy kích hoạt lời nhắc)



## 8 Tính năng

### 8.1 Ngăn đông 4 sao\*

#### 8.1.1 Mở/đóng ngăn đông



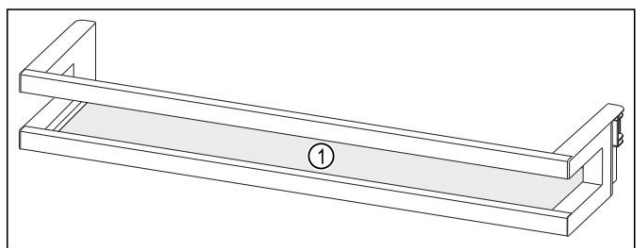
Hình 71

Mở ngăn đông: u Đưa tay vào khu vực tay cầm từ bên dưới. u Đẩy tâm tay cầm trong khi kéo cửa về phía bạn.

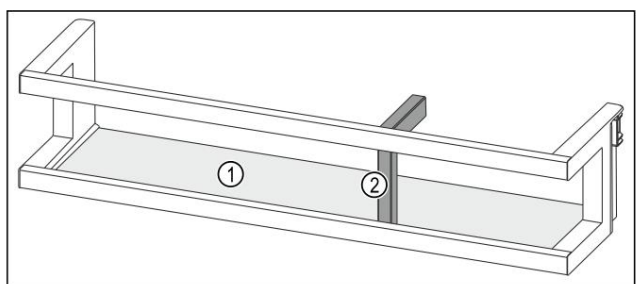
Đóng ngăn đông: u Đóng cửa trong khi đẩy từ phía trước. w Cửa đã được đóng chặt.

### 8.2 Giá cửa

Giá để đồ trên cửa phù hợp để lưu trữ đồ uống và thực phẩm. Bạn có thể di chuyển giá để đồ trên cửa để sử dụng riêng và tháo rời để vệ sinh. Tuy nhiên, Liebherr khuyên bạn nên sử dụng giá để đồ trên cửa ở vị trí như khi giao từ nhà máy.



Hình 72 Ví dụ minh họa, Giá cửa (1) Kệ



Hình 73 Ví dụ minh họa, Giá để đồ trên cửa có giá để chai

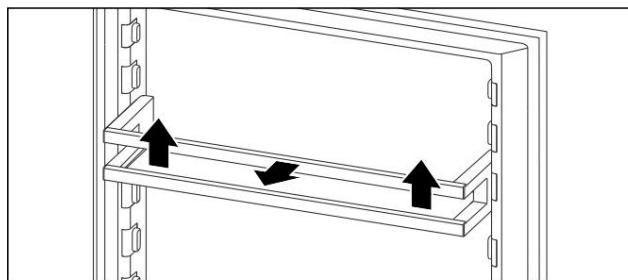
(1) Kệ

(2) Giá đựng chai

Bảng sau đây cho thấy ví dụ về những gì có thể được lưu trữ trong mỗi giá đỡ cửa. Không vượt quá trọng lượng tải tối đa của cửa.

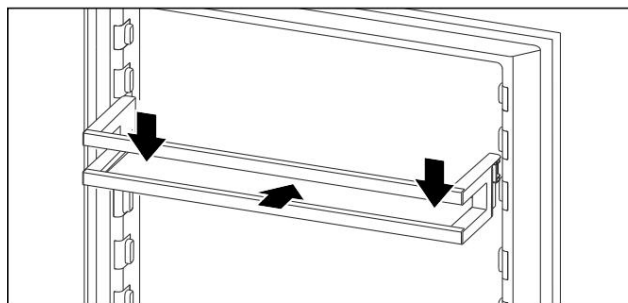
Giá cửa	Đồ ăn
Giá cửa (xem Hình 72)	Bơ, phô mai, đồ hộp, ống
Giá để đồ trên cửa có giá để chai (xem Hình 73)	Chai lọ Giá đựng chai dạng trượt giúp cố định chai trong giá đỡ trên cửa.

#### 8.2.1 Tháo giá đỡ cửa



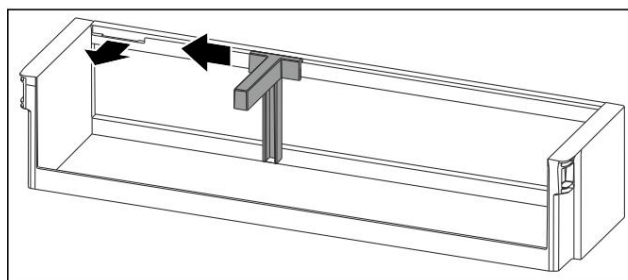
Hình 74 Ví dụ minh họa u Đẩy giá đỡ cửa lên trên. u Kéo giá đỡ cửa về phía trước.

#### 8.2.2 Lắp giá đỡ cửa



Hình 75 Ví dụ minh họa u Trượt giá đỡ cửa vào. u Nhấn giá đỡ cửa xuống.

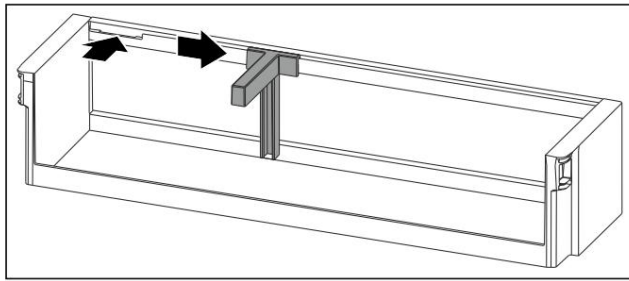
#### 8.2.3 Tháo giá đỡ bình



Hình 76 u Trượt giá đỡ chai sang một bên cho đến tận phần lõm. u Tháo giá đỡ chai về phía trước.

## Đặc trưng

### 8.2.4 Lắp giá đỡ chai

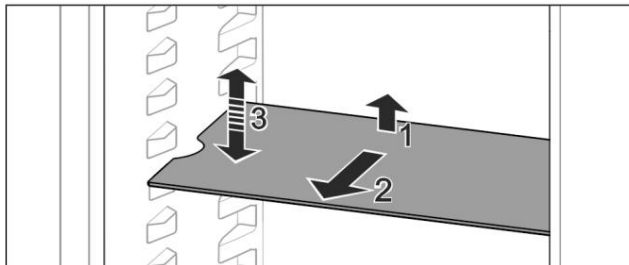


Hình 77

u Lắp giá đỡ bình vào hốc. u Đẩy giá đỡ bình sang một bên đến vị trí mong muốn.

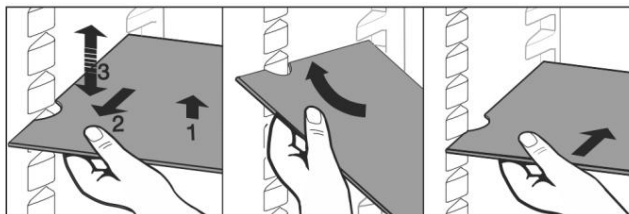
### 8.3 Kệ

8.3.1 Điều chỉnh/tháo kệ Kệ được ngăn không bị kéo ra ngoài một cách vô tình bằng các điểm dừng kéo.



Hình 78 u

Nâng kệ lên và kéo về phía trước. w Căn chỉnh thanh trượt bên. u Điều chỉnh chiều cao của kệ: Nâng hoặc hạ kệ đến độ cao mong muốn và trượt vào. -hoặc-



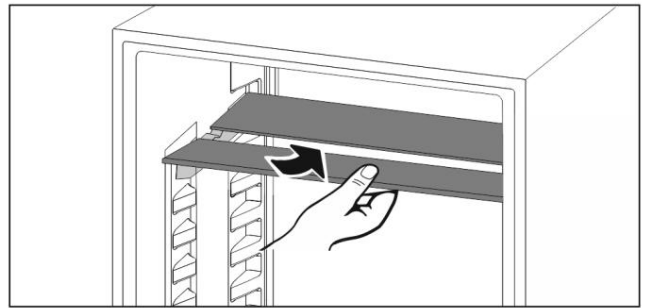
Hình 79

u Tháo hoàn toàn kệ: Kéo ra phía trước. u Tháo dễ hơn: Đặt kệ ở một góc. u Lắp lại kệ: Trượt kệ vào hoàn toàn. w Các nút chặn kéo ra hướng xuống dưới. w Các nút chặn kéo ra nằm phía sau giá đỡ phía trước.

### 8.4 Kệ chia

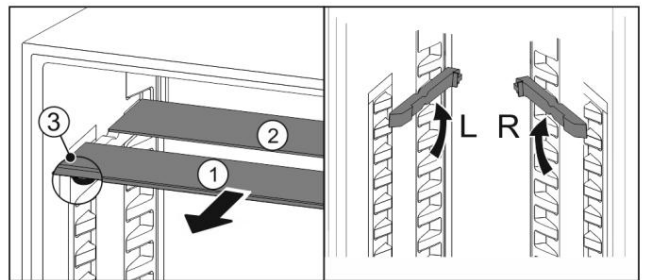
#### 8.4.1 Sử dụng kệ chia

Các kệ được ngăn không cho bị kéo ra ngoài một cách vô tình bằng các điểm dừng kéo.



Hình 80

u Đẩy kệ chia vào bên dưới như hình minh họa.



Hình 81

Điều chỉnh chiều cao: u

Kéo các tấm kính ra khỏi Hình 81 (1) từ phía trước, một ở một thời điểm.

u Thả các thanh ray hỗ trợ và nhấp vào ở độ cao bạn muốn muốn.

u Trượt từng tấm kính vào. w Chốt chặn kéo ra phẳng ở phía trước, ngay phía sau thanh ray đỡ. w Chốt chặn kéo ra cao ở phía sau.

Sử dụng cả hai kệ: u Giữ

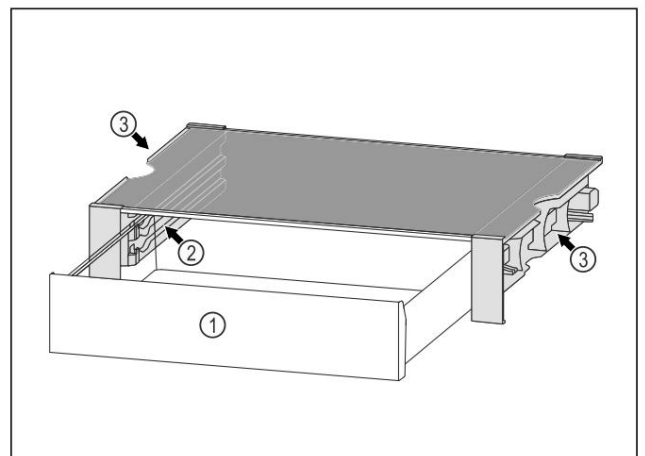
tấm kính bằng một tay và kéo nó về phía đằng trước.

w Tấm kính Hình 81 (1) và dải trang trí nằm ở phía trước. w Các điểm dừng Hình 81 (3) hướng xuống dưới.

Thiết bị có ngăn đông:\* u Không đặt thanh đỡ và kệ chia ở phía trước của quạt.\*

### 8.5 An toàn Vario \*

VarioSafe cung cấp không gian trong ngăn tủ lạnh để đựng các loại thực phẩm nhỏ, bao bì, ống và lọ.



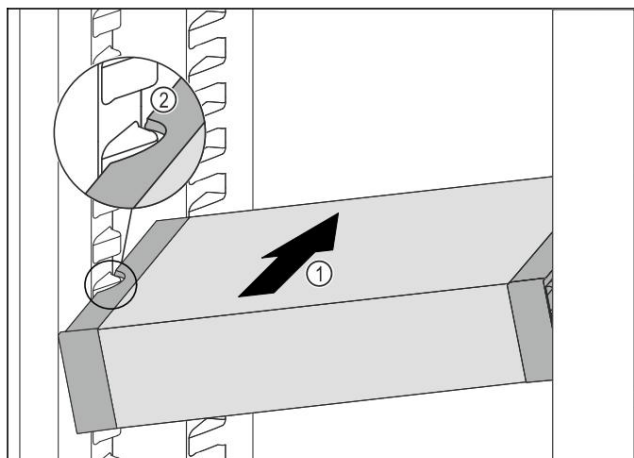
Hình 82

(1) Ngăn kéo VarioSafe

(3) Các rãnh ở mặt bên trái và bên phải

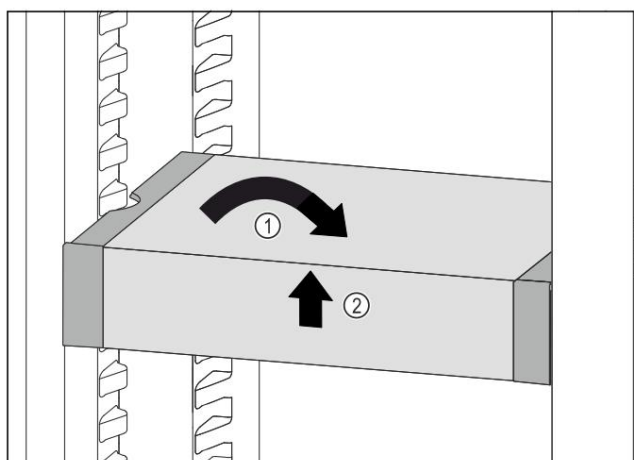
(2) Tấm ốp bên có gờ cho ngăn kéo VarioSafe

## 8.5.1 Lắp VarioSafe



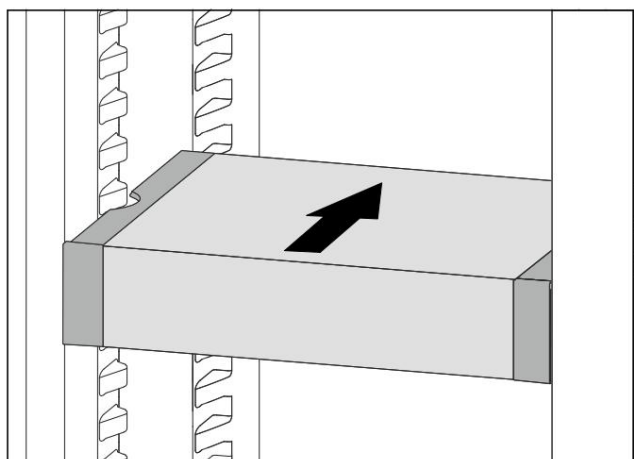
Hình 83

u Lắp VarioSafe vào phần tủ lạnh theo góc Hình 83 (1) cho đến khi các rãnh ở mặt bên Hình 83 (2) của VarioSafe ngang bằng với thanh đỡ ở phần tủ lạnh.



Hình 84

u Đặt VarioSafe thẳng. Hình 84 (1) u Nâng VarioSafe ở phía trước. Hình 84 (2)

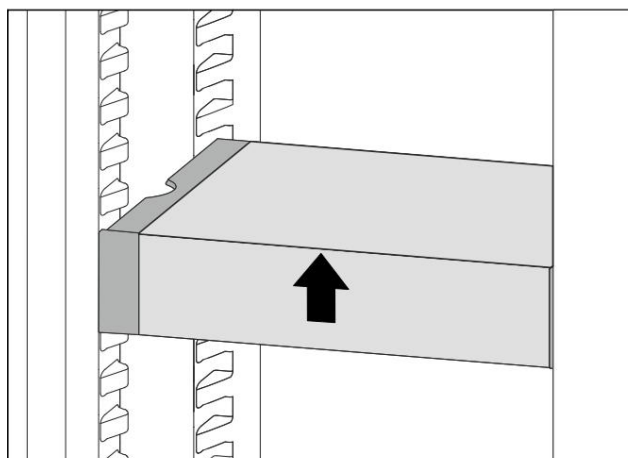


Hình 85

u Nâng VarioSafe lên về phía trước. u Đẩy VarioSafe vào phía sau. u Hạ VarioSafe xuống. w VarioSafe phát ra tiếng kêu. w VarioSafe được lắp vào.

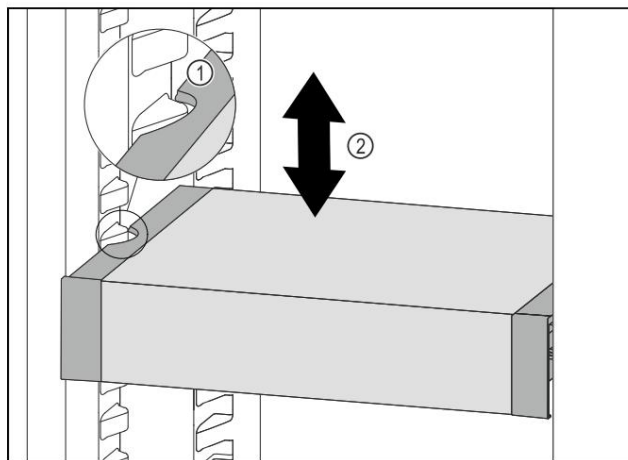
## 8.5.2 Định vị lại VarioSafe

Bạn có thể di chuyển toàn bộ VarioSafe trong ngăn tủ lạnh.



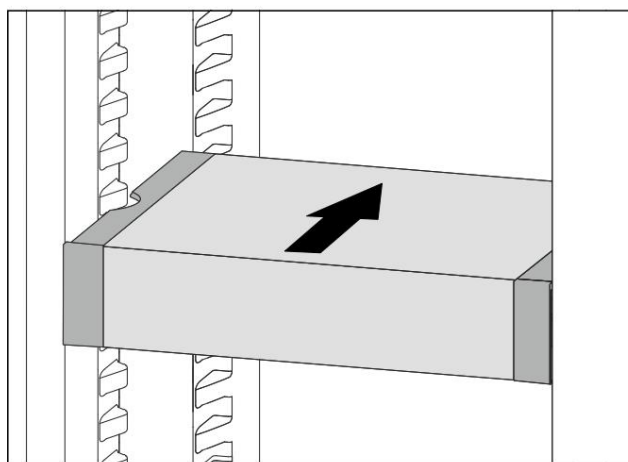
Hình 86

u Nâng VarioSafe ở phía trước.



Hình 87

u Kéo VarioSafe về phía trước cho đến khi các hốc ở bên hông VarioSafe ngang bằng với đỡ trong ngăn tủ lạnh. Hình 87 (1) u Di chuyển VarioSafe lên hoặc xuống trong ngăn tủ lạnh cho đến khi đạt được độ cao mong muốn. Hình 87 (2)



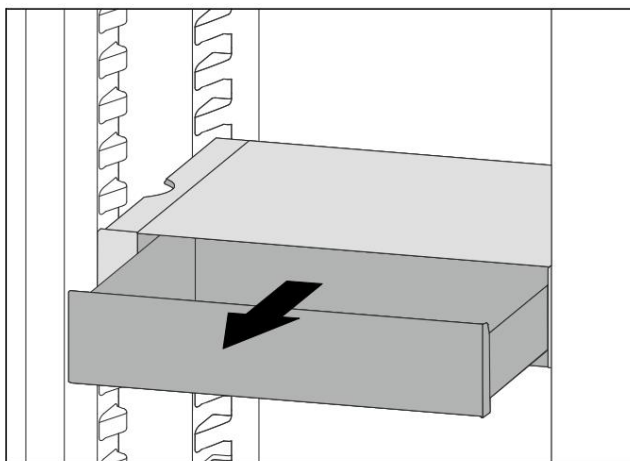
Hình 88

u Nâng VarioSafe ở phía trước. u Đẩy VarioSafe vào phía sau. w VarioSafe phát ra âm thanh. w VarioSafe được bù trừ về chiều cao.

## Đặc trưng

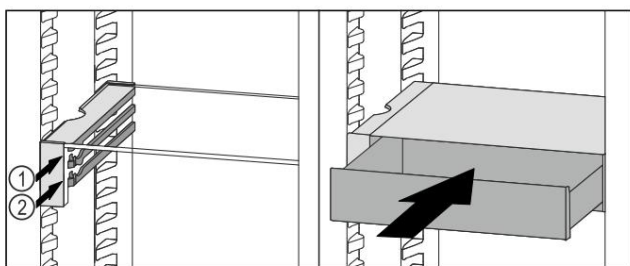
### 8.5.3 Di chuyển ngăn kéo VarioSafe

Bạn có thể sử dụng ngăn kéo VarioSafe ở hai độ cao khác nhau. Nếu bạn muốn lưu trữ thực phẩm cao hơn trong ngăn kéo VarioSafe, hãy trượt ngăn kéo VarioSafe vào trên gờ dưới. Nếu bạn muốn lưu trữ thực phẩm nhỏ hơn trong ngăn kéo VarioSafe, hãy trượt ngăn kéo VarioSafe vào trên gờ trên.



Hình 89

u Kéo ngăn kéo VarioSafe ra xa nhất có thể. u Nâng ngăn kéo VarioSafe lên ở phía trước. u Tháo ngăn kéo VarioSafe ra phía trước.

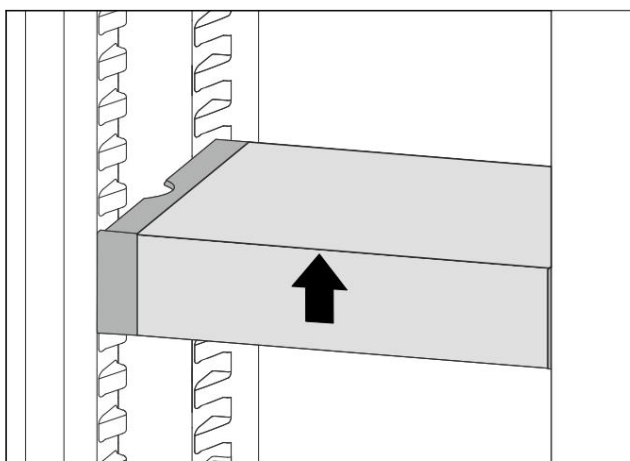


Hình 90

u Nâng ngăn kéo VarioSafe lên ở phía trước. u Đặt ngăn kéo VarioSafe phía sau các nút chặn trên xương sườn mong muốn Hình 90 (1) hoặc Hình 90 (2). w Ngăn kéo VarioSafe được bù trừ về chiều cao.

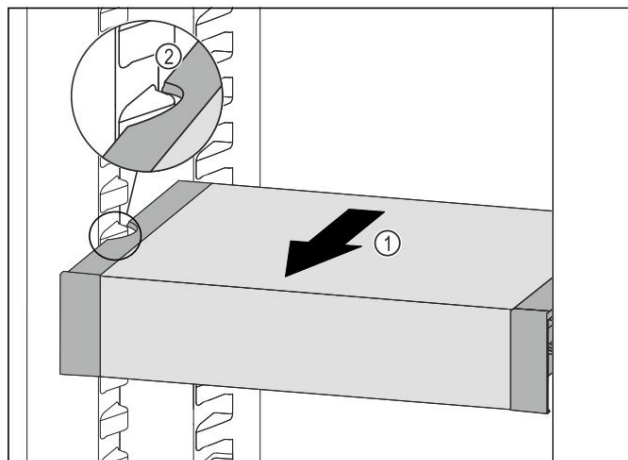
### 8.5.4 Tháo VarioSafe

Bạn có thể tháo toàn bộ VarioSafe.



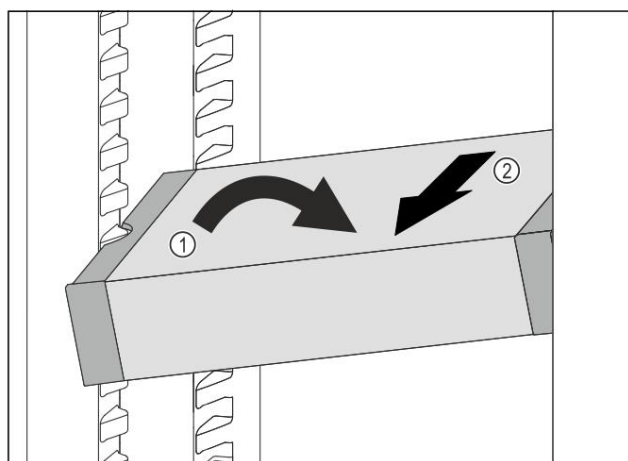
Hình

91 u Nâng VarioSafe ở phía trước.



Hình 92

u Kéo VarioSafe về phía trước Hình 92 (1) cho đến khi các hốc ở bên hông VarioSafe ngang bằng với gờ đỡ ở phần tủ lạnh. Hình 92 (2)

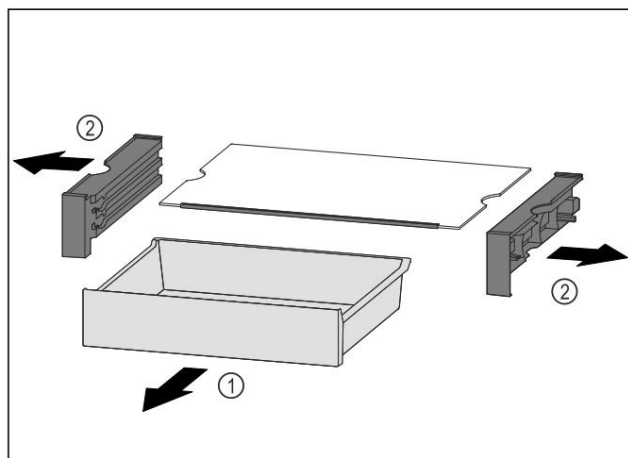


Hình 93

u Đặt VarioSafe vào ngăn tủ lạnh theo một góc nghiêng. Hình 93 (1) u Lấy VarioSafe ra phía trước. Hình 93 (2) w VarioSafe được tháo ra.

### 8.5.5 Tháo rời VarioSafe

Bạn có thể tháo rời VarioSafe thành các bộ phận riêng lẻ nếu bạn muốn vệ sinh VarioSafe hoặc nếu bạn cần lắp hoặc tháo các bộ phận.

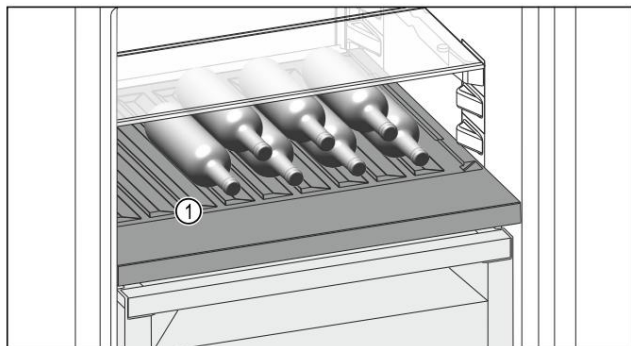


Hình 94

u Tháo toàn bộ VarioSafe. (xem 8.5.4 Tháo VarioSafe )  
u Tháo rời VarioSafe theo hình minh họa.

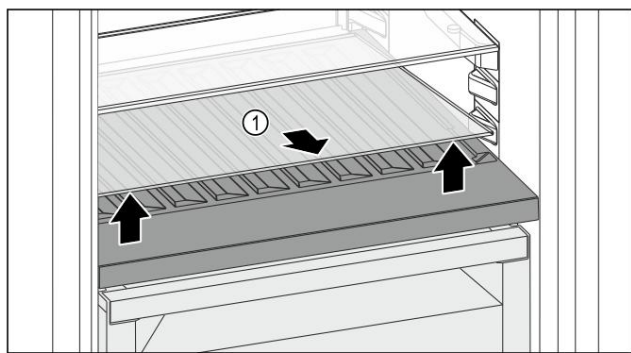
## 8.6 Kệ đựng chai có thể điều chỉnh

Có thể sử dụng kệ kính hoặc giá để chai có thể thay đổi ở phần dưới của tủ lạnh. Kệ kính được lắp vào khi giao hàng.

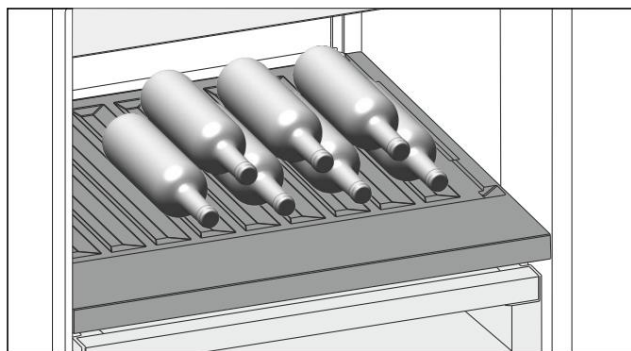


Hình 95 Ví dụ minh họa (1) Giá đựng chai có thể thay đổi

### 8.6.1 Sử dụng giá để chai có thể thay đổi



Hình 96  
u Nâng kệ kính Hình 96 (1) ở phía trước và tháo ra. u Cắt kệ kính Hình 96 (1) ở nơi an toàn bên ngoài thiết bị.



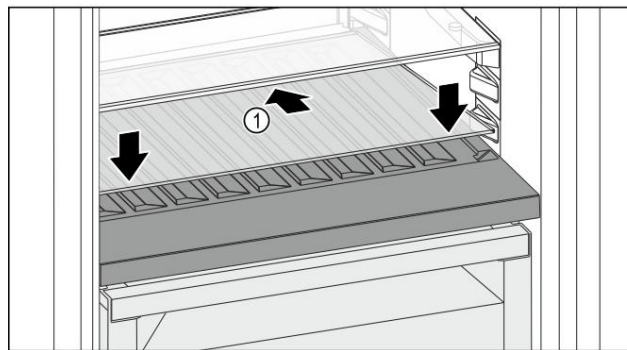
Hình 97  
u Đặt các chai ở hàng sau với đáy chai dựa vào tường phía sau. (xem Hình 97)

#### Lưu ý

Khi các chai nhỏ ra khỏi giá để chai có thể thay đổi ở phía trước: u Đặt giá để cửa dưới cao hơn một vị trí.

### 8.6.2 Sử dụng kệ kính

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Đã tháo chai. q Giá để chai thay đổi được đã được vệ sinh. (xem 9.3 Tháo/lắp giá để chai thay đổi được) (xem 9.7.4 Vệ sinh các bộ phận)



Hình 98

u Đặt kệ kính Hình 98 (1) theo một góc, nghiêng xuống dưới và về phía sau. u Hạ kệ kính Hình 98 (1) xuống phía trước.

## 8.7 Ngăn kéo

Bạn có thể tháo ngăn kéo để vệ sinh.

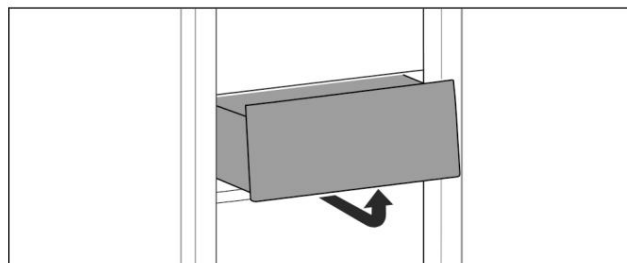
Cách tháo/lắp ngăn kéo khác nhau tùy thuộc vào hệ thống kéo ra. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

#### Lưu ý

ý: Mức tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. Luôn giữ lỗ thông gió của quạt thông thoáng ở tường sau!

### 8.7.1 Ngăn kéo trên ray

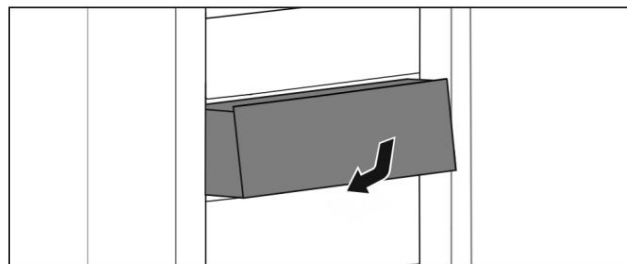
Tháo ngăn kéo



Hình 99

u Tháo ngăn kéo như trong hình minh họa.

Chèn ngăn kéo



Hình 100

u Lắp ngăn kéo như trong hình minh họa.

### 8.7.2 Ngăn kéo trên thanh ray dạng ống lồng

Ngăn kéo chạy trên thanh ray có thể kéo dài (thanh ray dạng ống lồng). Có thanh ray dạng ống lồng có thể kéo dài hoàn toàn và thanh ray dạng ống lồng có thể kéo ra một phần. Các ngăn kéo có thể kéo dài hoàn toàn có thể được kéo ra hoàn toàn khỏi thiết bị. Các ngăn kéo có thể kéo ra một phần không thể được tháo ra hoàn toàn khỏi thiết bị. Hệ thống trong thiết bị của bạn phụ thuộc vào loại thiết bị.

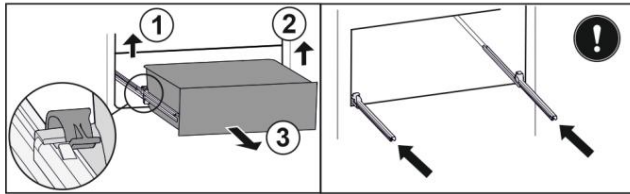
Có thể kéo dài hoàn

toàn\* Nếu bạn có thanh ray có thể kéo dài hoàn toàn, sẽ có một cái kẹp nằm ở phía sau bên trái và bên phải thanh ray.



## Đặc trưng

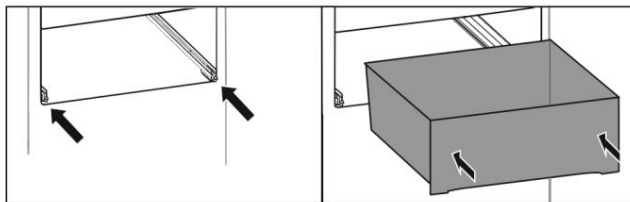
Tháo ngăn kéo



Hình 101

u Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể. u Nâng kẹp bên trái và đồng thời kéo ngăn kéo về phía trước bên trái. Hình 101 (1)  
u Nâng kẹp bên phải và đồng thời kéo ngăn kéo về phía trước bên phải. Hình 101 (2) u Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình 101 (3) u Trượt thanh ray vào.

Chèn ngăn kéo

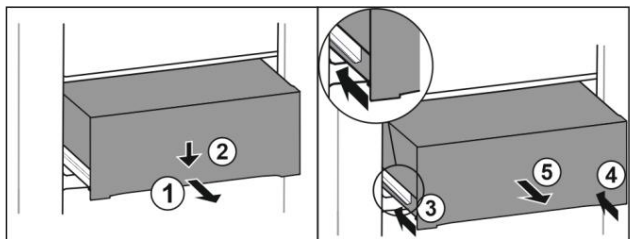


Hình 102

u Trượt thanh ray vào. u Đặt ngăn kéo lên thanh ray. u Trượt ngăn kéo vào phía sau. w Chốt ngăn kéo kêu cọt két ở phía sau.

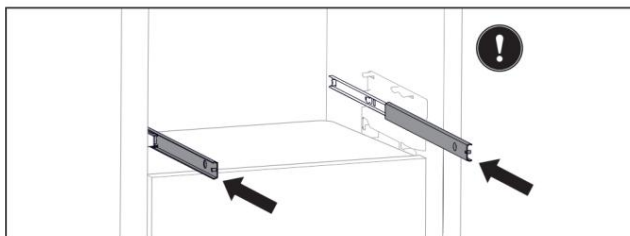
Ngăn tủ lạnh kéo ra một phần\*

Tháo ngăn kéo



Hình 103

u Kéo ngăn kéo ra một nửa. Hình 103 (1) u Đẩy ngăn kéo xuống phía trước. Hình 103 (2) u Đẩy thanh ray bên trái vào khoảng 2 cm. Hình 103 (3) u Đẩy thanh ray bên phải vào khoảng 2 cm. Hình 103 (4) u Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình 103 (5)

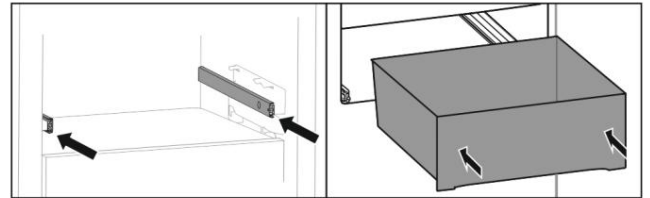


Hình 104

Nếu thanh ray chưa được lắp hoàn toàn sau khi tháo ngăn kéo:

u Đẩy thanh ray vào hoàn toàn.

Chèn ngăn kéo



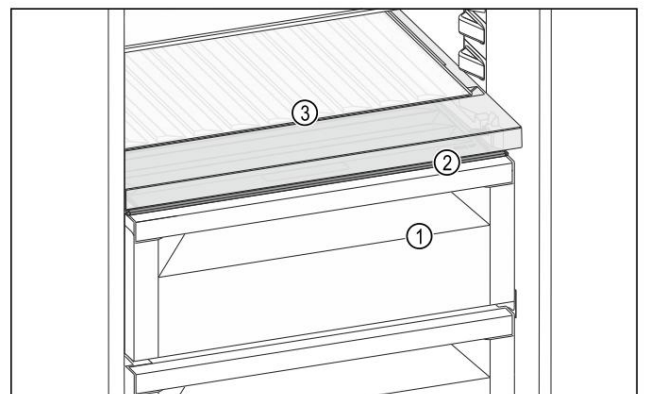
Hình 105

u Trượt thanh ray vào. u Đặt ngăn kéo lên thanh ray. u Trượt ngăn kéo vào phía sau.

## 8.8 Nắp ngăn đựng trái cây và rau quả an toàn

Nắp ngăn chứa đảm bảo độ ẩm luôn ở mức ổn định.

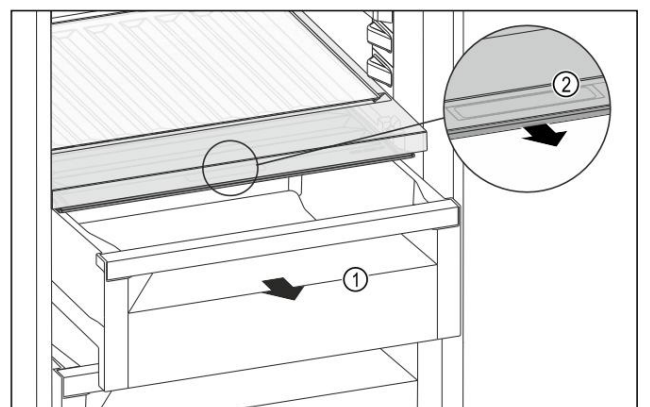
Nắp ngăn nằm trực tiếp trên ngăn kéo và có thể được đẩy bằng các kệ hoặc ngăn kéo bổ sung.



Hình 106 Ví dụ minh họa, nắp ngăn đựng Trái cây & Rau củ an toàn (1) Trái cây & Rau củ an toàn (2) Nắp ngăn đựng

Trái cây & Rau củ an toàn (3) Giá để chai có thể thay đổi

### 8.8.1 Giảm độ ẩm không khí trong ngăn kéo

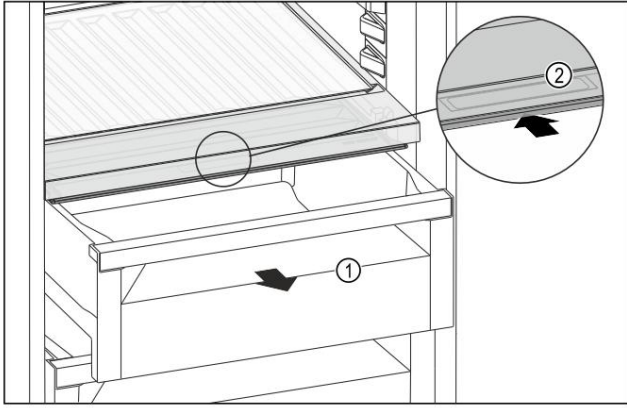


Hình 107

u Kéo ngăn kéo ra Hình 107 (1). u Nắm chặt tay cầm lõm Hình 107 (2) trên nắp ngăn và kéo nắp ngăn về phía trước cùng lúc.

Khi ngăn kéo đóng lại, sẽ có một khe hở nhỏ giữa nắp ngăn và ngăn kéo.

### 8.8.2 Tăng độ ẩm không khí trong ngăn kéo



Hình 108 u

Kéo ngăn kéo ra Hình 108 (1). u Nắm chặt tay cầm lõm Hình 108 (2) trên nắp ngăn và đồng thời đẩy nắp ngăn về phía sau.

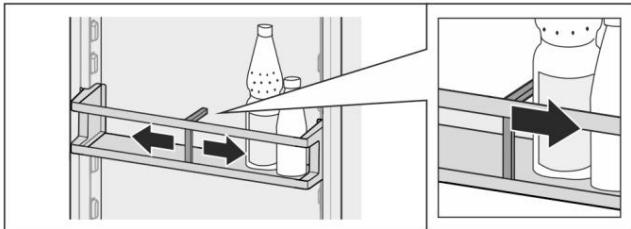
Khi ngăn kéo được đóng lại, nắp ngăn sẽ khít chặt với ngăn kéo.

### 8.8.3 Sử dụng Trái cây & Rau an toàn như Thịt & Sữa an toàn

Bạn có thể sử dụng Fruit & Vegetable Safe như Meat & Dairy Safe. Để làm như vậy, bạn phải giảm độ ẩm trong ngăn kéo. (xem 8.8.1 Giảm độ ẩm không khí trong ngăn kéo)

## 8.9 Giá đựng bình

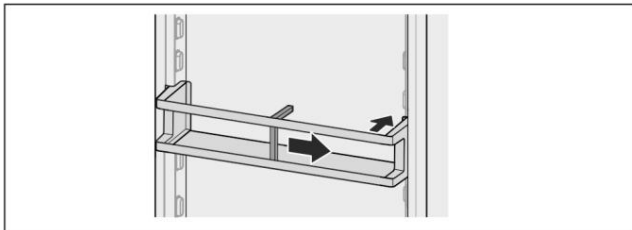
### 8.9.1 Sử dụng giá đỡ chai



Hình 109 u

Đẩy giá đỡ chai vào chai. w Ngăn không cho chai bị đổ.

### 8.9.2 Tháo giá đỡ bình

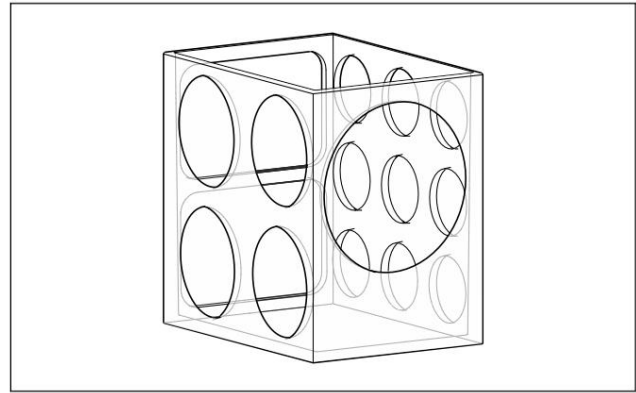


Hình 110

u Di chuyển giá đỡ bình về phía bên phải hoàn toàn. u Đẩy giá đỡ bình về phía sau để tháo ra.

## 8.10 Linh hoạt

FlexCube có nhiều kích cỡ lỗ mở khác nhau, vì vậy bạn có thể cất giữ những vật dụng nhỏ như ống, hộp sữa chua mở hoặc trứng cắt trong đó. Ví dụ, FlexCube vừa với tất cả các giá đỡ cửa Liebherr. Nếu cần, bạn cũng có thể thiết lập nhiều Flex-Cube cạnh nhau.

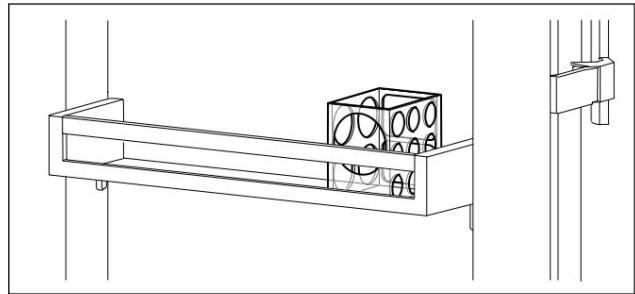


Hình 111 Ví dụ minh họa

Lưu ý:

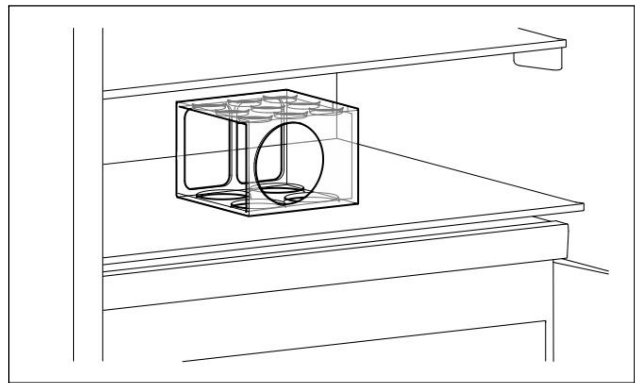
Bạn có thể mua những phụ kiện này tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html).

### 8.10.1 Sử dụng FlexCube



Hình 112 Ví dụ minh họa u Lắp FlexCube vào giá đỡ cửa.

-hoặc-



Hình 113 Ví dụ minh họa u Đặt FlexCube lên kệ.

u Phân loại các bộ phận nhỏ vào FlexCube để lưu trữ.

## 9 Bảo trì

### 9.1 Bộ lọc carbon FreshAir

Bộ lọc carbon FreshAir nằm ở ngăn phía trên quạt.

Đảm bảo chất lượng không khí tốt nhất. q

Thay bộ lọc carbon sau mỗi 6 tháng.

Khi cài đặt lời nhắc, một thông báo trên màn hình sẽ nhắc bạn thay bộ lọc. q

Bộ lọc carbon có thể được thải bỏ cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

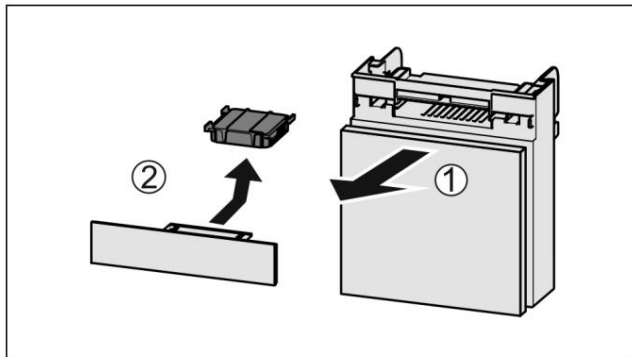


## BẢO TRÌ

### Lưu ý

Bộ lọc than hoạt tính FreshAir có thể được mua tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html).

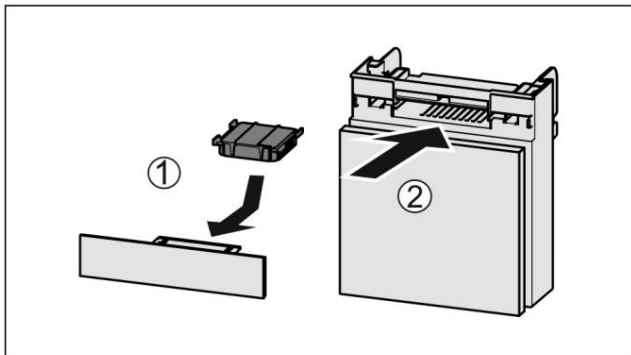
### 9.1.1 Tháo bộ lọc carbon FreshAir



Hình 114

u Kéo ngăn ra Hình 114 (1). u Tháo bộ lọc carbon Hình 114 (2).

### 9.1.2 Lắp bộ lọc carbon FreshAir



Hình 115

u Lắp bộ lọc carbon như trong sơ đồ Hình 115

(1). w Bộ lọc carbon được lắp vào đúng vị trí.

Nếu bộ lọc carbon hướng xuống dưới:

u Đẩy ngăn trong Hình 115 (2). w Bộ lọc carbon hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

## 9.2 Tháo rời / lắp ráp hệ thống kéo ra

### 9.2.1 Lưu ý khi tháo rời

Bạn có thể tháo rời một số hệ thống kéo ra để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

Các hệ thống kéo ra sau đây có thể tháo rời hoặc không thể tháo rời:

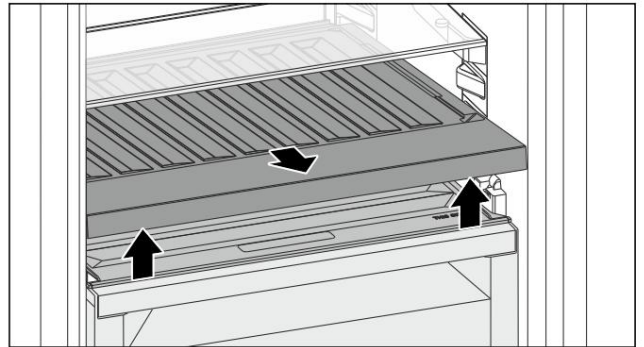
Hệ thống kéo ra	Có thể tháo rời / không thể tháo rời
Ngăn kéo trên ray	không thể tháo rời
Có thể mở rộng hoàn toàn*	không thể tháo rời*
Phần tủ lạnh kéo ra một phần* không thể	tháo rời*

## 9.3 Tháo/lắp giá đựng chai có thể thay đổi

Giá để chai có thể tháo rời để vệ sinh.

### 9.3.1 Tháo giá đựng chai có thể thay đổi

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Đã tháo chai. q Đã tháo kệ kính. (xem 8.6.1 Sử dụng giá để chai có thể thay đổi)



Hình 116

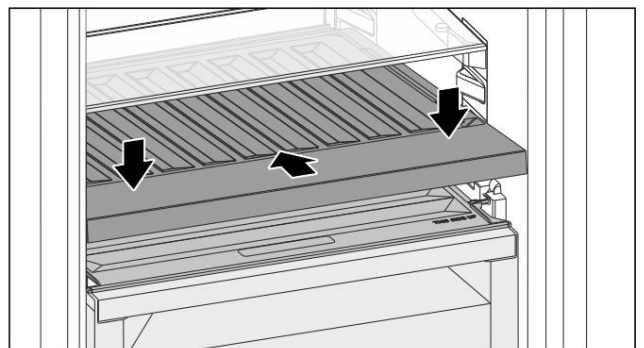
u Nâng giá để chai có thể thay đổi ở phía trước và kéo ra. w Có thể nhìn thấy nắp ngăn chứa.

### Ghi chú

Liebherr khuyến nghị:

Không đặt bất kỳ vật dụng nào lên nắp ngăn bên dưới.

### 9.3.2 Lắp giá đựng chai có thể thay đổi



Hình 117

u Đẩy giá đựng chai có thể thay đổi vào điểm dừng cuối cùng và nhấn hạ nó xuống.

u Lắp kệ kính vào. (xem 8.6.2 Sử dụng kệ kính)

-hoặc- u Sử dụng giá để chai có thể thay đổi cho chai.

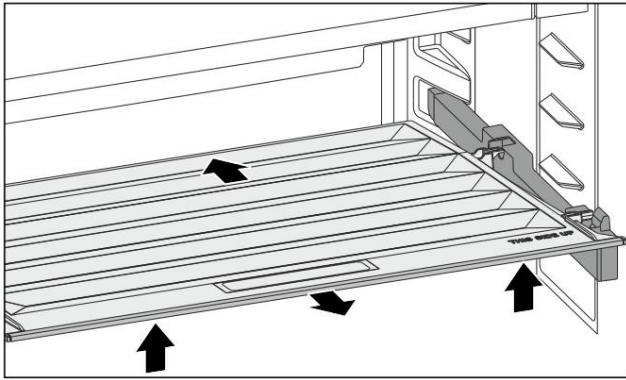
## 9.4 Nắp ngăn đựng trái cây và rau quả an toàn

Bạn có thể tháo nắp ngăn để vệ sinh.

### 9.4.1 Tháo nắp ngăn

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Kệ kính ngay phía trên giá để chai có thể thay đổi được đã bị xóa.

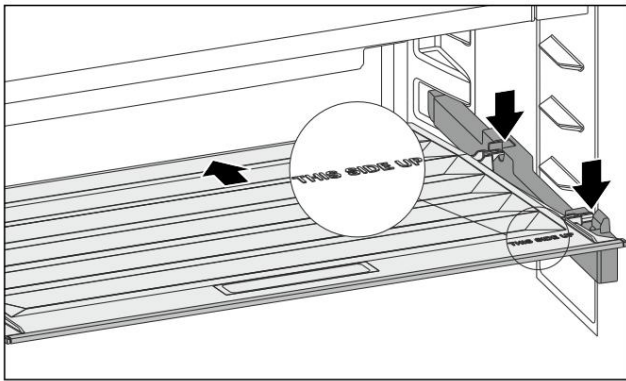
q Giá để chai có thể thay đổi đã được tháo bỏ. q Ngăn kéo ngay bên dưới nắp ngăn đã được tháo bỏ. (xem 8.7 Ngăn kéo)



Hình 118

u Đẩy nắp ngăn về phía sau. u Nâng nắp ngăn về phía trước. u Tháo nắp ngăn về phía trước và lên trên cùng một lúc lên trên cùng một lúc góc.

#### 9.4.2 Lắp nắp ngăn



Hình 119

Nếu chữ **NÀY HƯỚNG LÊN** ở trên cùng: u Lắp các bộ phận giữ phía sau vào khe hở phía sau có liên quan ings. u Đẩy nắp ngăn về phía sau. u Hạ nắp ngăn về phía trước và lắp các bộ phận giữ phía trước vào các lỗ mở. u Di chuyển nắp ngăn đến vị trí mong muốn.

### 9.5 Rã đông thiết bị



**CẢNH BÁO** Rã

đông thiết bị không đúng cách!  
Thương tích và thiệt hại.

u Không sử dụng thiết bị cơ học hoặc các phương pháp khác để đẩy nhanh quá trình rã đông ngoài những phương pháp được nhà sản xuất khuyến nghị. u Không sử dụng thiết bị sưởi ấm hoặc làm sạch bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rã đông để rã đông. u Không sử dụng vật sắc nhọn để loại bỏ băng.

Quá trình rã đông được thực hiện tự động. Nước từ quá trình rã đông chảy qua lỗ thoát và bốc hơi. u Vệ sinh lỗ thoát nước theo định kỳ.

(xem 9.7 Vệ sinh thiết bị)

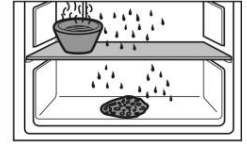
### 9.6 Rã đông ngăn đông bằng tay\*

Một lớp sương giá hoặc băng sẽ hình thành sau thời gian dài sử dụng.

Các yếu tố sau đây thúc đẩy sự hình thành sương giá hoặc băng: - Thiết bị được mở thường xuyên.  
- Cho thức ăn nóng vào.

u Tắt thiết bị. u Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm hoặc chuyển cầu chì tắt.

u Bọc thực phẩm đông lạnh bằng báo hoặc chăn và bảo quản ở nơi mát mẻ.



u Đặt một chậu nước nóng (không sôi) lên kệ giữa. w Việc này giúp đẩy nhanh quá trình rã đông. u Để ngăn và cửa thiết bị mở trong khi rã đông. u Lấy những miếng đá đã rã ra. u Thấm nước đá tan chảy bằng miếng bọt biển hoặc vải nhiều lần nếu cần.

u Vệ sinh thiết bị. (xem 9.7 Vệ sinh thiết bị)

## 9.7 Vệ sinh thiết bị

### 9.7.1 Sẵn sàng



**CẢNH BÁO** Nguy

cơ điện giật! u Tháo đầu nối tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện cung cấp.



**CẢNH BÁO** Nguy

cơ hỏa hoạn  
u Không làm hỏng mạch làm lạnh.

u Làm trống thiết bị. u Tháo đầu nối nguồn điện.

-hoặc-

u Kích hoạt CleaningMode. (xem CleaningMode)

### 9.7.2 Vệ sinh vỏ máy

LƯU Ý Vệ

sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. u Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng trung tính pH người dọn dẹp.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước. u Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, cloxua hoặc axit.



**CẢNH BÁO** Có

nguy cơ bị thương và hư hỏng do hơi nước nóng!

Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt. Không sử dụng bất kỳ máy làm sạch bằng hơi nước nào!

u Lau sạch vỏ máy bằng vải mềm, sạch. Nếu rất bẩn, hãy sử dụng nước ấm với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được vệ sinh bằng chất tẩy rửa kính.

## Trợ giúp khách hàng

### 9.7.3 Vệ sinh bên trong

#### LƯU Ý Vệ

sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. u Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng trung tính pH người dọn dẹp.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước. u Không sử dụng bất kỳ

chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorea hoặc axit.

u Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. u Bề mặt kim loại: vệ sinh bằng tay với vải

mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. u Lỗ thoát nước: loại bỏ cặn bẩn bằng vật mỏng (ví dụ như tăm bông).

### 9.7.4 Vệ sinh các thành phần

#### LƯU Ý Vệ

sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. u Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng trung tính pH người dọn dẹp.

u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.

u Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc có tính mài mòn, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorea hoặc axit.

Vệ sinh bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa:

- Giá treo cửa
- Cái kệ
- Kệ chia ngăn
- VarioSafe\*
- Vỏ bảo vệ trái cây và rau quả
- Ngăn kéo
- Kệ để chai có thể điều chỉnh

Lau sạch bằng khăn ẩm:

- Thanh ray có thể thu vào

Xin lưu ý: Mở trong rãnh được dùng để bôi trơn và không được loại bỏ!

Rửa bằng máy rửa chén ở nhiệt độ lên đến 60 °C:

- Giá đựng chai -

Giá đỡ kệ chia - FlexCube u Để tháo rời các bộ phận:

xem phần có liên quan. u Vệ sinh các bộ phận.

### 9.7.5 Sau khi vệ sinh

u Lau khô thiết bị và các bộ phận. u Kết nối và bật thiết bị.

Nhiệt độ đủ lạnh: u Đặt thực phẩm vào bên trong. u Lập lại việc vệ sinh

thường xuyên.

## 10 Trợ giúp khách hàng

### 10.1 Thông số kỹ thuật

Phạm vi nhiệt độ	
Làm mát	3 °C đến 9 °C
Sinh học tươi	0 °C đến 3 °C

Lượng đá viên tối đa / 24 giờ	
Ngăn đông lạnh*	xem loại tấm dưới "Khả năng đóng băng . / 24 giờ" *

Chiếu sáng	
Lớp 1	Nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng đạt hiệu suất năng lượng loại G.	DẪN ĐẾN

1 Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có các mức hiệu suất năng lượng khác nhau. Mức hiệu suất năng lượng thấp nhất được chỉ định.

### 10.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị phát ra nhiều tiếng động khác nhau khi bật.

- Ở nhiệt độ cao hơn, thiết bị sử dụng ít năng lượng hơn nhưng hoạt động lâu hơn. Nó yên tĩnh hơn.
- Ở nhiệt độ thấp hơn, thực phẩm được làm mát nhanh hơn. to hơn.

Ví dụ: • Chức

năng bật (xem 7.2 Chức năng của thiết bị) • Quạt đang chạy

• Thực phẩm mới

thêm vào • Nhiệt độ môi trường

cao • Cửa mở trong một thời gian

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Súy bọt bắn tung tóe	Và Chất làm mát chảy vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng rít	Chất làm mát phun vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng vo ve	Thiết bị đang làm mát. Thẻ tích phụ thuộc vào công suất làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng rì rào rì rào	Và Quạt đang chạy. Hoạt động	tiếng ồn hoạt động bình thường
Nhấp chuột	Các thành phần được bật và tắt.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường
Tiếng vo ve lạch cạch	hoặc Van hoặc nắp đang hoạt động.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường

Tiếng ồn	Khả thi gây ra	Loại tiếng ồn	Nâng
Rung động	Thiết lập không đúng	Tiếng ồn bị lỗi	Cân bằng thiết bị bằng chân có thể điều chỉnh.
Tiếng lạch cạch	Linh kiện, vật dụng bên trong thiết bị	Tiếng ồn bị lỗi	Các thành phần an toàn. Chứa đủ khoảng trống giữa các vật dụng.

### 10.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn được thiết kế và chế tạo để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ cao. Trong trường hợp không may xảy ra lỗi trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem lỗi có phải do lỗi vận hành không. Nếu có, bạn sẽ phải trả phí

chi phí gọi điện và sửa chữa ngay cả khi vẫn còn trong thời hạn bảo hành.

Bạn có thể tự mình sửa những lỗi sau.

#### 10.3.1 Chức năng của thiết bị

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không được cắm đúng cách vào ổ cắm.	u Kiểm tra phích cắm điện.
	Có vấn đề gì đó ở cầu chì ổ cắm điện.	u Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	u Đóng chặt thiết bị. u Bảo vệ thực phẩm: Đặt túi lạnh lên trên thực phẩm hoặc sử dụng tủ đông khác nếu mất điện lâu hơn.* u Không đóng lại thực phẩm đã rã đông.*
	Ổ cắm IEC không được cắm đúng cách vào thiết bị.	u Kiểm tra ổ cắm IEC.
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Cửa thiết bị không được đóng đúng cách.	u Đóng cửa thiết bị.
	Nhiệt độ môi trường quá cao.	u Giải pháp cho vấn đề: (xem 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị)
	Thiết bị được mở quá nhiều lần hoặc quá lâu.	u Dự xem nhiệt độ cần thiết có tự điều chỉnh hay không. Nếu không, hãy liên hệ với Dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
	Nhiệt độ được cài đặt không đúng. u Giảm nhiệt độ xuống và kiểm tra sau 24 giờ.	
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (lò nướng, lò tản nhiệt, v.v.).	u Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Có thể thay thế gioăng cửa. Có thể thay thế mà không cần dụng cụ chuyên dụng.	u Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc hơi nước ngưng tụ.	Gioăng cửa có thể bị trượt ra ngoài. Kiểm tra xem gioăng cửa có được lắp chặt vào rãnh của nó không.	
Thiết bị nóng khi chạm vào bên ngoài*.	Nhiệt của mạch làm lạnh được sử dụng để tránh ngưng tụ.	u Đây là điều bình thường.

#### 10.3.2 Tính năng

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Đèn bên trong không sáng.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị.	
	Cửa đã mở lâu hơn 15 phút.	u Đèn chiếu sáng bên trong sẽ tự động tắt sau khoảng 15 phút khi cửa mở.
	Đèn LED bên trong bị lỗi hoặc nắp bị hỏng.	u Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
Ngăn đông không thể đóng được.*	Khóa được bật khi cửa được mở mở.	u Sử dụng lại tay cầm.

Đang tắt máy

10.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục lỗi hay không (xem mục 10 Trợ giúp khách hàng). Nếu bạn không thể khắc phục sự cố, hãy liên hệ với Dịch vụ khách hàng.

Bạn có thể tìm địa chỉ trong tờ rơi kèm theo "Liebherr-Service" hoặc tại [home.liebherr.com/service](http://home.liebherr.com/service).



CẢNH BÁO Sửa

chữa không chuyên nghiệp!

Thương

tích. u Bất kỳ sửa chữa và hành động nào - không được chỉ định rõ ràng - trên thiết bị và cáp nguồn chỉ được thực hiện bởi nhân viên bảo dưỡng. (xem phần 9 Bảo trì) u Cấp nguồn bị hỏng chỉ có thể được

thay thế bởi nhà sản xuất, Dịch vụ khách hàng của nhà sản xuất hoặc một người có trình độ tương đương. u Trong trường hợp thiết bị có đầu nối IEC, khách hàng có thể thực hiện thay đổi.

10.4.1 Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng

Đảm bảo rằng thông tin thiết bị sau đây có sẵn:

q Tên thiết bị (mẫu và chỉ mục) q Số dịch vụ (Dịch vụ) q Số sê-ri (Số S)

u Gọi thông tin thiết bị qua màn hình hiển thị. (xem Thông tin thiết bị)

-hoặc-

u Tham khảo bảng loại để biết thông tin về thiết bị. (xem 10.5 Bảng kiểu máy)

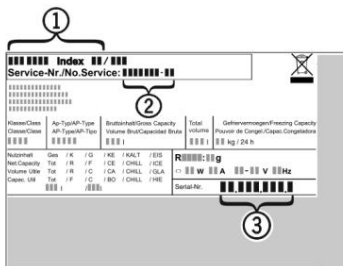
u Ghi lại thông tin về thiết bị. u Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Báo cáo lỗi và thông tin về thiết bị. w Điều này sẽ giúp chúng tôi

cung cấp cho bạn dịch vụ nhanh hơn và chính xác hơn.

u Thực hiện theo hướng dẫn tiếp theo từ Bộ phận Dịch vụ Khách hàng.

10.5 Tấm mô hình

Tấm mô hình nằm ở phía sau các ngăn kéo bên trong thiết bị.



Hình 120

(1) Mô tả thiết bị (2) Số dịch vụ u Lưu ý dữ liệu trên tấm mô hình. (3) Số sê-ri.

11 Tắt máy

u Làm trống thiết bị. u Tắt thiết bị. (xem Tắt thiết bị và trên)

u Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm. u Tháo ổ cắm IEC nếu cần: Rút ổ cắm IEC ra khỏi phích cắm của thiết bị và di chuyển sang trái và phải cùng lúc. u Vệ sinh thiết bị. (xem 9.7 Vệ sinh thiết bị)

u Để cửa mở để không có mùi khó chịu nào thoát ra.

12 Xử lý

12.1 Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ



Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị của mình. Tại EU, vì lý do môi trường, luật pháp yêu cầu người dùng cuối phải tháo pin này trước khi vứt bỏ các thiết bị cũ. Nếu thiết bị của bạn có pin, sẽ có thông báo tương ứng kèm theo.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không làm hỏng chúng, hãy tháo chúng trước khi vứt bỏ.

u Ngừng sử dụng thiết bị. u Nếu có thể: tháo đèn mà không làm hỏng chúng.

12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



Thiết bị này vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải được xử lý riêng với rác thải đô thị chưa phân loại.



Vứt bỏ pin riêng với thiết bị cũ. Để làm như vậy, bạn có thể trả lại pin miễn phí cho các nhà bán lẻ cũng như các trung tâm tái chế và trung tâm thu gom vật liệu tái chế.

Đèn

Xử lý đèn đã tháo bỏ thông qua hệ thống thu gom tương ứng.

Đối với Đức:

Bạn có thể vứt bỏ thiết bị miễn phí thông qua các thùng thu gom loại 1 tại các trung tâm thu gom vật liệu tái chế và tái chế tại địa phương. Khi mua tủ lạnh/tủ đông mới, nếu diện tích bán hàng > 400 m<sup>2</sup>, các nhà bán lẻ cũng sẽ lấy lại thiết bị cũ miễn phí.



CẢNH BÁO Rò

ri chất làm mát và dầu!

Cháy. Chất làm mát chứa trong thiết bị thân thiện với môi trường, nhưng cũng dễ cháy. Dầu chứa trong thiết bị dễ cháy. Chất làm mát và dầu thoát ra có thể bắt lửa nếu nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. u Không làm hỏng đường ống của mạch làm mát và máy nén.

u Tuân thủ các lưu ý khi vận chuyển thiết bị. u Vận chuyển thiết bị mà không làm hỏng thiết bị. u Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị theo đúng thông số kỹ thuật nêu trên.





[home.liebherr.com/fridge-manuals](http://home.liebherr.com/fridge-manuals)

**EN**

Ngày phát hành: 20250210

Mã số sản phẩm: 7083568-01

Liebherr-Hausgeräte Marica E00D

Plovdiv là một thành phố

4202 Radinovo

Bungari